

LIÊN HIỆP HỘI VỀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC VÀ BỒ TRỢ PHÁP LÝ

BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

TÊN ĐỀ TÀI:
PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM HIỆN NAY

Mã số: KHCNCS.2024.02

Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Thị Bình

Hà Nội, 6/2025

LIÊN HIỆP HỘI VỀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC VÀ BỒ TRỢ PHÁP LÝ

BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

TÊN ĐỀ TÀI:
PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM HIỆN NAY

Mã số: KHCNCS.2024.02

Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Thị Bình

Hà Nội, 6/2025

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt	Nghĩa của từ
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
UBND	Ủy ban nhân dân
BVMT	Bảo vệ môi trường

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	2
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu	7
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	8
5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	9
6. Đóng góp mới của đề tài.....	9
7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn	9
8. Kết cấu đề tài.....	10
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Ở NÔNG THÔN	11
1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn	11
1.2. Sự cần thiết phải quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn.....	18
1.3. Khái niệm quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn, pháp luật về quản lý chất thải ở nông thôn.....	19
1.4. Nội dung của pháp luật quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn	24
1.5. Vai trò của pháp luật quản lý chất thải rắn ở nông thôn.....	36
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1	43
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Ở NÔNG THÔN VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY	44
2.1. Các quy định phòng ngừa, giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn và thực tiễn thực hiện	45
2.2. Các quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn tại nguồn và thực tiễn thực hiện	48
2.3. Các quy định về tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn và thực tiễn thực hiện	54
2.4. Các quy định về thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn và thực tiễn thực hiện	57
2.5. Các quy định về xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn và thực tiễn thực hiện	64
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2	72
Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Ở NÔNG THÔN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY	73
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn và nâng cao hiệu quả thực hiện tại Việt Nam hiện nay.....	73
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn	79
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn.....	87
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3	98
KẾT LUẬN	100
TÀI LIỆU THAM KHẢO	102

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội toàn cầu đang phát triển mạnh mẽ, vấn đề môi trường đang ngày càng trở thành mối quan tâm sâu sắc. Ở Việt Nam, từ khi chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, cùng với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chất lượng môi trường sống đang chịu nhiều sức ép, trong đó chất thải rắn sinh hoạt là một trong những nguồn ô nhiễm trực tiếp và có tính chất lan rộng, ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống cộng đồng và phát triển bền vững. Khu vực nông thôn - nơi chiếm khoảng hơn 60% dân số cả nước¹ cũng đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường và một trong những nguyên nhân là do CTRSH ngày càng gia tăng cả về khối lượng và mức độ nguy hại.

Trong những năm gần đây, nhà nước đã từng bước thiết lập khuôn khổ pháp lý nhằm quản lý hiệu quả CTRSH, ở thời điểm hiện tại văn bản quy phạm pháp luật quan trọng nhất trong lĩnh vực này là Luật BVMT 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, với tình trạng ô nhiễm môi trường còn nhiều phức tạp và có nhiều vụ do lượng CTRSH nông thôn nhiều, chưa được xử lý nên khi bị thải vào môi trường chứng tỏ quy định về quản lý CTRSH vẫn còn những điểm bất cập, vướng mắc. Bên cạnh đó, phần lớn các quy định về quản lý chất thải sinh hoạt hiện nay mang tính chất chung áp dụng cho cả ở khu vực đô thị và nông thôn. Trong khi đó khu vực nông thôn - với đặc thù dân cư phân tán, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế so với đô thị, nhận thức cộng đồng thường thấp hơn so với khu vực đô thị... mà lại thiếu các quy phạm riêng biệt phù hợp với những đặc thù đó nên đã gây khó khăn cho quá trình áp dụng.

Bên cạnh đó, thực tiễn cho thấy hệ thống thu gom, xử lý rác thải ở nông thôn còn manh mún, thiếu đồng bộ, chủ yếu dựa vào tổ tự quản, hợp tác xã dịch

¹ Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2025), Thông cáo báo chí Kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024, website: www.nso.gov.vn, cập nhật: 06/01/2025, <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-ket-qua-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-giua-ky-nam-2024/>

vụ môi trường, thiếu cơ sở hạ tầng phù hợp và chưa có cơ chế tài chính bền vững. Ở một số địa phương, chất thải sinh hoạt bị vứt bừa bãi, đốt lộ thiên hoặc đổ ra sông, suối, kênh, mương, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng đất, nước, không khí và sức khỏe của người dân. Mặt khác, trong bối cảnh Việt Nam đang hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và ứng phó với biến đổi khí hậu, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn là yêu cầu cấp thiết. Đây không chỉ là nhiệm vụ của ngành môi trường, mà còn là trách nhiệm liên ngành, liên cấp, đòi hỏi sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư. Việc nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện về pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn sẽ giúp nhận diện rõ các điểm mạnh, điểm yếu trong khung pháp lý hiện hành; đồng thời đề xuất được các giải pháp hoàn thiện phù hợp với đặc thù thực tiễn của nông thôn Việt Nam.

Từ những phân tích nêu trên, có thể khẳng định rằng, việc lựa chọn đề tài “Pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam hiện nay” là xuất phát từ tính thời sự, cấp thiết và mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đề tài không chỉ giúp làm rõ khung pháp lý hiện hành, phân tích những bất cập trong thực tiễn áp dụng, mà còn là cơ sở để kiến nghị các giải pháp cụ thể, khả thi nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật. Qua đó, góp phần tích cực vào việc xây dựng một nền quản trị môi trường hiệu quả, vì một nông thôn Việt Nam phát triển bền vững.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

Trong những năm gần đây, vấn đề quản lý CTRSH nói chung và ở khu vực nông thôn nói riêng đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học. Một số công trình tiêu biểu đã tiếp cận đề tài dưới các góc độ pháp lý, kỹ thuật, môi trường và chính sách công, cụ thể như sau:

2.1.1. Các công trình nghiên cứu về pháp luật và chính sách quản lý CTRSH

Ngô Thu Uyên (2020), “Pháp luật quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam hiện nay”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội. Tác giả tập trung phân tích hệ thống pháp luật hiện hành và những vướng mắc trong thực thi, tuy nhiên phạm vi nghiên cứu chủ yếu là khu vực đô thị.

Trịnh Thị Thùy, Đặng Thị Nhung (2023), Pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Tạp chí Khoa học Tây Nguyên, Số 62 (tháng 10), tr.135-tr.142. Trên cơ sở phân tích thực trạng thực hiện pháp luật quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh, bài viết phân tích nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong quản lý CTRSH, từ đó đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao công tác quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Nguyễn Trung Thắng, Nguyễn Thị Ngọc Ánh (2024), Quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam hiện nay và khuyến nghị giải pháp hoàn thiện, Tạp chí Lãnh đạo và Chính sách, Số 7 (tháng 11), tr.66-tr.75. Bài viết có mục tiêu tổng kết, đánh giá khách quan về thực trạng công tác quản lý CTRSH hiện nay và khung chính sách, pháp luật; phân tích các kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân; đồng thời đề ra giải pháp để tăng cường công tác quản lý chất thải sinh hoạt trong thời gian tới.

TS. Lê Kim Nguyệt & Học viên cao học Chữ Trọng Nghĩa (2024), Quản lý chất thải rắn sinh hoạt từ thực tiễn tại Thành phố Hà Nội và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật điện tử, cập nhật: 12/12/2022, <https://danchuphapluat.vn/quan-ly-chat-thai-ran-sinh-hoat-tu-thuc-tien-tai-thanh-pho-ha-noi-va-de-xuat-huong-hoan-thien-phap-luat>. Trong bài viết này, nhóm tác giả đánh giá thực trạng về quản lý CTRSH từ thực tiễn tại Thành phố Hà Nội, từ đó, đề ra các yêu cầu hoàn thiện pháp luật về quản lý CTRSH ở Việt Nam.

2.1.2. Các công trình nghiên cứu về kỹ thuật và thực tiễn quản lý chất thải ở nông thôn

Nguyễn Mai Hoa (2019), Đánh giá hiện trạng phát sinh, thu gom, xử lý và dự báo lượng chất thải rắn sinh hoạt nông thôn tại một số tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất Tập 60, Kỳ 5, tr.50-tr.59. Bài viết đánh giá tình trạng CTRSH ở nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng chưa được thu gom, xử lý hiệu quả đang là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, với tỷ lệ phân loại tại nguồn và xử lý bền vững còn rất thấp. Dự báo đến năm 2034, lượng chất thải sẽ tiếp tục gia tăng, đòi hỏi cần sớm hoàn thiện hệ thống quản lý và nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý chất thải.

Nguyễn Đức Toàn, Trần Quang Trung, Nguyễn Thị Vân Anh (2024), Nghiên cứu, ứng dụng mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại trường học và hộ gia đình phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, Tạp chí Khí tượng thủy văn, Số 767, tr.45-tr.55. Nghiên cứu đã triển khai mô hình phân loại CTRSH tại nguồn ở thành phố Lạng Sơn theo ba nhóm: tái chế, thực phẩm, và chất thải khác với hệ thống màu sắc phân biệt. Thông qua tài liệu hướng dẫn, tuyên truyền và áp dụng thực tế tại trường học và hộ gia đình phường Vĩnh Trại, mô hình đã giúp nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi cộng đồng. Kết quả cho thấy 100% các đơn vị tham gia phân loại đúng quy định, giúp giảm đáng kể lượng chất thải ra môi trường.

2.1.3. Các nghiên cứu liên ngành - luật, môi trường, chính sách

Mai Quang Tuấn (2022), Nghiên cứu mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn tại xã Cẩm Lạc - tỉnh Hà Tĩnh, xã Hải Minh - tỉnh Nam Định và xã Tống Trân - tỉnh Hưng Yên, Tạp chí Môi trường, cập nhật: 07/01/2022, <https://tapchimoitruong.vn/nghien-cuu-23/nghien-cuu-mo-hinh-quan-ly-chat-thai-ran-sinh-hoat-nong-thon-tai-xa-cam-lac--tinh-ha-tinh-xa-hai-minh--tinh-nam-dinh-va-xa-tong-tran--tinh-hung-yen-26255>. Nghiên cứu này đánh giá ưu, nhược điểm của các mô hình quản lý CTRSH ở ba xã nông thôn nằm ở ba tỉnh khác nhau. Mô hình quản lý CTRSH tại xã Cẩm Lạc - tỉnh Hà Tĩnh, xã Hải Minh - tỉnh Nam Định và xã Tống Trân - tỉnh Hưng Yên

Nguyễn Thị Thúy Hằng, Nguyễn Thị Hoa, Khuất Thị Hồng (2024), Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Tạp chí Môi trường, cập nhật: 27/12/2024, <https://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/thuc-trang-va-giai-phap-nang-cao-hieu-qua-quan-ly-chat-thai-ran-sinh-hoat-nong-thon-tren-dia-ban-huyen-ba-vi-thanh-pho-ha-noi-31670>. Bài viết đánh giá thực trạng và trên cơ sở đó đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý CTRSH nông thôn trên địa bàn huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

2.2. Tình hình nghiên cứu nước ngoài

2.2.1. Nghiên cứu về quản lý CTRSH ở nông thôn

Wang, Hua; He, Jie; Kim, Yoonhee; Kamata, Takuya (2011) - “*Municipal Solid Waste Management in Small Towns: An Economic Analysis Conducted in Yunnan, China*”, Policy Research Working Paper No. WPS5767, World Bank, <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/3529>. Nghiên cứu này phân tích khả năng chi trả của người dân đối với dịch vụ thu gom và xử lý CTRSH tại một huyện nghèo ở tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Kết quả cho thấy người dân sẵn sàng chi trả khoảng 1% thu nhập hộ gia đình cho dịch vụ này, và tổng số tiền sẵn sàng chi trả có thể bao phủ chi phí dự án.

Vinti, Giovanni; Vaccari, Mentore (2022) - “*Solid Waste Management in Rural Communities of Developing Countries: An Overview of Challenges and Opportunities*”, MDPI, https://www.mdpi.com/2571-8797/4/4/69?utm_source=chatgpt.com. Bài viết này cung cấp tổng quan về quản lý CTRSH ở các cộng đồng nông thôn tại các quốc gia thu nhập thấp và trung bình, phân tích các thực hành phổ biến và các vấn đề chính, đồng thời đề xuất các giải pháp bền vững dựa trên nguyên tắc kinh tế tuần hoàn.

2.2.2. Nghiên cứu về khung pháp lý và chính sách quản lý chất thải

Akinwale, A. A. (2023) - “*An Examination of Legal Framework for Solid Waste Disposal and Management in the United Kingdom and South Africa: Lessons for Nigeria*”, Indian Journal of Law and Justice, Vol.14, No.1, <https://www.researchgate.net/publication/371935630>. Bài viết này đã phân tích các khung pháp lý về quản lý chất thải rắn ở Vương quốc Anh và Nam Phi, rút ra bài học cho Nigeria trong việc xây dựng và thực thi chính sách quản lý chất thải hiệu quả trên thực tiễn.

Ahmed El Masry, Fatema El Ghonemy, Ibrahim AbuGazia và Raghda El Khater (dưới sự hướng dẫn của Tiến sĩ Noura Wahby) (2022), *Reforming the Solid Waste Management System: The Case of Rural Areas in Egypt*, The Public Policy Hub, School of Global Governance and Policy (GAPP), American University in Cairo (AUC), <https://fount.aucegypt.edu/studenttxt/102/>. Báo cáo chính sách này đánh giá hệ thống quản lý CTRSH ở các khu vực nông thôn của Ai Cập, chỉ ra những hạn chế về thể chế, kỹ thuật và tài chính, đồng thời đề xuất các giải pháp cải cách nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải.

2.3. Khái quát đánh giá tình hình nghiên cứu

2.3.1. Công trình nghiên cứu trong nước

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu hiện nay đã đặt nền tảng quan trọng cho việc đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp trong quản lý CTRSH. Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng:

- Chưa nhiều công trình chuyên sâu về pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn - phần lớn mới dừng lại ở mức đề cập chung hoặc tập trung vào đô thị.
- Thiếu nghiên cứu liên kết giữa pháp lý và thực tiễn thực hiện tại cộng đồng nông thôn, nhất là trong bối cảnh triển khai Luật BVMT 2020 và các quy định phân loại tại nguồn.

- Chưa có công trình mang tính hệ thống, toàn diện, vừa phân tích lý luận, vừa đánh giá pháp luật hiện hành, đồng thời đề xuất định hướng, giải pháp cụ thể gắn với đặc thù nông thôn.

Do đó, đề tài “Pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn Việt Nam hiện nay” không trùng lặp mà còn góp phần lấp đầy khoảng trống nghiên cứu, bổ sung tri thức và đề xuất kiến nghị thực tiễn, có giá trị cho công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật và thực thi chính sách môi trường tại Việt Nam.

2.3.2. Công trình nghiên cứu nước ngoài

- Các nghiên cứu quốc tế chủ yếu tập trung vào thực trạng quản lý chất thải rắn ở nông thôn và thiết kế mô hình quản lý hiệu quả, chưa đi sâu vào khung pháp luật chuyên biệt cho khu vực này.

- Các công trình nghiên cứu nước ngoài cũng đa dạng về phạm vi không gian như các công trình nghiên cứu trong nước, có công trình nghiên cứu trong phạm vi một địa phương, có công trình nghiên cứu trong phạm vi cả nước. Nhưng có công trình nghiên cứu trong phạm vi nhiều quốc gia (đây lại là điểm khác biệt với công trình nghiên cứu trong nước).

- Nhìn chung, các công trình nước ngoài tạo nền tảng tham chiếu hữu ích cho nghiên cứu pháp luật tại Việt Nam nhưng chưa có công trình nào phân tích hệ thống pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn một cách toàn diện như mục tiêu đề tài đang hướng tới.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Đề tài làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam;

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam hiện nay.

- Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn.
- Đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế, vướng mắc trong thực trạng pháp luật và thực hiện pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam hiện nay.
- Đề xuất định hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về BVMT, quản lý chất thải sinh hoạt;
- Quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về quản lý CTRSH ở nông thôn;
- Thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về không gian: Nghiên cứu việc thực hiện pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam.
- Phạm vi về thời gian: Đề tài nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn trong khoảng thời gian 05 năm trở lại đây (Từ khi Luật BVMT 2020 được ban hành).
- Phạm vi về đối tượng: Đề tài tập trung nghiên cứu pháp luật quản lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân (Không phải của các cơ quan, tổ chức, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp - Mục 2, Chương V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT).
- Phạm vi văn bản quy phạm pháp luật: Vấn quản lý CTRSH ở nông thôn được nghiên cứu tập trung trong các văn bản quy phạm pháp luật chủ yếu sau đây:

Luật BVMT 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lê nin.

Ngoài ra, đề tài còn sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu cụ thể như phân tích, so sánh, tổng hợp, suy luận, bình luận, thống kê số liệu... Trong mỗi Chương, Mục của đề tài, tác giả lại tập trung sử dụng một, một vài phương pháp cụ thể để mang lại hiệu quả trong nghiên cứu.

6. Đóng góp mới của đề tài

- Đề tài làm sáng tỏ được những vấn đề lý luận về pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn. Theo đó, đề tài giải mã nội hàm các khái niệm như CTRSH ở nông thôn, pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn, phân tích nội dung của pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam, các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam.

- Đề tài đánh giá được thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam.

- Đề tài đề xuất được định hướng, giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

- Về mặt lý luận: Kết quả nghiên cứu trong đề tài góp phần rất lớn trong việc hoàn thiện hệ thống cơ sở lý luận về quản lý CTRSH ở Việt Nam hiện nay.

- Về mặt thực tiễn: Đề tài có thể làm tài liệu cho học tập, nghiên cứu và giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, viện nghiên cứu, trung học phổ thông...

Ngoài ra, các nhà làm luật, nhà hoạch định chính sách có thể sử dụng đề tài để tham khảo trong quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật BVMT, quản lý CTRSH.

8. Kết cấu đề tài

Ngoài phần Mở đầu, Danh mục các từ viết tắt, Phụ lục, Danh mục tài liệu tham khảo, đề tài được kết cấu thành 03 Chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn

Chương 2: Thực trạng pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn và thực tiễn thực hiện tại Việt Nam hiện nay

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn và nâng cao hiệu quả thực hiện tại Việt Nam hiện nay

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Ở NÔNG THÔN

1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

1.1.1. Khái niệm chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

Con người sinh sống trên Trái Đất phải sử dụng các nguyên - nhiên - vật liệu phục vụ các nhu cầu của mình. Song song với quá trình đó, con người liên tục thải bỏ ra môi trường những vật chất mà con người thấy không còn tác dụng với bản thân họ nữa. Khi nền kinh tế - xã hội ngày càng phát triển thì nhu cầu cuộc sống ngày càng tăng do đó các nguyên - nhiên - vật liệu được con người sử dụng ngày càng đa dạng và phong phú (số lượng, chủng loại tăng lên). Nếu như không có các giải pháp phù hợp thì chất thải do con người thải ra có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực đến sức khỏe, tính mạng của con người và các loài sinh vật khác.

Hiểu theo nghĩa phổ quát nhất “Chất thải là rác và các vật bỏ đi sau một quá trình sử dụng”². Định nghĩa này nhấn mạnh vào hành vi, thái độ của con người với một loại vật chất nào đó. Tức là khi con người không thấy vật đó các tác dụng với mình nữa và thải bỏ. Do đó, vật được thải bỏ chưa chắc đã hết tác dụng nhưng do con người không còn nhu cầu nên nó bị thải bỏ. Do đó, có trường hợp vật thải bỏ với người này nhưng người khác vẫn có thể sử dụng. Tuy nhiên, chất thải thường không còn hoặc ít tác dụng với con người.

Vì môi trường có tính thống nhất nên lĩnh vực môi trường, quản lý chất thải có nhiều công ước quốc tế quan trọng. Việt Nam tham gia nhiều công ước quốc tế về chất thải nên có nghĩa vụ phải nội luật hóa các quy định trong công ước đó. Trước hết, đó là việc tiếp thu khái niệm chất thải. Nhiều văn kiện quốc tế có ghi nhận khái niệm chất thải trong mối tương quan với hoạt động quản lý chất thải.

² Viện ngôn ngữ học (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Tr.144

Trước hết, chúng ta có thể tìm hiểu khái niệm chất thải trong công ước Công ước Basel về Kiểm soát vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và việc tiêu hủy chúng như sau: *“Chiếu theo Công ước này, cần hiểu: “Phế thải” là các chất hoặc đồ vật mà người ta tiêu hủy, có ý định tiêu hủy hoặc phải tiêu hủy chiếu theo các điều khoản của luật lệ quốc gia”* (Khoản 1 Điều 2). Định nghĩa trong Công ước Basel nhấn mạnh vào ý muốn chủ quan của con người là có muốn tiêu hủy hay không một loại vật chất. Tất nhiên, Công ước này vẫn nhấn mạnh việc tiêu hủy đó phải tuân thủ theo quy định của pháp luật tại mỗi quốc gia. Điều đó có nghĩa rằng không phải mọi loại vật chất đều có thể tiêu hủy hoặc quá trình tiêu hủy mỗi loại vật chất có sự khác biệt và phù hợp với lợi ích của cộng đồng.

Pháp luật của khối liên kết chính trị - kinh tế Liên minh Châu Âu (EU) cũng đưa ra định nghĩa chất thải với nội hàm tương tự. Cụ thể trong Điều 1 Chỉ thị số 91/156/EEC về chất thải ngày 18 tháng 3 năm 1995 và Điều 3 Khoản 1 Luật Khuyến khích kinh tế tuần hoàn và đảm bảo xử lý các chất thải phù hợp với môi trường ngày 27 tháng 9 năm 1994 được sửa đổi bổ sung ngày 25 tháng 3 năm 1998 của Cộng hòa Liên bang Đức định nghĩa: *“Chất thải theo quy định của Luật này là tất cả các động sản thuộc Phụ lục I của Luật này mà chủ sở hữu từ bỏ, có ý muốn từ bỏ hoặc bắt buộc phải từ bỏ. Những chất thải có khả năng tái chế được thì chủ sở hữu có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp tái chế. Trong trường hợp không tái chế được thì chủ sở hữu có nghĩa vụ xử lý”*. Cách định nghĩa này chỉ rõ ràng về ý định từ bỏ của con người. Có nghĩa là quy định này chỉ phôi cả mong muốn (suy nghĩ) của chủ sở hữu (Đây sẽ là điểm khác biệt với pháp luật Việt Nam vì pháp luật Việt chỉ điều chỉnh hành vi mà không điều chỉnh suy nghĩ, ý thức của con người). Ngoài ra, pháp luật của một số nước Châu Âu còn nhấn mạnh vào nghĩa vụ xử lý chất thải của chủ sở hữu nếu chất thải đó còn khả năng tái chế. Với quan điểm như vậy chất thải trở thành một nguồn tài nguyên cho các hoạt động kinh tế - xã hội. Quan điểm này phù hợp với xu hướng BVMT trên thế giới.

Trong điểm a Điều 1 Chỉ thị số 91/156 ngày 18/3/1995 sửa đổi Chỉ thị số 75/442/EEC về chất thải ngày 18 tháng 3 năm 1991 của Cộng đồng kinh tế Châu Âu thì: *“Chất thải nghĩa là bất kỳ chất hoặc vật nào thuộc các loại được quy định trong Phụ lục I mà chủ sở hữu loại bỏ hoặc dự định hoặc phải loại bỏ”*. Đánh giá tổng quát, cách định nghĩa mà EEC đưa ra hướng đến mục đích cuối cùng là phải quản lý được chất thải. Theo đó, EEC nhấn mạnh vào hình thức pháp lý của chất thải (*“được quy định trong Phụ lục I”* hoặc *“phải loại bỏ”*) đồng thời cũng nhấn mạnh đến mong muốn của chủ sở hữu là *“loại bỏ hoặc dự định loại bỏ”*. Cách định nghĩa này đặt ra yêu cầu nghiêm ngặt cho các quốc gia là thành viên của công ước này phải xây dựng được danh mục chất hoặc vật nào bị coi là chất thải. Trên cơ sở đó, pháp luật sẽ đưa ra các biện pháp quản lý những loại chất thải đó phù hợp với đặc tính riêng biệt. Giả sử Việt Nam có áp dụng quan điểm về chất thải như Chỉ thị nêu trên thì chưa phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Bởi vì, chúng ta chưa đủ khả năng để xây dựng danh mục chất thải chi tiết. Trong khi đó, giả sử có những chất thải phát sinh và gây ô nhiễm môi trường thì chúng ta không được phép xử lý vì không thuộc danh mục chất thải.

Ở Việt Nam, trước khi đổi mới (1986), vấn đề BVMT không được quan tâm nhiều. Vì đó là thời kì kinh tế bao cấp với mức sản xuất, tiêu dùng thấp nên nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không cao. Từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tốc độ phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ, sản phẩm làm ra ngày càng đa dạng phong phú, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện nên các hoạt động tiêu dùng cũng tăng lên đáng kể. Do đó, lượng chất thải ngày càng lớn hơn và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao hơn. Từ đó, vấn đề BVMT đã được các nhà làm luật quan tâm rất nhiều. Ngay sau Hiến pháp năm 1992, Quốc hội đã ban hành Luật BVMT 1993 - văn bản quy phạm pháp luật chuyên biệt đầu tiên về vấn đề BVMT ở Việt Nam. Tiếp sau đó là sự ra đời của Luật BVMT 2005, Luật BVMT 2014. (Luật BVMT 2020 đang có hiệu lực thi

hành). Trong tất cả các Luật BVMT, khái niệm chất thải luôn được quan tâm và giải thích. Điều đó cho thấy vị trí vai trò quan trọng của khái niệm này trong công tác xây dựng pháp luật BVMT nói chung và pháp luật quản lý chất thải nói riêng.

Trải qua các Luật BVMT khác nhau, việc đưa ra định nghĩa chất thải có thể khác biệt về từ ngữ nhưng về bản chất là giống nhau. Trong Luật BVMT 1993 định nghĩa: “Chất thải là chất được loại ra trong sinh hoạt, trong quá trình sản xuất hoặc trong các hoạt động khác. Chất thải có thể ở dạng rắn, khí, lỏng hoặc các dạng khác” (khoản 2 Điều 2), Luật BVMT 2005 định nghĩa: “Chất thải là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác” (khoản 10 Điều 3), Luật BVMT 2014 định nghĩa: “*Chất thải* là vật chất được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác” (khoản 12 Điều 3) và hiện nay trong Luật BVMT 2020: “*Chất thải* là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí hoặc ở dạng khác được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác” (Khoản 18 Điều 3). So với các định nghĩa về chất thải trên thế giới thì cách định nghĩa trong pháp luật Việt Nam có tính khái quát hóa cao hơn. Chất thải được xác định theo thể tồn tại và mục đích sử dụng. Chất thải bao gồm những thể tồn tại cơ bản là: rắn, lỏng, khí.

Trong quá trình sinh hoạt hàng ngày, mỗi cá nhân, hộ gia đình cũng thải ra môi trường một lượng lớn chất thải (cũng bao gồm cả 03 dạng tồn tại chính rắn, lỏng, khí). CTRSH là một trong những loại chất thải phổ biến nhất, phát sinh thường xuyên từ các hoạt động sống hàng ngày của con người. Khái niệm “CTRSH” là một thuật ngữ pháp lý và kỹ thuật môi trường phổ biến, đóng vai trò nền tảng trong việc xác định phạm vi điều chỉnh của các chính sách, quy định pháp luật liên quan đến BVMT, quản lý chất thải và phát triển bền vững. Tuy nhiên, khái niệm này không hoàn toàn đồng nhất giữa các quốc gia hoặc trong các văn bản pháp lý khác nhau, mà có sự điều chỉnh theo mục tiêu quản lý, đối tượng áp dụng và đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương.

Tại Việt Nam, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT có quy định: “CTRSH (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người” (khoản 11 Điều 3). Đây là một khái niệm pháp lý mang tính bao quát, xác định rõ về nguồn phát sinh là các hoạt động sinh hoạt thường ngày chứ không phải từ sản xuất, y tế hay xây dựng. Đồng thời, khái niệm cũng giới hạn về trạng thái vật lý, chỉ bao gồm “chất thải rắn”, tức là các loại chất thải không ở dạng lỏng hoặc khí. Trên phương diện kỹ thuật, CTRSH thường bao gồm các thành phần như: rác thực phẩm, vỏ trái cây, lá cây, giấy vụn, bao bì nhựa, lon kim loại, vỏ hộp, tro than, xỉ bếp... Thành phần chất thải này thay đổi tùy thuộc vào thói quen tiêu dùng, mức sống và đặc điểm văn hóa - xã hội của từng khu vực. Thông thường, rác hữu cơ chiếm tỷ trọng cao trong CTRSH, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn hoặc vùng có tỷ lệ tự nấu ăn cao.

Khái niệm "nông thôn" được quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025) như sau: "Nông thôn là nơi sinh sống của cộng đồng dân cư và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp". Ngoài ra, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn cũng định nghĩa: "Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thị xã, quận và thành phố." Như vậy, theo quy định pháp luật hiện hành, "nông thôn" được hiểu là khu vực sinh sống của cộng đồng dân cư, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, và không bao gồm các địa bàn phường thuộc thị xã, quận và thành phố.

Ở khu vực nông thôn, khái niệm CTRSH mang những sắc thái riêng biệt do sự khác biệt về điều kiện sống và tập quán sản xuất. Có thể định nghĩa:

CTRSH ở nông thôn là chất thải ở thể rắn, phát sinh chủ yếu từ các hoạt động sống, sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình và các tổ chức tại khu vực nông thôn;

bao gồm các thành phần như rác thực phẩm, lá cây, giấy, nhựa, kim loại, vỏ bao bì, xỉ than, vỏ trấu, phế thải từ chợ quê, dịch vụ nhỏ và hoạt động sản xuất nông nghiệp quy mô hộ gia đình. Việc làm rõ khái niệm CTRSH ở nông thôn không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn là cơ sở để thiết kế chính sách, pháp luật phù hợp với đặc thù nông thôn, giúp nâng cao hiệu quả quản lý môi trường tại cơ sở.

1.1.2. Đặc điểm chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

CTRSH ở nông thôn mang những đặc điểm riêng biệt so với chất thải tại khu vực đô thị. Những đặc điểm này phản ánh sự khác biệt về điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa, tập quán sinh hoạt, cũng như mức độ đầu tư cho hệ thống quản lý môi trường tại các vùng nông thôn. Việc nhận diện đúng các đặc điểm này là nền tảng quan trọng để xây dựng pháp luật và chính sách quản lý phù hợp, hiệu quả.

Thứ nhất, CTRSH ở nông thôn có tỉ lệ chất thải hữu cơ cao. CTRSH ở nông thôn có tỷ lệ rác hữu cơ chiếm từ 60 - 80%, chủ yếu là thức ăn thừa, vỏ trái cây, lá cây, phụ phẩm nông nghiệp, xác thực vật... Điều này là do phần lớn người dân nông thôn vẫn sử dụng thực phẩm tươi sống, nấu ăn tại nhà, ít sử dụng sản phẩm đóng gói công nghiệp. Tỷ lệ này cao hơn đáng kể so với khu vực đô thị.

Thứ hai, thành phần rác tương đối đơn giản, ít chất thải độc hại. Khác với đô thị - nơi phát sinh nhiều loại chất thải nguy hại như pin, ắc quy, hóa chất... thì ở nông thôn, chất thải sinh hoạt có thành phần đơn giản hơn, ít nguy cơ độc hại. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số loại rác tiềm ẩn rủi ro như: bao bì thuốc bảo vệ thực vật, chai nhựa đựng hóa chất, tro rác đốt lẫn kim loại, v.v.

Thứ ba, lượng phát sinh bình quân thấp, nhưng đang có xu hướng tăng. Mức phát sinh rác bình quân tại nông thôn thường thấp hơn nhiều so với thành thị, vào khoảng 0,3 - 0,5 kg/người/ngày. Tuy nhiên, do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn và gia tăng tiêu dùng, lượng rác thải phát sinh có xu hướng tăng nhanh, đặc biệt ở các khu vực ven đô, vùng có hoạt động du lịch, chợ quê.

Thứ tư, chưa được phân loại tại nguồn. Phần lớn người dân nông thôn không có thói quen phân loại rác tại nguồn, do thiếu nhận thức, chưa có quy định bắt buộc hoặc hệ thống thu gom phù hợp. Điều này khiến công tác thu gom - xử lý gặp khó khăn, làm giảm hiệu quả tái chế và tăng chi phí xử lý.

Thứ năm, mang tính mùa vụ và phụ thuộc vào tập quán địa phương. Lượng rác ở nông thôn có biến động theo mùa vụ như mùa giáp Tết, mùa cưới hỏi, mùa thu hoạch nông sản. Ngoài ra, tập quán đốt rác tại nhà, chôn lấp tự phát vẫn còn phổ biến ở nhiều vùng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Thứ sáu, quản lý chủ yếu mang tính tự phát hoặc cộng đồng tự tổ chức. Ở nhiều địa phương, chưa có hệ thống quản lý chất thải rắn bài bản. Việc thu gom chủ yếu do tổ dân phố, hợp tác xã, đoàn thể thực hiện theo mô hình tự quản, thiếu sự giám sát và hỗ trợ chuyên môn từ chính quyền cấp trên.

1.1.3. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

CTRSH ở nông thôn phát sinh từ các hoạt động sinh sống hàng ngày của cá nhân, hộ gia đình, tổ chức tại địa phương. Các loại chất thải này có thành phần đa dạng, thường được chia thành các nhóm sau:

- Nhóm 1 - Chất thải hữu cơ dễ phân hủy: Nhóm này chiếm tỉ trọng lớn (khoảng 60-80%), bao gồm: Thức ăn thừa, cơm thiêu, rau củ quả hỏng; Vỏ trái cây, bã chè, bã cà phê; Lá cây, cỏ khô, rơm rạ; Xác động vật nhỏ, phân bón thải sinh học. Đặc điểm của nhóm chất thải này là dễ phân hủy sinh học, có thể dùng để ủ phân compost nếu được xử lý đúng cách.

- Nhóm 2 - Chất thải vô cơ có khả năng tái chế: Là các loại rác có thể thu gom, tái chế hoặc tái sử dụng, bao gồm: Bao bì nhựa, chai lọ nhựa (PET, HDPE...); Giấy, bìa carton, báo cũ; Vỏ lon bia, lon nước ngọt, hộp kim loại; Thủy tinh, chai lọ thủy tinh. Đặc điểm của nhóm chất thải này là có thể bán phế liệu, tham gia vào chuỗi tái chế, góp phần giảm gánh nặng xử lý rác thải.

- Nhóm 3 - Chất thải còn lại (khó tái chế, khó phân hủy): Là các chất thải không thể tái sử dụng và cần xử lý theo phương pháp phù hợp, bao gồm: Túi nilon dính bẩn, xốp, bao bì đựng thức ăn; Xi than, tro bếp, gạch vỡ, đồ gốm sứ vỡ; Giẻ lau, tã lót đã qua sử dụng, khẩu trang y tế. Đặc điểm của nhóm chất thải này là cần xử lý bằng chôn lấp hợp vệ sinh hoặc đốt không phát sinh độc hại.

- Nhóm 4 - Một số loại chất thải đặc thù tại nông thôn: Vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật (đặc biệt nguy hại, cần thu gom riêng biệt); Vỏ trấu, xác thực vật sau thu hoạch; Rác từ hoạt động chợ phiên nông thôn; Chất thải sinh hoạt kết hợp sản xuất (chuồng trại, chăn nuôi nhỏ lẻ).

1.2. Sự cần thiết phải quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

Trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, môi trường nông thôn Việt Nam đang chịu nhiều sức ép từ sự gia tăng dân số, thay đổi tập quán sinh hoạt, cũng như quá trình hiện đại hóa lối sống. Một trong những hệ quả tất yếu là lượng CTRSH (CTRSH) phát sinh ngày càng lớn, đa dạng về thành phần, phức tạp trong xử lý và tiềm ẩn nhiều nguy cơ đối với môi trường sống cũng như sức khỏe cộng đồng. Trong bối cảnh đó, việc quản lý CTRSH ở nông thôn trở thành một yêu cầu cấp thiết và toàn diện, không chỉ về mặt kỹ thuật - công nghệ mà còn về phương diện pháp lý và quản trị cộng đồng.

Thứ nhất, áp lực gia tăng lượng chất thải ở nông thôn. Với hơn 60% dân số cả nước đang sinh sống ở khu vực nông thôn, mỗi ngày phát sinh hàng chục nghìn tấn CTRSH. Lối sống tiêu dùng hiện đại hóa nhanh chóng khiến tỷ lệ rác thải bao bì, nhựa, giấy, lon kim loại... ngày càng cao. Tuy nhiên, hệ thống thu gom - xử lý CTRSH tại nhiều địa phương chưa đồng bộ, dẫn đến tình trạng chất thải bị đốt, chôn lấp một cách tự phát hoặc vớt bừa bãi, gây ô nhiễm đất, nước, không khí nghiêm trọng.

Thứ hai, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và sức khỏe. Việc không quản lý đúng cách CTRSH có thể dẫn đến sự phát sinh khí độc hại, nước rỉ rác, dịch

bệnh truyền nhiễm, làm suy thoái chất lượng nguồn nước ngầm và đất canh tác - vốn là tài nguyên sống còn ở nông thôn. Rác thải còn là nơi sinh sản của ruồi muỗi, chuột bọ, làm gia tăng nguy cơ dịch bệnh và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của người dân.

Thứ ba, gắn với mục tiêu phát triển bền vững và xây dựng nông thôn mới. Việc quản lý hiệu quả CTRSH là tiêu chí quan trọng trong chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, đặc biệt trong các tiêu chí về môi trường, hạ tầng và văn minh nông thôn. Mỗi địa phương cần có phương án xử lý CTRSH cụ thể, phù hợp với quy mô dân cư, tập quán sinh hoạt và điều kiện kinh tế - xã hội để đảm bảo sự phát triển cân bằng giữa tăng trưởng và BVMT.

Thứ tư, đòi hỏi cấp thiết về hoàn thiện thể chế, pháp luật. Hiện nay, hành lang pháp lý về quản lý CTRSH đã được ban hành tương đối đầy đủ với Luật BVMT 2020 và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, việc triển khai ở nông thôn vẫn còn nhiều hạn chế do thiếu quy định đặc thù, chưa có cơ chế hỗ trợ tài chính, công nghệ, hay mô hình phù hợp. Việc hoàn thiện pháp luật và tăng cường thực hiện pháp luật ở cấp cơ sở là yếu tố then chốt để nâng cao hiệu quả quản lý CTRSH tại nông thôn.

Tóm lại, quản lý CTRSH ở nông thôn không chỉ là nhu cầu xử lý ô nhiễm đơn thuần, mà là nhiệm vụ cốt lõi để BVMT sống, nâng cao chất lượng cuộc sống nông dân và thúc đẩy phát triển bền vững từ gốc. Đây là một yêu cầu vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính chiến lược dài hạn đối với đất nước.

1.3. Khái niệm quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn, pháp luật về quản lý chất thải ở nông thôn

1.3.1. Khái niệm quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

Quản lý CTRSH ở nông thôn là một nội dung quan trọng trong hệ thống pháp luật BVMT, nhằm kiểm soát, điều hành và xử lý có hiệu quả các loại chất thải phát sinh từ sinh hoạt hằng ngày của cá nhân, hộ gia đình và tổ chức tại khu

vực nông thôn. Khái niệm này phản ánh không chỉ góc độ kỹ thuật mà còn bao hàm phương diện pháp lý, quản trị công và ý thức cộng đồng.

Dưới góc độ pháp lý, trước đây khái niệm quản lý chất thải được quy định tại khoản 15 Điều 3 Luật BVMT 2014 như sau: “*Quản lý chất thải* là quá trình phòng ngừa, giảm thiểu, giám sát, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải”. Như vậy, quản lý chất thải là cả quá trình bao gồm rất nhiều các hoạt động mang tính chất phòng ngừa, vừa mang tính chất xử lý chất thải. Hoạt động nào cũng cần được coi trọng trong quá trình quản lý chất thải để đạt hiệu quả tốt nhất. Tuy nhiên, hiện nay Luật BVMT 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật khác không còn quy định về khái niệm này. Nguyên nhân là do, việc quản lý từng loại chất thải khác nhau tuân theo các quy trình khác nhau.

Luật BVMT 2020 dành riêng một Mục (Mục 2) trong Chương 4 (Điều 75 đến Điều 80) để quy định về “Quản lý chất thải rắn sinh hoạt” và khi nghiên cứu toàn bộ Mục 2 nói trên, có thể thấy rằng Luật đã tiếp cận theo chuỗi quy trình khép kín trong quản lý CTRSH, bao gồm các công đoạn: (1) phân loại, lưu giữ, chuyển giao; (2) thu gom, vận chuyển; (3) xử lý. Cách tiếp cận này phản ánh rõ nguyên tắc quản lý theo vòng đời của chất thải - từ khâu phát sinh đến khi kết thúc tác động đến môi trường - và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực môi trường. Ngoài ra, theo nguyên tắc phòng ngừa của luật môi trường³ quá trình quản lý chất thải còn phải thêm công đoạn phòng ngừa, giảm thiểu CTRSH.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khu vực nông thôn Việt Nam đang dần chuyển mình mạnh mẽ về lối sống, mức tiêu dùng và cấu trúc dân cư. Sự gia tăng dân số, cùng với quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa nông thôn đã làm thay đổi thói quen sinh hoạt truyền thống, từ đó dẫn đến lượng CTRSH phát sinh ngày càng lớn và phức tạp hơn. Không còn giới hạn ở rác hữu cơ như lá cây, thực phẩm thừa hay tro bếp như trước đây, chất thải rắn ở nông thôn hiện nay bao gồm

³ Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), Giáo trình luật môi trường, Nxb. Công an nhân dân, tr.6-tr.7

cả túi nilon, chai nhựa, bao bì kim loại, thậm chí rác thải độc hại từ các sản phẩm tiêu dùng hiện đại. Đặc biệt, sự phát triển của các làng nghề, chợ truyền thống và dịch vụ nông thôn càng khiến cho khối lượng chất thải rắn gia tăng nhanh chóng cũng đặt ra yêu cầu phải quản lý nghiêm chỉnh CTRSH ở nông thôn nhằm góp phần giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường ở khu vực này.

Từ những sự phân tích nói trên, tác giả mạnh dạn đưa ra khái niệm: *Quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn là tổng thể các hoạt động có tổ chức, có pháp lý, nhằm kiểm soát toàn bộ quá trình phòng ngừa, giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của người dân và tổ chức tại khu vực nông thôn, bảo đảm an toàn môi trường, sức khỏe cộng đồng và phát triển bền vững.*

Khái niệm này vừa mang tính kỹ thuật, vừa có tính quản lý nhà nước, thể hiện rõ vai trò của chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong việc thực thi chính sách, pháp luật về BVMT. So với đô thị, quản lý CTRSH ở nông thôn có nhiều điểm đặc thù, như:

Quản lý CTRSH tại nông thôn Việt Nam có những đặc thù rất khác biệt so với khu vực đô thị. Những khác biệt này không chỉ đến từ điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội mà còn từ tập quán sinh hoạt, nhận thức cộng đồng và năng lực tổ chức thực hiện ở cơ sở.

Thứ nhất, mức độ phát sinh rác thải ở nông thôn thấp hơn đô thị, do dân số thưa, mức tiêu dùng còn ở mức trung bình, và lối sống sinh hoạt có xu hướng tiết kiệm, tái sử dụng nhiều hơn. Tuy nhiên, tỷ lệ rác hữu cơ lại chiếm rất cao, thường từ 60-80%, bao gồm thực phẩm thừa, vỏ rau củ, lá cây, rơm rạ... Đặc điểm này vừa là cơ hội, vừa là thách thức: nếu được phân loại và ủ compost đúng cách, rác hữu cơ sẽ trở thành nguồn phân bón hữu ích cho sản xuất nông nghiệp; nhưng nếu bị trộn lẫn và xử lý không phù hợp, sẽ phát sinh mùi hôi, nước rỉ rác và nguy cơ ô nhiễm cao.

Thứ hai, mật độ dân cư phân tán, địa hình trải rộng, đặc biệt ở miền núi, trung du và ven biển, khiến việc tổ chức thu gom CTRSH gặp nhiều khó khăn. Hệ thống hạ tầng như đường giao thông nhỏ hẹp, xe chuyên dụng không thể tiếp cận, khiến các tổ chức thu gom tư nhân, hợp tác xã môi trường khó hoạt động hiệu quả. Hơn nữa, nhiều xã chưa có điểm tập kết rác hợp chuẩn, chưa có quy hoạch bãi chôn lấp hợp vệ sinh, dẫn đến tình trạng rác bị đổ tràn lan.

Thứ ba, đa số khu vực nông thôn chưa có hệ thống xử lý CTRSH tập trung. Người dân thường xử lý theo hình thức truyền thống: đốt rác ngoài trời, chôn lấp sau nhà hoặc đổ ra ao hồ, sông suối. Cách làm này không chỉ kém hiệu quả mà còn gây hại cho môi trường và sức khỏe cộng đồng. Một số nơi có lò đốt thủ công nhưng thiếu kiểm soát khí thải, dẫn đến phát tán các chất ô nhiễm nguy hiểm như dioxin, furan...

Thứ tư, ý thức chấp hành pháp luật về BVMT, nhất là việc phân loại chất thải tại nguồn còn thấp. Nhiều hộ dân chưa nhận thức được lợi ích của việc phân loại, và cũng không thấy được sự khác biệt khi rác sau phân loại vẫn bị thu gom lẫn lộn. Việc thiếu giám sát và chế tài xử phạt trong cộng đồng càng làm cho các quy định pháp lý khó đi vào cuộc sống.

Thứ năm, từ tất cả các đặc điểm trên, có thể thấy rằng nông thôn Việt Nam cần một mô hình quản lý CTRSH riêng, linh hoạt và phù hợp. Thay vì sao chép mô hình đô thị, cần có cách tiếp cận dựa vào cộng đồng, quy mô nhỏ gọn, chi phí thấp, dễ thực hiện. Ví dụ, tổ tự quản rác thải theo thôn xóm, mô hình phân loại kết hợp ủ rác hữu cơ tại hộ gia đình, hoặc hợp tác xã dịch vụ môi trường nông thôn có sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Đó là hướng đi thực tiễn, khả thi và bền vững hơn trong bối cảnh hiện nay.

Việc quản lý CTRSH ở nông thôn góp phần tích cực trong công tác BVMT sống của người dân, hạn chế ô nhiễm nguồn nước, đất, không khí. Điều đó phù hợp với xu hướng thực hiện BVMT trong xây dựng nông thôn mới. Thông qua đó,

việc quản lý CTRSH ở nông thôn bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của người dân; thúc đẩy thói quen tiêu dùng bền vững và hình thành văn hóa sống xanh trong cộng đồng nông thôn.

1.3.2. Khái niệm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

Pháp luật là công cụ quản lý hữu hiệu nhất của Nhà nước nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội trong mọi lĩnh vực đời sống, trong đó có quản lý môi trường và chất thải. Giáo trình Trường Đại học Luật Hà Nội đã định nghĩa: *“Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo mục đích, định hướng của nhà nước”*⁴. Có nghĩa là khi nhà nước thấy cần thiết phải điều chỉnh quan hệ xã hội nào thì nhà nước xây dựng hành lang pháp lý trong lĩnh vực đó. Trong điều kiện hiện nay, khi CTRSH ở nông thôn đang gia tăng nhanh chóng về khối lượng và tính phức tạp, thì pháp luật đóng vai trò trung tâm trong việc xây dựng khung quản trị toàn diện từ khâu phòng ngừa, phát sinh đến xử lý, tái chế, giảm thiểu chất thải. Nhà nước không chỉ ban hành ra các quy định của pháp luật về quản lý CTRSH mà còn xây dựng các cơ chế nhằm đảm bảo cho quy định này được thực hiện nghiêm minh trong thực tiễn.

Từ những sự phân tích đó, chúng ta có thể hiểu: *Pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn là hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý và kiểm soát chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình và tổ chức tại khu vực nông thôn.*

Từ khái niệm đã trình bày, có thể nhận thấy rằng pháp luật về quản lý CTRSH tại nông thôn không chỉ là một hệ thống quy định mang tính kỹ thuật đơn thuần, mà còn là công cụ pháp lý quan trọng phản ánh tư duy quản trị môi trường

⁴ Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Tư pháp, tr.209

hiện đại, gắn với đặc thù của đời sống nông thôn. Theo đó, có thể xác lập một số đặc điểm cơ bản, nổi bật của hệ thống pháp luật này như sau:

Thứ nhất, pháp luật này mang bản chất là hệ thống quy phạm pháp lý điều chỉnh hành vi con người, đặc biệt là các chủ thể có liên quan trực tiếp đến quá trình phát sinh, quản lý và xử lý chất thải - bao gồm hộ gia đình, tổ chức, doanh nghiệp, chính quyền địa phương và các đơn vị dịch vụ môi trường nông thôn. Các quy định pháp luật mang tính chất bắt buộc, yêu cầu các chủ thể phải tuân thủ nhằm đảm bảo trật tự, an toàn môi trường sống ở khu vực nông thôn.

Thứ hai, phạm vi điều chỉnh của pháp luật về quản lý chất thải không chỉ giới hạn ở việc xử lý hậu quả (tức là xử lý lượng rác thải đã phát sinh), mà còn mở rộng sang các hoạt động mang tính chủ động và bền vững hơn như phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải, phân loại tại nguồn, tái sử dụng, tái chế và phục hồi tài nguyên. Đây là một hướng tiếp cận toàn diện, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế tuần hoàn và BVMT một cách hiệu quả, lâu dài.

Thứ ba, hệ thống pháp luật này được thiết kế trên cơ sở thấu hiểu và đáp ứng các đặc thù riêng có của khu vực nông thôn - nơi dân cư sinh sống phân tán, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý chất thải còn yếu kém, và ý thức chấp hành pháp luật về BVMT của cộng đồng dân cư còn chưa cao. Vì vậy, pháp luật cần có tính linh hoạt, khả thi và kết hợp chặt chẽ giữa chế tài pháp lý với các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ phía Nhà nước.

1.4. Nội dung của pháp luật quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

Nội dung của pháp luật về quản lý CTRSH tại nông thôn có thể được nghiên cứu và trình bày dưới nhiều góc độ khác nhau, tùy thuộc vào mục tiêu, phạm vi và phương pháp tiếp cận. Mỗi cách tiếp cận đều phản ánh những khía cạnh nhất định của hệ thống pháp luật này, từ cấu trúc quy phạm, chủ thể áp dụng đến mục tiêu điều chỉnh. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, phương pháp tiếp cận phổ biến và hiệu quả nhất là dựa trên quy trình quản lý CTRSH - một quy trình mang tính tuần

hoàn và liên hoàn từ khâu phát sinh đến khâu xử lý cuối cùng. Theo cách tiếp cận này, nội dung của pháp luật về quản lý CTRSH tại nông thôn được cấu thành từ các quy định pháp lý tương ứng với từng giai đoạn trong chu trình quản lý, gồm:

1.4.1. Các quy định phòng ngừa, giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

Phòng ngừa là một trong những nguyên tắc quan trọng của luật môi trường⁵. Phòng ngừa và giảm thiểu CTRSH là những chiến lược có tính chất tiền đề trong chu trình quản lý chất thải, nhằm hạn chế tối đa việc phát sinh chất thải ngay từ giai đoạn đầu - trước khi chúng trở thành gánh nặng đối với môi trường và hệ thống xử lý. Dưới góc nhìn lý luận, các quy định pháp luật về phòng ngừa và giảm thiểu CTRSH ở nông thôn phản ánh một sự chuyển dịch quan trọng trong tư duy quản lý: từ bị động xử lý sang chủ động kiểm soát và ngăn ngừa. *Phòng ngừa* được hiểu là việc áp dụng các biện pháp nhằm không để chất thải phát sinh ngay từ đầu nguồn, thông qua thay đổi lối sống, thói quen tiêu dùng, thiết kế sản phẩm thân thiện môi trường hoặc lựa chọn vật liệu dễ tái chế. *Giảm thiểu* bao hàm việc cắt giảm khối lượng và độc tính của chất thải đã, đang hoặc sẽ phát sinh.

Các quy định pháp luật hiện hành về phòng ngừa và giảm thiểu CTRSH tại nông thôn tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

- Khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường: Luật BVMT 2020 và các văn bản dưới luật khuyến khích việc sản xuất, tiêu dùng các sản phẩm ít bao bì, dễ phân hủy hoặc có thể tái sử dụng.

- Phân loại chất thải tại nguồn: Đây là biện pháp kỹ thuật - pháp lý quan trọng, vừa giúp kiểm soát khối lượng chất thải cần xử lý, vừa tạo điều kiện cho hoạt động tái chế, tái sử dụng hiệu quả.

⁵ Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), Giáo trình Luật Môi trường, Nhà xuất bản Công an nhân dân, tr.46-tr.47

- Tuyên truyền, giáo dục cộng đồng: Pháp luật quy định rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc nâng cao nhận thức người dân nông thôn, giúp họ thay đổi hành vi theo hướng thân thiện với môi trường, từ đó góp phần giảm phát sinh chất thải.

- Trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình: Quy định rõ nghĩa vụ của các chủ thể trong việc thực hiện các biện pháp hạn chế phát sinh chất thải, như sử dụng tiết kiệm tài nguyên, không đốt hoặc xả rác bừa bãi.

Không giống khu vực đô thị có hệ thống thu gom và xử lý bài bản, ở nông thôn - nơi hạ tầng còn yếu kém, dân cư phân tán và ý thức pháp lý chưa cao - việc phòng ngừa và giảm thiểu CTRSH không chỉ là một yêu cầu pháp lý, mà còn là một giải pháp bắt buộc để giảm áp lực lên hệ thống môi trường tự nhiên và xã hội. Các quy định pháp luật tại nông thôn vì thế phải được thiết kế một cách linh hoạt, gần gũi, dễ thực thi và đi kèm với hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, đồng thời phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư.

1.4.2. Các quy định về phân loại tại nguồn chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

Phân loại chất thải tại nguồn là khâu mang tính nền tảng trong chu trình quản lý CTRSH, đóng vai trò quyết định đến hiệu quả của toàn bộ hệ thống xử lý phía sau như tái chế, tái sử dụng, thu gom và xử lý cuối cùng. Dưới góc nhìn lý luận pháp lý, đây là một yêu cầu thể hiện sự dịch chuyển từ mô hình quản lý "một chiều" sang mô hình quản lý "vòng đời chất thải" - nơi trách nhiệm được đặt ở mọi chủ thể, bắt đầu từ người phát sinh chất thải.

Về bản chất, phân loại chất thải tại nguồn là quá trình chia tách các loại chất thải theo từng nhóm khác nhau ngay từ thời điểm phát sinh (thường là tại hộ gia đình, tổ chức hoặc cơ sở sản xuất). Việc này không chỉ có ý nghĩa về mặt môi trường (giảm thiểu lượng rác chôn lấp, tăng khả năng tái chế), mà còn là một hành vi pháp lý mang tính nghĩa vụ của chủ thể phát sinh chất thải.

Lý luận pháp luật xác định rằng, phân loại chất thải là một phần trong nghĩa vụ BVMT của chủ nguồn thải - được cụ thể hóa trong Luật BVMT 2020 và các nghị định hướng dẫn thi hành. Điều này khẳng định tính bắt buộc, không còn đơn thuần là biện pháp khuyến khích.

Nội dung cơ bản của các quy định pháp luật về phân loại CTRSH tại nguồn cần được thiết kế một cách toàn diện, nhất quán và phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhằm bảo đảm hiệu quả quản lý chất thải ngay từ khâu phát sinh. Theo đó, hệ thống quy định này phải đáp ứng một số yêu cầu cơ bản sau:

- **Rõ ràng về nguyên tắc phân loại:** Pháp luật cần xác lập các nhóm chất thải phải được phân loại một cách cụ thể, dễ hiểu và phù hợp với khả năng thực hiện của người dân, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Ví dụ: phân biệt rác hữu cơ, rác tái chế và rác vô cơ không thể tái chế.

- **Quy định cụ thể trách nhiệm chủ thể:** Các văn bản pháp luật phải xác định rõ chủ thể có nghĩa vụ thực hiện phân loại tại nguồn (như hộ gia đình, cơ sở dịch vụ, tổ chức...) và mức độ trách nhiệm của từng đối tượng trong việc tuân thủ quy định pháp luật.

- **Bảo đảm tính khả thi và phù hợp với thực tiễn địa phương:** Quy định pháp luật cần xem xét đến điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ nhận thức và năng lực hạ tầng ở nông thôn để đưa ra hướng dẫn thực hiện phù hợp, tránh tình trạng “quy định cao - thực thi thấp”.

- **Cơ chế khuyến khích và chế tài rõ ràng:** Song song với các biện pháp xử phạt đối với hành vi không phân loại đúng quy định, pháp luật cần có cơ chế động viên - khuyến khích các cá nhân, tổ chức thực hiện tốt, thông qua hỗ trợ vật tư, giảm phí xử lý hoặc công nhận danh hiệu “khu dân cư xanh”.

- **Cơ sở cho phân định trách nhiệm quản lý nhà nước:** Các quy định cần xác lập rõ vai trò và trách nhiệm của chính quyền địa phương, đơn vị dịch vụ môi

trường, tổ chức xã hội trong việc hướng dẫn, giám sát và tổ chức thực hiện phân loại tại nguồn.

Ở nông thôn, việc phân loại tại nguồn gặp nhiều thách thức do dân cư sống rải rác, điều kiện kinh tế còn khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật chưa đồng đều. Do đó, các quy định pháp luật phải bảo đảm tính khả thi và được lồng ghép với các yếu tố văn hóa - xã hội địa phương. Cần nhấn mạnh rằng, ở nông thôn, phân loại chất thải không thể áp dụng máy móc mô hình đô thị mà cần dựa vào các mô hình tự quản cộng đồng, gắn trách nhiệm người dân với lợi ích thực tiễn như sử dụng rác hữu cơ làm phân bón, bán phế liệu để tăng thu nhập. Pháp luật vì thế phải tạo ra khung pháp lý mềm dẻo nhưng rõ ràng, tạo động lực thay vì áp đặt.

1.4.3. Các quy định về thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

Trong chu trình quản lý CTRSH, thu gom và vận chuyển đóng vai trò là cầu nối giữa khâu phát sinh (tại nguồn) và khâu xử lý cuối cùng. Dưới góc độ lý luận pháp lý, đây là hoạt động mang tính trung gian nhưng thiết yếu, bảo đảm cho hệ thống quản lý chất thải vận hành thông suốt, hiệu quả và an toàn. Do đó, pháp luật cần thiết lập các quy phạm cụ thể, rõ ràng và có tính khả thi cao nhằm điều chỉnh hoạt động này trong điều kiện đặc thù của khu vực nông thôn.

Thu gom và vận chuyển CTRSH là quá trình kỹ thuật - tổ chức được thực hiện bởi các cá nhân, tổ chức, đơn vị dịch vụ công ích hoặc tư nhân, nhằm đưa chất thải từ nơi phát sinh đến địa điểm tập kết, trung chuyển hoặc xử lý. Dưới góc nhìn pháp lý, hoạt động này là một nghĩa vụ dịch vụ công cộng, gắn với trách nhiệm quản lý nhà nước và quyền tiếp cận môi trường trong lành của người dân. Pháp luật vì vậy phải điều chỉnh không chỉ nội dung hoạt động (quy trình, tiêu chuẩn) mà còn cả trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan: từ người dân, đơn vị thu gom, chính quyền địa phương cho đến cơ quan giám sát

môi trường. Nội dung cơ bản của các quy định pháp luật về thu gom, vận chuyển CTRSH gồm:

- Yêu cầu về kỹ thuật và an toàn môi trường: Các phương tiện, thiết bị thu gom - vận chuyển phải bảo đảm không gây phát tán mùi hôi, nước rỉ rác, và phải có thiết kế phù hợp với loại hình chất thải được vận chuyển. Đây là một trong những yêu cầu rất quan trọng góp phần nâng cao chất lượng quá trình quản lý CTRSH.

- Phân vùng, tần suất và lịch trình thu gom: Ở nông thôn, nơi dân cư phân tán, pháp luật quy định việc xây dựng kế hoạch thu gom linh hoạt theo từng khu vực, kết hợp giữa chính quyền, tổ chức đoàn thể và cộng đồng nhằm tiết kiệm chi phí nhưng vẫn bảo đảm hiệu quả.

- Trách nhiệm của đơn vị thu gom, vận chuyển: Các tổ chức thực hiện dịch vụ phải có đăng ký hoạt động hợp pháp, bảo đảm đủ năng lực kỹ thuật và được giám sát bởi chính quyền địa phương. Trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo các chế tài hành chính, hoặc thu hồi giấy phép hoạt động.

- Chi phí và cơ chế tài chính: Pháp luật cho phép thu phí dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH tại nông thôn theo nguyên tắc "người gây ô nhiễm phải trả", đồng thời tạo điều kiện cho các cơ chế hỗ trợ tài chính từ ngân sách hoặc các nguồn xã hội hóa để giảm gánh nặng cho người dân nghèo, vùng sâu vùng xa.

So với đô thị, hoạt động thu gom - vận chuyển chất thải ở nông thôn đối mặt với nhiều khó khăn như địa hình phân tán, mật độ dân cư thấp, thiếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phương tiện vận chuyển thô sơ và nguồn lực tài chính hạn chế. Do đó, hệ thống pháp luật điều chỉnh lĩnh vực này ở nông thôn cần: (1) Linh hoạt trong thiết kế mô hình quản lý (tổ, đội tự quản; liên kết các hộ gia đình; dịch vụ bán chuyên); (2) Khuyến khích áp dụng các mô hình truyền thống kết hợp hiện đại, như dùng xe kéo tay, xe bò cải tiến tại vùng sâu; (3) Tăng cường vai trò của cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội trong giám sát, hỗ trợ và phối hợp thực hiện.

1.4.4. Các quy định về tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

Trong bối cảnh hiện nay, khi vấn đề môi trường trở thành một trong những thách thức cấp bách toàn cầu, thì việc xây dựng một hệ thống quản lý chất thải hiệu quả là yêu cầu tất yếu. Theo nguyên lý của quản lý chất thải hiện đại, trình tự ưu tiên trong xử lý chất thải được thiết lập theo hướng giảm thiểu thiệt hại cho môi trường và tối ưu hóa tài nguyên, đó là: giảm thiểu - tái sử dụng - tái chế - xử lý - chôn lấp. Đây không chỉ là nguyên tắc kỹ thuật mà còn là một quan điểm pháp lý và triết lý phát triển bền vững. Trong chuỗi này, hai mắt xích tái sử dụng và tái chế đóng vai trò then chốt trong việc cắt giảm lượng chất thải cần xử lý cuối cùng, góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm chi phí và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường sống.

Trước hết, về mặt kinh tế, việc tái sử dụng và tái chế giúp giảm nhu cầu khai thác tài nguyên sơ cấp, vốn đang ngày càng cạn kiệt. Mỗi tấn rác được tái chế thay vì chôn lấp không chỉ tiết kiệm diện tích đất đai mà còn giảm chi phí vận chuyển, xử lý và vận hành toàn bộ hệ thống. Về mặt xã hội, hoạt động này còn góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng thông qua việc hạn chế phát sinh ô nhiễm không khí, nguồn nước và đất, từ đó làm giảm nguy cơ bệnh tật, đặc biệt tại các khu vực nông thôn nơi hệ thống y tế còn yếu kém. Còn về mặt môi trường, đây là một trong những giải pháp nền tảng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn - nơi mà rác thải không bị loại bỏ, mà được coi là nguồn tài nguyên đầu vào cho một vòng đời sản phẩm mới.

Ở khu vực nông thôn, nơi có điều kiện hạ tầng kỹ thuật hạn chế, công nghệ xử lý lạc hậu và ngân sách môi trường còn thiếu hụt, việc tái sử dụng, tái chế tại chỗ trở nên không chỉ cần thiết mà còn hoàn toàn khả thi. Cụ thể, đặc điểm của CTRSH nông thôn thường là hữu cơ, dễ phân hủy, rất thích hợp để ủ phân compost ngay tại hộ gia đình hoặc trong cộng đồng dân cư. Đồng thời, thói quen sinh hoạt

của người dân nông thôn vốn gắn liền với sự tiết kiệm và tận dụng tối đa các vật dụng, tạo nên nền tảng văn hóa thuận lợi để phát triển chính sách khuyến khích tái sử dụng.

Một khía cạnh quan trọng khác là nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” (Polluter Pays Principle) - một nguyên tắc nền tảng trong luật môi trường hiện đại. Theo đó, cá nhân, tổ chức phát sinh chất thải có nghĩa vụ pháp lý và tài chính trong việc quản lý chất thải, bao gồm cả hoạt động phân loại, tái sử dụng và tái chế. Việc pháp luật hóa nguyên tắc này cho phép chuyển hóa quan niệm truyền thống coi rác thải là gánh nặng, thành cách tiếp cận mới xem rác như một nguồn tài nguyên có thể khai thác lại. Đây chính là tư tưởng của kinh tế tuần hoàn, hiện đang được nội luật hóa trong hệ thống pháp luật Việt Nam, từ Luật BVMT 2020 cho đến các văn bản dưới luật như Nghị định 45/2022/NĐ-CP hay Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc yêu cầu người dân bắt buộc phải tái sử dụng, tái chế chất thải là điều còn nhiều trở ngại. Bởi khả năng tái chế phụ thuộc vào nhu cầu, trình độ, công cụ và hoàn cảnh cá nhân của từng hộ gia đình. Hơn nữa, quá trình tái chế đôi khi đòi hỏi kiến thức và kỹ thuật nhất định, không dễ áp dụng đồng loạt. Do đó, thay vì áp đặt trách nhiệm trực tiếp lên người dân, pháp luật có thể áp dụng chế tài bắt buộc ở một mức độ nhất định đối với các đơn vị thu gom, xử lý - những chủ thể có điều kiện tổ chức, công nghệ và nhân lực để thực hiện tái chế hiệu quả và đúng quy chuẩn môi trường.

Từ các phân tích trên có thể thấy, hệ thống quy định pháp luật về tái sử dụng, tái chế CTRSH ở nông thôn cần phát triển theo hướng kết hợp hài hòa giữa ba yếu tố: ràng buộc - linh hoạt - khuyến khích. Cụ thể, "ràng buộc" nhằm đảm bảo trách nhiệm pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp và nhà nước; "linh hoạt" để phù hợp với thực tiễn từng vùng miền và trình độ dân trí; và "khuyến khích" nhằm

phát huy vai trò tự giác, nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia tự nguyện của cộng đồng.

Cuối cùng, trong lý luận quản lý môi trường, một nguyên lý cốt lõi là tính không đồng nhất giữa các khu vực lãnh thổ (đô thị, nông thôn, miền núi, ven biển...) cần được phản ánh trong quá trình xây dựng và áp dụng chính sách. Với nông thôn Việt Nam, nơi lượng rác thải chủ yếu là chất hữu cơ, công nghệ xử lý còn yếu, và người dân có truyền thống tiết kiệm - thì đây chính là mảnh đất lý tưởng để hiện thực hóa các chính sách pháp luật về tái sử dụng, tái chế CTRSH một cách hiệu quả, thiết thực và bền vững.

1.4.5. Các quy định về xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

Trong lý luận quản lý môi trường, xử lý CTRSH là giai đoạn cuối cùng nhưng bắt buộc trong toàn bộ chu trình quản lý chất thải. Dù các biện pháp như giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế có được thúc đẩy mạnh đến đâu thì vẫn sẽ tồn tại một lượng chất thải không thể phục hồi, cần phải xử lý. Xử lý CTRSH, do đó, đóng vai trò “phòng tuyến cuối” BVMT và sức khỏe cộng đồng.

Về mặt lý thuyết, xử lý chất thải có thể hiểu là các hoạt động vật lý, hóa học hoặc sinh học được áp dụng để làm thay đổi đặc tính của chất thải nhằm: (1) Giảm thể tích, khối lượng, độc tính hoặc khả năng gây hại; (2) Biến đổi thành sản phẩm có thể tái sử dụng, tái chế hoặc chuyển hóa thành năng lượng; (3) Đảm bảo an toàn môi trường trước khi chôn lấp hoặc thải bỏ.

Nội dung của pháp luật về xử lý CTRSH ở nông thôn cần đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Xử lý chất thải phải gắn với mục tiêu BVMT lâu dài, giảm thiểu ô nhiễm, gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế - an sinh xã hội - bảo vệ tài nguyên.
- Chủ nguồn thải có nghĩa vụ tài chính hoặc trách nhiệm cụ thể đối với việc xử lý chất thải do mình tạo ra.

- Pháp luật ưu tiên áp dụng công nghệ xử lý an toàn, hạn chế phát sinh chất thải thứ cấp trong quá trình xử lý.

- Tổ chức xử lý phải căn cứ vào điều kiện thực tế về địa lý, dân cư, hạ tầng, khả năng tài chính của từng địa phương nông thôn.

Từ góc độ lý luận chính sách, việc xử lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam cần dựa trên cách tiếp cận khác biệt so với đô thị. Nguyên nhân là do: (1) Cấu trúc CTRSH ở nông thôn chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy, có thể xử lý hiệu quả bằng phương pháp ủ sinh học hoặc xử lý vi sinh học tại chỗ; (2) Cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn yếu, không có điều kiện đầu tư các nhà máy xử lý quy mô lớn như ở đô thị; (3) Mức độ phân tán dân cư cao, khối lượng rác thải phát sinh nhỏ, gây khó khăn trong việc thu gom tập trung để xử lý quy mô công nghiệp; (4) Người dân có thể tham gia vào xử lý tại hộ gia đình, như ủ phân compost, đốt rác tại chỗ (trong giới hạn cho phép) hoặc tận dụng chất thải làm nguyên liệu phụ trợ.

Do vậy, lý luận xử lý CTRSH ở nông thôn đặt nặng yếu tố tự xử lý tại nguồn, đi kèm với hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ của nhà nước, chứ không thể áp dụng mô hình tập trung công nghiệp như tại đô thị. Điều này đòi hỏi khung pháp luật phải mềm dẻo, thực tế và gắn kết chặt chẽ với cộng đồng. Mục tiêu lớn nhất của hệ thống pháp luật hiện nay là hướng đến việc xử lý chất thải an toàn, tiết kiệm chi phí, phù hợp với điều kiện địa phương và giảm thiểu chôn lấp. Cụ thể, hệ thống quy định đang hướng theo các hướng sau:

- Chuẩn hóa công nghệ xử lý phù hợp với nông thôn: Hướng dẫn sử dụng hố ủ, hầm biogas, lò đốt quy mô hộ gia đình đạt chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Thúc đẩy xã hội hóa xử lý CTRSH: Giao cho các tổ chức, hợp tác xã, doanh nghiệp dịch vụ công ích tại địa phương tham gia xử lý.

- Tăng cường giám sát và xử phạt: Áp dụng chế tài đối với hành vi đổ thải, xử lý sai quy định nhằm bảo đảm tính răn đe.

- Hỗ trợ tài chính, kỹ thuật: Cung cấp kinh phí, máy móc, đào tạo cho cán bộ và cộng đồng để xử lý đúng cách, đặc biệt tại các vùng sâu vùng xa.

1.4.6. Các quy định xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt

Pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn, một khi đã được ban hành và đưa vào thực tiễn, sẽ trở thành chuẩn mực hành vi bắt buộc đối với mọi cá nhân, tổ chức và cơ quan trong xã hội. Việc tuân thủ các quy định này là điều kiện cần thiết để đảm bảo hiệu lực thi hành pháp luật và duy trì trật tự, an toàn môi trường. Tuy nhiên, trong thực tế đời sống xã hội, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, vẫn xuất hiện những chủ thể có hành vi trái với các quy định pháp luật về quản lý CTRSH, làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý và gây nguy cơ ô nhiễm môi trường nông thôn.

Theo Giáo trình *Lý luận nhà nước và pháp luật* của Trường Đại học Luật Hà Nội, “vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ”. Trên cơ sở đó, hệ thống pháp luật Việt Nam phân loại vi phạm pháp luật thành bốn nhóm chính: vi phạm hành chính, vi phạm hình sự (tội phạm), vi phạm dân sự và vi phạm kỷ luật. Mỗi loại vi phạm sẽ làm phát sinh một loại trách nhiệm pháp lý tương ứng, bao gồm: trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự và trách nhiệm kỷ luật.

Hoạt động xử lý vi phạm pháp luật, vì vậy, được hiểu là quá trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp pháp lý nhằm truy cứu trách nhiệm đối với chủ thể vi phạm, qua đó bảo vệ trật tự pháp luật, phòng ngừa hành vi tái phạm và góp phần củng cố ý thức pháp luật trong cộng đồng.

Trong quản lý CTRSH ở nông thôn, hai nhóm chủ thể chính dễ phát sinh vi phạm pháp luật gồm: Chủ nguồn thải: Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức phát sinh CTRSH. Đơn vị xử lý chất thải: Hợp tác xã, tổ thu gom, doanh nghiệp dịch vụ môi

trường tại địa phương. Các hành vi vi phạm pháp luật điển hình: Không phân loại CTRSH tại nguồn theo quy định; Vứt, xả rác không đúng nơi quy định; Tự ý đốt, chôn CTRSH gây ô nhiễm; Xử lý rác bằng phương pháp thủ công không đạt chuẩn; Vận chuyển rác không đảm bảo kỹ thuật, rò rỉ, phát tán rác. Đơn vị dịch vụ hoạt động không phép, không báo cáo môi trường định kỳ. Do vậy, các hành vi vi phạm nói trên về cơ bản không đủ yếu tố cấu thành vi phạm hình sự. Vì, theo Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), chỉ những hành vi gây thiệt hại lớn, có tổ chức, hoặc tái phạm nguy hiểm, như “gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng” mới bị truy cứu hình sự (Điều 235, 236). Tuy nhiên, ở nông thôn: Quy mô vi phạm thường nhỏ lẻ, mang tính hộ gia đình; Mức độ ô nhiễm thấp, khó xác định hậu quả lớn, trực tiếp; Ý thức pháp luật hạn chế, đa phần là vô ý hoặc do thiếu hiểu biết. Thường những hành vi này chưa đến mức nghiêm trọng để cấu thành tội phạm mà chỉ là vi phạm hành chính.

Tương tự như vậy, việc xác định trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại) yêu cầu phải có thiệt hại thực tế, xác định được mối quan hệ nhân quả với hành vi vi phạm. Tuy nhiên: Rất khó định lượng thiệt hại từ hành vi đổ rác không đúng nơi, xử lý sai cách; Thiệt hại môi trường thường mang tính cộng đồng, phi vật chất, khó lượng hóa; Hệ thống chứng cứ ở nông thôn yếu, thiếu giám sát kỹ thuật, thiết bị quan trắc... Vì vậy, trách nhiệm dân sự khó xác lập, nên ít được áp dụng trong thực tiễn quản lý CTRSH ở nông thôn.

Vi phạm kỷ luật trong lĩnh vực quản lý CTRSH ở nông thôn chủ yếu xuất phát từ hành vi của cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống quản lý nhà nước. Đây là những hành vi vi phạm các quy định nội bộ, quy chế công vụ hoặc nghĩa vụ thi hành công vụ được giao. Các vi phạm này có thể bao gồm việc buông lỏng quản lý, thiếu kiểm tra, giám sát hoặc không thực hiện đúng chức trách. Tuy nhiên, do đối tượng vi phạm mang tính đặc thù và thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về cán bộ, công chức, nên không thuộc phạm vi trọng tâm của đề tài.

Từ sự phân tích nêu trên, đề tài chỉ phân tích các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý CTRSH ở nông thôn. Hơn nữa, trong giới hạn phạm vi nghiên cứu, đề tài cũng chỉ đi sâu phân tích các nội dung chủ yếu của xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý CTRSH ở nông thôn với các nội dung chủ yếu gồm: Xác định hành vi vi phạm quản lý CTRSH; hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng cho hành vi đó; Thẩm quyền xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong quản lý CTRSH ở nông thôn nêu trên.

1.5. Vai trò của pháp luật quản lý chất thải rắn ở nông thôn

Với tư cách là quy tắc xử sự chung và là công cụ hữu hiệu nhất để nhà nước quản lý xã hội, pháp luật có quản lý CTRSH ở nông thôn có những vai trò chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, pháp luật là công cụ điều chỉnh hành vi và thiết lập trật tự quản lý quản lý CTRSH ở nông thôn

Theo lý luận chung về pháp luật, trong bất kỳ lĩnh vực quản lý nào, đặc biệt là quản lý môi trường – lĩnh vực liên quan đến lợi ích công cộng, nhiều chủ thể, và có yếu tố kỹ thuật cao - pháp luật là công cụ điều chỉnh chính yếu và không thể thay thế. Cụ thể trong quản lý CTRSH ở nông thôn, pháp luật giúp: (1) Xác lập quyền và nghĩa vụ của các chủ thể: cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp, chính quyền...; (2) Thiết lập cơ chế phối hợp, phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các cấp quản lý từ trung ương đến địa phương; (3) Ràng buộc hành vi phát sinh - phân loại - thu gom - xử lý - tái chế - tiêu hủy chất thải theo đúng quy chuẩn kỹ thuật và chuẩn mực đạo đức cộng đồng; (4) Tạo hành lang pháp lý để huy động nguồn lực xã hội hóa, đặc biệt trong bối cảnh ngân sách nhà nước cho môi trường nông thôn còn hạn chế; (5) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn.

Thứ hai, pháp luật quản lý CTRSH là công cụ góp phần bảo vệ quyền con người được sống trong môi trường trong lành ở nông thôn

Quyền được sống trong môi trường trong lành là một trong những quyền cơ bản của con người, được khẳng định tại Điều 53 Hiến pháp Việt Nam năm 2013 và các văn kiện pháp lý quốc tế như Tuyên ngôn Nhân quyền 1948, Công ước về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR). Quyền này không chỉ là một khát vọng đạo đức, mà đã trở thành quyền pháp lý có thể được yêu cầu và bảo vệ bằng cơ chế pháp luật. Trong bối cảnh đó, khu vực nông thôn - nơi thường thiếu thốn về cơ sở hạ tầng, thông tin pháp luật và nguồn lực tài chính - lại là nơi dễ bị tổn thương nhất bởi ô nhiễm môi trường, trong đó có CTRSH.

Pháp luật, vì vậy, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ nhóm yếu thế, hiện thực hóa quyền con người về môi trường và đảm bảo công bằng môi trường. Bằng cách thiết lập các quy định cụ thể về phân loại, thu gom, xử lý và xử phạt vi phạm trong quản lý CTRSH, pháp luật không chỉ điều chỉnh hành vi, mà còn tạo hành lang pháp lý để Nhà nước phòng ngừa, can thiệp và xử lý các hành vi gây ô nhiễm. Qua đó, góp phần BVMT sống của người dân nông thôn, đảm bảo sự công bằng trong việc khai thác và thụ hưởng các giá trị môi trường. Pháp luật, vì thế, không chỉ là công cụ quản lý mà còn là công cụ thực thi công lý và bảo vệ quyền con người một cách thiết thực trong đời sống hằng ngày.

Thứ ba, pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn là động lực thúc đẩy thay đổi hành vi và nâng cao ý thức cộng đồng

Trong lĩnh vực quản lý môi trường nói chung và quản lý CTRSH ở nông thôn nói riêng, pháp luật không chỉ là công cụ cưỡng chế mà còn đóng vai trò then chốt trong việc tạo dựng chuẩn mực hành vi, nâng cao nhận thức và thúc đẩy thay đổi hành vi bền vững trong cộng đồng. Đặc biệt tại nông thôn - nơi yếu tố tập quán, thói quen sinh hoạt truyền thống còn chi phối mạnh - thì vai trò giáo dục, hướng dẫn và điều chỉnh của pháp luật càng trở nên thiết yếu.

Một trong những đóng góp lớn nhất của pháp luật là việc xác lập hành vi đúng và sai trong ứng xử với chất thải. Từ chỗ coi việc xả rác ra sông, đốt rác sau vườn là bình thường, thì dưới tác động của quy định pháp luật, người dân bắt đầu hiểu rằng các hành vi đó có thể bị xử phạt và gây hậu quả môi trường nghiêm trọng. Nhờ đó, pháp luật từng bước chuyển hóa nhận thức cá nhân thành ý thức pháp lý - môi trường cộng đồng.

Không chỉ dừng lại ở quy định cấm, pháp luật còn đóng vai trò hướng dẫn và khuyến khích hành vi tích cực. Ví dụ, Luật BVMT 2020 và các nghị định, thông tư hướng dẫn đã quy định chi tiết việc phân loại rác tại nguồn, xử lý chất thải hữu cơ tại chỗ, hoặc khuyến khích sử dụng mô hình tổ tự quản, hợp tác xã môi trường. Những quy định này không mang tính cưỡng bức mà nhằm tạo điều kiện để cộng đồng dân cư có thể dễ dàng tiếp cận, học hỏi và áp dụng.

Mặt khác, các chế tài xử phạt hành chính theo Nghị định 45/2022/NĐ-CP cũng đóng vai trò giáo dục gián tiếp, giúp nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật môi trường. Khi người dân bị xử phạt vì hành vi đổ rác sai quy định, hiệu ứng lan tỏa trong cộng đồng sẽ giúp thay đổi nhận thức rộng hơn, góp phần hình thành “áp lực xã hội tích cực” để thúc đẩy hành vi đúng.

Ngoài ra, pháp luật còn là cơ sở để tổ chức các chương trình truyền thông, tập huấn và giáo dục pháp luật môi trường tại địa phương. Nhờ có khung pháp lý rõ ràng, chính quyền cấp xã, thôn có thể xây dựng hương ước, quy ước về vệ sinh môi trường, gắn kết trách nhiệm cộng đồng và khuyến khích sự tham gia tự nguyện từ người dân.

Tóm lại, pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn không chỉ nhằm kiểm soát hành vi tiêu cực, mà còn là động lực chủ đạo trong quá trình thay đổi nhận thức và hành vi cộng đồng. Bằng việc kết hợp giữa chế tài và khuyến khích, giữa quy định và hướng dẫn, pháp luật đang từng bước nâng cao “văn hóa pháp lý môi

trường” trong nông thôn - yếu tố cốt lõi để xây dựng nông thôn xanh, sạch và phát triển bền vững.

Thứ tư, pháp luật quản lý CTRSH là nền tảng cho hoạch định chính sách, triển khai mô hình quản lý phù hợp ở nông thôn

Pháp luật là khung thể chế định hướng hoạch định chính sách môi trường cấp địa phương. Pháp luật giữ vai trò tạo lập nền tảng ổn định để các cấp chính quyền địa phương hoạch định chính sách quản lý CTRSH phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, tự nhiên của từng vùng nông thôn. Các quy định trong Luật BVMT 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 45/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT là những căn cứ pháp lý quan trọng để chính quyền các cấp xây dựng kế hoạch thu gom, xử lý, phân loại rác thải tại nguồn.

Chính nhờ pháp luật mà quá trình lập chính sách địa phương được bảo đảm tính thống nhất với định hướng quốc gia, đồng thời vẫn mở ra không gian pháp lý đủ linh hoạt để điều chỉnh phù hợp điều kiện địa phương như mật độ dân cư, đặc điểm chất thải (đa phần là chất hữu cơ dễ phân hủy), và khả năng tài chính của hộ gia đình.

Pháp luật thúc đẩy mô hình quản lý linh hoạt, thích ứng với đặc thù nông thôn. Một trong những đặc điểm của khu vực nông thôn là sự phân tán về không gian cư trú, thiếu hệ thống xử lý rác tập trung, và hầu hết rác thải sinh hoạt là chất hữu cơ. Do đó, không thể áp dụng máy móc các mô hình quản lý CTRSH của đô thị vào nông thôn. Pháp luật đã dự liệu điều này bằng cách khuyến khích mô hình tự xử lý tại chỗ, chẳng hạn như hộ dân có thể tự ủ phân hữu cơ từ rác thực phẩm, đốt rác trong lò hợp vệ sinh, hoặc xây dựng hầm biogas quy mô nhỏ nếu phù hợp. Ngoài ra, pháp luật cũng tạo điều kiện phân quyền cho cấp xã, thôn tự tổ chức các tổ thu gom, hợp tác xã môi trường, cho phép cộng đồng tự quản lý rác thải tại địa phương mình, giảm áp lực cho ngân sách nhà nước. Việc luật pháp chính thức công nhận tính hợp pháp và khuyến khích các mô hình phân tán, tự quản, xử lý tại

nguồn là điểm mấu chốt tạo ra sự linh hoạt, thích nghi và khả năng thực thi thực tế cao hơn so với mô hình quản lý tập trung.

Pháp luật quy định rõ trách nhiệm và cơ chế phối hợp đa cấp trong tổ chức thực hiện. Trong hệ thống cơ quan quản lý CTRSH, trách nhiệm không thuộc riêng một cấp chính quyền mà là sự phối hợp đa cấp - từ trung ương đến địa phương. Pháp luật đóng vai trò như bản “sơ đồ trách nhiệm”, phân định cụ thể vai trò của từng cấp:

- Chính quyền cấp xã: tổ chức thu gom, hướng dẫn phân loại, tuyên truyền, giám sát cộng đồng.
- Chính quyền cấp huyện: xây dựng kế hoạch tổng thể, quản lý ngân sách, giám sát chất lượng dịch vụ.
- Chính quyền cấp tỉnh và trung ương: ban hành quy chuẩn kỹ thuật, kiểm tra, hỗ trợ tài chính và kỹ thuật.

Sự phân công rõ ràng này giúp cho các mô hình quản lý CTRSH tại địa phương hoạt động hiệu quả, không bị chồng chéo hay bỏ trống trách nhiệm, đồng thời tạo nền tảng pháp lý để người dân và những tổ chức giám sát hiệu quả công tác thực thi.

Pháp luật tạo điều kiện huy động xã hội hóa và sự tham gia của cộng đồng. Một trong những yếu tố then chốt trong quản lý CTRSH ở nông thôn là khả năng huy động sự tham gia của cộng đồng và khu vực tư nhân. Pháp luật cho phép và khuyến khích: (1) Doanh nghiệp tham gia đầu tư xử lý rác bằng các ưu đãi thuế, đất đai; (2) Hợp tác xã, tổ dân phố tự tổ chức hoạt động thu gom và xử lý rác quy mô nhỏ; (3) Cộng đồng dân cư tham gia xây dựng hương ước, quy ước BVMT. Chính cơ chế pháp lý này đã mở rộng không gian thực thi chính sách ra ngoài khu vực công quyền, tạo điều kiện để phát triển các mô hình quản lý đa dạng, huy động được nguồn lực xã hội mà không quá phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

Pháp luật không chỉ đóng vai trò là hệ thống quy tắc cưỡng chế trong quản lý CTRSH, mà còn là nền tảng thể chế, định hướng chính sách, thúc đẩy mô hình linh hoạt và thực thi hiệu quả ở nông thôn. Trong bối cảnh nhu cầu BVMT ngày càng cấp thiết, đặc biệt tại khu vực nông thôn đang phát triển nhanh nhưng hạ tầng chưa theo kịp, thì vai trò của pháp luật càng phải được phát huy tối đa như trụ cột định hình mô hình quản lý chất thải bền vững và công bằng.

Thứ năm, pháp luật quản lý CTRSH công cụ răn đe và xử lý các hành vi vi phạm hiệu quả

Trong hệ thống pháp lý hiện đại, pháp luật không chỉ được nhìn nhận như một thiết chế định hướng, tổ chức và thúc đẩy các hành vi tích cực, mà còn đảm nhiệm vai trò cốt lõi trong việc ngăn ngừa, xử lý và răn đe các hành vi vi phạm pháp luật, đặc biệt trong lĩnh vực môi trường. Sự phát triển nhanh chóng của kinh tế - xã hội, cùng với quá trình đô thị hóa và thay đổi lối sống, đang đặt ra những thách thức lớn đối với quản lý CTRSH, đặc biệt ở khu vực nông thôn - nơi năng lực quản lý môi trường còn hạn chế. Trong bối cảnh đó, hiện tượng xả rác bừa bãi, đốt rác tự phát, chôn lấp rác không đúng quy chuẩn vẫn diễn ra phổ biến và chưa được kiểm soát hiệu quả, đặt ra yêu cầu cấp bách phải hoàn thiện và thực thi nghiêm chỉnh pháp luật về xử lý vi phạm trong quản lý CTRSH.

Theo lý luận pháp luật, một trong những chức năng cơ bản và thiết yếu của hệ thống pháp luật là xác định ranh giới giữa hành vi hợp pháp và hành vi bị nghiêm cấm, từ đó thiết lập nên chuẩn mực ứng xử chung cho toàn xã hội. Trong quản lý CTRSH, pháp luật đóng vai trò tạo lập hệ tiêu chuẩn hành vi bắt buộc, ví dụ: phân loại chất thải tại nguồn, thu gom đúng thời gian và địa điểm quy định, vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng đảm bảo vệ sinh môi trường, xử lý theo phương pháp phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Những hành vi không tuân thủ các quy định này - như xả rác ra nơi công cộng, không phân loại rác, đốt

hoặc chôn rác trái quy định - đều được pháp luật nhận diện là hành vi vi phạm và đi kèm với các chế tài pháp lý tương ứng.

Tác dụng của pháp luật không chỉ dừng lại ở việc ghi nhận hành vi sai trái, mà quan trọng hơn là ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm, từ đó tạo ra tác động răn đe và phòng ngừa. Việc chế tài không chỉ đơn thuần nhằm trừng phạt, mà còn mang ý nghĩa giáo dục và định hướng hành vi trong cộng đồng, góp phần xây dựng ý thức tuân thủ pháp luật và hình thành văn hóa môi trường tích cực.

Trong bối cảnh nông thôn Việt Nam hiện nay, nơi mà năng lực giám sát còn yếu, nhận thức pháp luật của người dân chưa cao và nhiều hành vi vi phạm vẫn chưa bị xử lý kịp thời, thì việc phát huy hiệu quả của pháp luật như một công cụ răn đe và xử lý vi phạm là điều kiện tiên quyết để kiểm soát ô nhiễm và xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh và bền vững. Đồng thời, việc thực thi công bằng và minh bạch các quy định pháp luật về CTRSH còn là biểu hiện rõ rệt của công lý môi trường - nơi mà quyền được sống trong môi trường trong lành của mọi người dân, dù ở thành thị hay nông thôn, đều được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng, công bằng.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 đã tiến hành hệ thống hóa và phân tích các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến CTRSH ở nông thôn, đồng thời xác lập nền tảng pháp lý điều chỉnh hoạt động quản lý loại chất thải này. Trên cơ sở làm rõ khái niệm, đặc điểm và phương pháp phân loại CTRSH, chương đã định vị được những yêu cầu quản lý đặc thù cho khu vực nông thôn - nơi có điều kiện kinh tế, hạ tầng và tập quán sinh hoạt khác biệt so với đô thị.

Nội dung đầu tiên được tập trung phân tích là khái niệm CTRSH ở nông thôn - một khái niệm vừa mang nội dung pháp lý vừa có tính kỹ thuật môi trường. Qua đối chiếu với hệ thống pháp luật quốc tế và Việt Nam, chương đã chỉ ra các đặc điểm nổi bật như: tỷ lệ rác hữu cơ cao, khối lượng phát sinh thấp nhưng có xu hướng tăng nhanh, mang tính mùa vụ rõ rệt và chưa được phân loại tại nguồn. Những yếu tố này đòi hỏi hệ thống pháp luật phải linh hoạt, phù hợp với thực tiễn và khả năng tiếp cận của người dân.

Tiếp theo, chương đã xác định khái niệm pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn là hệ thống quy phạm có chức năng điều chỉnh hành vi, xác lập trách nhiệm pháp lý và huy động nguồn lực cộng đồng trong quản lý môi trường. Pháp luật không chỉ đóng vai trò định hướng kỹ thuật mà còn là công cụ chính sách xã hội, tạo điều kiện để phát huy vai trò của chính quyền địa phương và cộng đồng.

Bên cạnh đó, chương cũng phân tích vai trò răn đe của pháp luật thông qua cơ chế xử phạt vi phạm hành chính, xác định trách nhiệm chủ thể và quy định thẩm quyền xử lý. Điều này góp phần tăng tính cưỡng chế, thúc đẩy việc tuân thủ pháp luật và nâng cao ý thức cộng đồng về BVMT.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định: Chương 1 là nền tảng lý luận - pháp lý cần thiết để triển khai các chương tiếp theo, giúp đề tài đạt được tính hệ thống, chặt chẽ và gắn với yêu cầu thực tiễn trong quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam hiện nay.

Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Ở NÔNG THÔN VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

Khu vực nông thôn Việt Nam hiện nay đang chứng kiến những thay đổi sâu sắc về cơ cấu kinh tế, điều kiện sống và thói quen tiêu dùng. Quá trình chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang đa dạng hóa ngành nghề nông thôn, kết hợp với xu hướng đô thị hóa lan tỏa và sự gia tăng mức sống của người dân, đã làm thay đổi đáng kể quy mô và đặc điểm của CTRSH phát sinh tại địa phương. Theo các số liệu điều tra môi trường, lượng CTRSH phát sinh tại khu vực nông thôn tuy chưa bằng các khu vực đô thị về mặt tổng thể, nhưng lại có xu hướng gia tăng liên tục cả về khối lượng lẫn mức độ phức tạp trong thành phần. Đặc biệt, do đặc điểm phân bố dân cư rải rác, hạ tầng kỹ thuật hạn chế và nhận thức cộng đồng còn bất cập, việc tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH ở nông thôn thường gặp nhiều khó khăn, dẫn đến hiện tượng tồn lưu, chôn lấp không hợp vệ sinh hoặc đốt rác tự phát diễn ra phổ biến.

Bảng 2.1. Lượng chất thải rắn sinh hoạt nông thôn phát sinh năm 2023⁶

TT	VÙNG	KHỐI LƯỢNG PHÁT SINH (Tấn/ngày)
I	Đồng bằng sông Hồng	8.712,0
II	Trung du và miền núi phía Bắc	3.553,8
III	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	7.137,5
IV	Tây Nguyên	1.933,0
V	Đông Nam Bộ	2.262,0
VI	Đồng bằng Sông Cửu Long	6.134,7
Cả nước		29.734

⁶ Bộ Tài Nguyên và Môi trường (2023), Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2023, tr.24

Trong những năm gần đây, công tác quản lý CTRSH ở khu vực nông thôn Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực, thể hiện qua sự quan tâm ngày càng tăng của Nhà nước, các địa phương và cộng đồng đối với vấn đề BVMT. Nhiều địa phương đã xây dựng kế hoạch thu gom và xử lý CTRSH, triển khai các mô hình hợp tác xã môi trường, tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân, từng bước hình thành thói quen phân loại và xử lý rác tại nguồn. Các chính sách pháp luật như Luật BVMT 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã bước đầu đặt nền móng pháp lý cho việc quản lý CTRSH tại nông thôn theo hướng bền vững và có sự tham gia của nhiều chủ thể.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn cũng cho thấy công tác quản lý CTRSH ở nông thôn hiện vẫn đang tồn tại nhiều bất cập. Trước hết là sự thiếu đồng bộ và cụ thể trong hệ thống pháp luật hiện hành đối với khu vực nông thôn - nơi điều kiện kinh tế, xã hội, địa hình và trình độ dân trí có nhiều khác biệt so với khu vực đô thị. Bên cạnh đó, năng lực tổ chức thực hiện của chính quyền cơ sở còn hạn chế; nguồn lực tài chính, nhân lực và cơ sở hạ tầng phục vụ công tác thu gom, xử lý chất thải còn thiếu thốn. Trong khi đó, nhận thức và ý thức pháp luật của người dân về BVMT vẫn chưa được nâng cao đồng đều.

Do đó, yêu cầu đặt ra hiện nay là phải thiết lập một cơ chế quản lý hiệu quả, mang tính đặc thù, phù hợp với điều kiện nông thôn, nhằm khắc phục những điểm yếu cố hữu và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về BVMT nói chung, quản lý CTRSH nói riêng.

2.1. Các quy định phòng ngừa, giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn và thực tiễn thực hiện

Phòng ngừa và giảm thiểu CTRSH được xác định là biện pháp ưu tiên trong chu trình quản lý chất thải theo Luật BVMT 2020. Luật đã khẳng định nguyên tắc tiếp cận theo vòng đời sản phẩm và thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, trong đó giảm thiểu chất thải ngay từ nguồn là yêu cầu trọng tâm. Điều 141 và Điều 142

của Luật này quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc hạn chế chất thải phát sinh, khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện môi trường và thực hiện phân loại, tái sử dụng. Đồng thời, Điều 75 nhấn mạnh việc giảm thiểu CTRSH bằng cách làm phân bón hữu cơ, dùng thức ăn thừa cho chăn nuôi, giảm phát sinh chất thải khó xử lý. Các văn bản dưới luật như Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 45/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT tiếp tục hướng dẫn cụ thể hơn về kỹ thuật, lộ trình và trách nhiệm chủ thể, nhất là yêu cầu các hộ gia đình phải chủ động phân loại, giảm thiểu rác hữu cơ tại nguồn.

Như vậy, pháp luật hiện hành về quản lý CTRSH đã có nhiều ưu điểm nổi bật trong việc phòng ngừa, giảm thiểu rác thải ở nông thôn. Hệ thống quy định đã thể hiện rõ tư duy hiện đại và bền vững, khi xác lập nguyên tắc quản lý theo vòng đời sản phẩm và định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn. Luật BVMT 2020 và các văn bản dưới luật đã làm rõ trách nhiệm của các chủ thể (cá nhân, tổ chức) trong việc hạn chế phát sinh chất thải, từ đó nâng cao trách nhiệm xã hội và ý thức môi trường. Đặc biệt, hệ thống pháp luật hiện hành đã đưa ra nhiều giải pháp cụ thể và khả thi, như khuyến khích ủ phân hữu cơ, tái sử dụng thức ăn thừa, phân loại CTRSH tại nguồn.

Thực tiễn, nhiều hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn đã nhận thức và có ý thức phòng ngừa, giảm thiểu CTRSH. Giải pháp thông thường và mang tính truyền thống đó là hộ gia đình, cá nhân tự đào hố thủ công và ủ các chất thải hữu cơ thành phân hoặc chôn trực tiếp xuống đất tăng độ màu mỡ cho đất. Hiện nay, ở nhiều địa phương, người dân ủ phân hữu cơ bằng các phương thức không quá phức tạp mà hiệu quả tạo ra không chỉ giúp người dân có thêm nguồn phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp mà còn góp phân tích cực vào công tác phòng ngừa, giảm thiểu CTRSH⁷. Mô hình ủ phân hữu cơ đã được lan rộng ở nhiều địa phương,

⁷ Lê Nam (2023), BVMT từ mô hình ủ phân hữu cơ, website:baolaocai.vn, cập nhật: 21/10/2023 15:25, <https://baolaocai.vn/bao-ve-moi-truong-tu-mo-hinh-u-phan-huu-co-post375015.html>

chính quyền địa phương kết hợp với các tổ chức chính trị - xã hội (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ...) đã hỗ trợ, hướng dẫn nhiệt tình cho người dân về kỹ thuật.

Bên cạnh những thành tựu quan trọng đã đạt được, hệ thống quy định pháp luật về phòng ngừa và giảm thiểu CTRSH ở nông thôn vẫn bộc lộ một số hạn chế về nội dung và phương thức thực thi. Những bất cập này không chỉ làm giảm hiệu lực điều chỉnh của pháp luật mà còn cản trở đáng kể quá trình triển khai trong thực tiễn, nhất là tại các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn và hạ tầng quản lý môi trường chưa phát triển đồng bộ. Cụ thể:

Thứ nhất, thiếu quy định riêng, đặc thù cho khu vực nông thôn: Luật và các nghị định phần lớn đưa ra quy định chung cho cả thành thị và nông thôn, trong khi điều kiện hạ tầng, nhận thức, kinh phí, tập quán xử lý rác ở nông thôn rất khác biệt. Đặc biệt, những yêu cầu có tính kỹ thuật cao rất khó triển khai ở vùng sâu, vùng xa - nơi dân cư thưa thớt, địa hình phức tạp và thiếu cơ sở hạ tầng.

Thứ hai, thiếu ràng buộc trách nhiệm cụ thể của các chủ thể: Luật quy định "trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân" trong việc giảm thiểu rác, nhưng không nêu rõ tiêu chí, hành vi cụ thể nào được xem là "giảm thiểu", dẫn đến khó đánh giá, giám sát và xử lý vi phạm. Do đó, việc thực hiện trong thực tiễn phụ thuộc hoàn toàn vào ý thức của các chủ thể. Ở nhiều địa phương, do tập quán sinh hoạt lâu đời và thiếu thông tin pháp luật, nhiều hộ dân chưa thấy rõ lợi ích của việc giảm thiểu chất thải. Các hoạt động đốt rác tự phát, vứt rác bừa bãi vẫn diễn ra phổ biến. Chính quyền một số địa phương chưa nhiệt tình trong việc hỗ trợ người dân phòng ngừa, giảm thiểu CTRSH. Trong khi đó nhiều mô hình như ủ phân compost hoặc sử dụng hầm biogas cần sự hướng dẫn kỹ thuật hoặc đầu tư máy móc, kinh phí từ phía nhà nước.

Thứ ba, chưa có cơ chế khuyến khích rõ ràng: Pháp luật khuyến khích dùng sản phẩm thân thiện môi trường, ủ phân hữu cơ..., nhưng thiếu các biện pháp ưu

đãi cụ thể như hỗ trợ tài chính, miễn giảm phí, công nhận “khu dân cư xanh”... nên chưa tạo động lực thực sự.

2.2. Các quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn tại nguồn và thực tiễn thực hiện

Phân loại CTRSH tại nguồn có ý nghĩa then chốt trong chu trình quản lý chất thải, đặc biệt ở khu vực nông thôn - nơi điều kiện hạ tầng còn hạn chế. Việc phân loại giúp giảm đáng kể khối lượng chất thải cần xử lý, tăng hiệu quả tái chế, tái sử dụng và tiết kiệm chi phí. Đồng thời, nó góp phần hình thành thói quen sống xanh, nâng cao nhận thức cộng đồng và khơi dậy tinh thần trách nhiệm môi trường từ mỗi hộ dân. Đây chính là bước đi đầu tiên, mang tính nền tảng để chuyển hóa mô hình quản lý chất thải theo hướng bền vững và tuần hoàn.

Luật BVMT 2020 là văn bản pháp lý có tính chất bước ngoặt, lần đầu tiên quy định có hiệu lực bắt buộc đối với hành vi phân loại CTRSH tại nguồn, áp dụng đồng bộ trên phạm vi toàn quốc (cả đô thị và nông thôn). Theo Điều 75 (khoản 1 và khoản 7), bắt đầu từ ngày 01/01/2025, mọi cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm phân loại CTRSH theo ba nhóm chính: (1) Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (như giấy, nhựa, kim loại...); (2) Chất thải thực phẩm (có thể dùng làm phân compost hoặc cho chăn nuôi); (3) CTRSH khác (khó tái chế, không hữu cơ). Đây là cách tiếp cận mới, không chỉ theo hướng kỹ thuật, mà còn lồng ghép tư tưởng kinh tế tuần hoàn, tiếp cận theo vòng đời sản phẩm, thúc đẩy xử lý rác thải tại nguồn và nâng cao ý thức cộng đồng.

Khoản 2, khoản 3 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 27 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP) quy định: Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã có trách nhiệm “tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định”. Quy định này thể hiện sự cụ thể hóa nguyên tắc phân cấp trong quản lý nhà nước về BVMT, trao quyền và gắn trách nhiệm thực thi chính sách cho chính quyền địa phương - những chủ thể gần gũi và hiểu rõ thực

tiền địa bàn nhất. Việc giao nhiệm vụ tổ chức triển khai hoạt động phân loại CTRSH cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã nhằm đảm bảo tính khả thi, linh hoạt trong tổ chức thực hiện, phù hợp với đặc thù từng địa phương. Tuy nhiên, để quy định này phát huy hiệu quả trong thực tế, cần được hỗ trợ bằng cơ chế tài chính hợp lý, nguồn lực nhân sự chuyên môn và hệ thống giám sát, đánh giá rõ ràng.

Đặc biệt, Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành hướng dẫn chi tiết về mặt kỹ thuật liên quan đến hoạt động phân loại CTRSH tại nguồn. Nội dung hướng dẫn được trình bày rõ ràng bằng cả hình ảnh minh họa và ngôn ngữ mô tả cụ thể (Phụ lục I), qua đó giúp nâng cao tính trực quan và khả năng tiếp cận thông tin cho các đối tượng có liên quan. Việc ban hành văn bản này không chỉ thể hiện nỗ lực của cơ quan quản lý nhà nước trong việc cụ thể hóa quy định pháp luật mà còn góp phần quan trọng vào việc hỗ trợ các chủ thể có quyền và nghĩa vụ trong công tác phân loại rác hiệu quả và thực hiện đúng quy trình, hạn chế sự lúng túng trong thực tiễn triển khai.

Sau khi Bộ TN&MT ban hành Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 2/11/2023, nhiều địa phương đã nhanh chóng vào cuộc, tổ chức triển khai chính thức phân loại rác tại nguồn. Ví dụ:

Tỉnh Lai Châu đã xây dựng Kế hoạch 3557/KH-UBND ngày 09/9/2024 về triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Kế hoạch đặt ra yêu cầu UBND cấp huyện, xã ban hành chương trình riêng về phân loại CTRSH ngay trong giai đoạn đầu, lồng ghép tuyên truyền thường xuyên qua hệ thống truyền thanh, báo chí và kết hợp sơ kết, đánh giá hiệu quả, hoàn thiện mô hình theo hướng thực hành tốt nhất.

Tỉnh Nghệ An: Ngày 26/3/2024, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Công văn số 2288/UBND-CN chỉ đạo Sở TN&MT nghiên cứu và áp dụng các nội dung kỹ

thuật theo Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 2/11/2023; xác định phân loại CTRSH là nhiệm vụ trọng tâm, triển khai phù hợp với đặc thù địa phương⁸

Trên địa bàn thành phố Hà Nội, có một số quận, huyện chỉ đạo công tác phân loại rác theo hướng dẫn của Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT. Điển hình như, ngày 27/12/2024, UBND quận Thanh Xuân đã ban hành Kế hoạch số 320/KH-UBND về triển khai phân loại CTRSH tại nguồn phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quận⁹.

Ngày 15/4/2025, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 58/2025/QĐ-UBND quy định về việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt khác quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật BVMT 2020 và chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong CTRSH phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 2/11/2023 đã tác động mạnh mẽ đến công tác tổ chức phân loại CTRSH tại nguồn ở nhiều tỉnh, thể hiện qua việc: (1) Xây dựng kế hoạch cụ thể theo sát hướng dẫn kỹ thuật.; (2) Ban hành văn bản chỉ đạo khẩn cấp đến cấp huyện, xã; (3) Tích hợp vào hệ thống tuyên truyền - giám sát - kiểm tra địa phương; (4) Chuẩn bị lộ trình áp dụng bắt buộc trước khi Luật chính thức có hiệu lực. Các động thái này chứng tỏ sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền địa phương, không chỉ mang tính hình thức, mà biến phân loại tại nguồn trở thành một bước nền tảng trong cải thiện quản lý chất thải nông thôn trên toàn quốc.

⁸ Kim Oanh (2024), Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân phù hợp, đúng quy định, website: nghean.gov.vn, cập nhật: 27/03/2024 16:52, https://nghean.gov.vn/thong-tin-chi-dao-dieu-hanh/xay-dung-ke-hoach-va-trien-khai-hoat-dong-phan-loai-chat-thai-ran-sinh-hoat-phat-sinh-tu-ho-gia--628516?utm_source=chatgpt.com

⁹ Phòng Văn hóa và Thông tin (2025), Kế hoạch triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân, cập nhật: 01/01/2025 07:30, https://thanhxuan.hanoi.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/qTXFQGHFvNHd/content/ke-hoach-trien-khai-phan-loai-chat-thai-ran-sinh-hoat-tai-nguon-phat-sinh-tu-ho-gia-inh-ca-nhan?utm_source=chatgpt.com

Phân loại CTRSH tại nguồn ở nông thôn đang ngày càng chứng minh tính khả thi và hiệu quả trên nhiều phương diện - từ kỹ thuật, kinh tế đến xã hội và văn hóa cộng đồng. Một trong những ưu điểm lớn nhất là việc giảm thiểu khối lượng rác cần xử lý tập trung, khi rác được tách riêng từ đầu nguồn giúp nâng cao khả năng tái chế, tái sử dụng và xử lý phù hợp với từng nhóm chất thải. Đặc biệt với rác hữu cơ - vốn chiếm tỷ trọng lớn ở nông thôn - có thể được xử lý ngay tại chỗ bằng hình thức ủ sinh học, tạo ra phân compost phục vụ sản xuất nông nghiệp, vừa tiết kiệm chi phí vừa tăng độ màu mỡ cho đất.

Trong những năm gần đây, nhiều tỉnh, thành tích cực triển khai phân loại rác tại nguồn và đạt được kết quả đáng khích lệ. Hà Nội đã ban hành Kế hoạch số 55/KH-UBND năm 2021, triển khai thí điểm ở 6 quận, đẩy mạnh truyền thông, hạn chế nhựa dùng một lần và nâng cao trách nhiệm cộng đồng. Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu từ 1999, nhân rộng từ 2015 đến toàn thành phố và ban hành Quyết định 44/2018 cùng Quyết định 09/2021 để điều chỉnh quy trình, chia nhóm rác gọn hơn, phù hợp điều kiện thực tế. Đà Nẵng từ cuối 2018 thí điểm phân loại rác tái chế, cung cấp túi chuyên biệt và xây dựng văn hóa phân loại tại hộ gia đình. Không chỉ ở thành phố lớn, các địa phương như Bình Dương tích cực tuyên truyền từ 2017 qua tài liệu, áp phích và trao tặng sọt rác, túi đựng giúp người dân tự giác tham gia. Các tỉnh Thừa Thiên-Huế, Nghệ An, Nam Định, Hưng Yên đã phối hợp chặt chẽ với hội đoàn thể, hội phụ nữ, nông dân thực hiện tập huấn, thành lập tổ thu gom và đưa nội dung phân loại vào tiêu chí đánh giá cộng đồng, góp phần nâng cao ý thức và giảm rác thải tràn lan¹⁰

Mô hình thí điểm tại huyện Vĩnh Hưng, xã Thái Trị (tỉnh Long An) là minh chứng cụ thể cho ưu điểm này. Từ tháng 7/2024, địa phương đã triển khai chương trình phân loại CTRSH cho gần 3.400 hộ gia đình, trang bị 4.513 thùng rác, xe đẩy

¹⁰ Hà Thu (2024), Phân loại rác tại nguồn - Bài 3: Bài học từ các mô hình hiệu quả, cập nhật: 12/04/2024 18:27, cập nhật: moitruong.net.vn, <https://moitruong.net.vn/phan-loai-rac-tai-nguon-bai-3-bai-hoc-tu-cac-mo-hinh-hieu-qua-73862.html>

tay, xe tải và dây chuyền ủ phân compost. Kết quả rất đáng khích lệ: tỷ lệ tham gia đạt 60-70%, mỗi ngày thu gom riêng được từ 1,1-1,6 tấn rác hữu cơ, phần lớn được xử lý ngay tại chỗ, tạo ra sản phẩm phân hữu cơ sử dụng cho nông nghiệp tại hộ và nhà máy¹¹. Mô hình này không chỉ giảm áp lực lên khâu thu gom - xử lý tập trung, mà còn biến rác hữu cơ thành tài nguyên tại chỗ, mở ra hướng phát triển kinh tế tuần hoàn nông thôn.

Từ các mô hình thực tiễn nêu trên, có thể thấy phân loại CTRSH tại nguồn không chỉ phù hợp với điều kiện nông thôn mà còn giúp nâng cao hiệu quả quản lý rác, giảm chi phí xử lý, tăng giá trị kinh tế và thúc đẩy nhận thức môi trường bền vững. Quan trọng hơn, khi cộng đồng được trao quyền và hỗ trợ đúng cách, họ có thể trở thành lực lượng chính để vận hành và duy trì mô hình phân loại hiệu quả, lâu dài - điều mà bất kỳ hệ thống quản lý chất thải nào cũng hướng tới.

Việc phân loại CTRSH khi được xác định là nghĩa vụ pháp lý của chủ nguồn thải đã chuyển đổi từ một hành vi mang tính tự nguyện sang một yêu cầu bắt buộc trong khuôn khổ hệ thống pháp luật về BVMT. Điều này đồng nghĩa với việc khi chủ thể - bao gồm hộ gia đình và cá nhân - không thực hiện đúng quy định phân loại CTRSH, họ sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng. Cụ thể, theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP, hành vi không phân loại CTRSH theo quy định hoặc không sử dụng bao bì chứa chất thải đúng quy cách sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Chế tài này không chỉ mang tính răn đe mà còn khẳng định rõ tính cưỡng chế của pháp luật trong việc thực thi các chính sách môi trường. Tuy nhiên, hiệu quả thực thi các quy định xử phạt hành vi vi phạm này trong thực tiễn phụ thuộc lớn vào năng lực giám sát, phát hiện vi phạm của chính quyền địa phương, cũng như mức độ nhận thức và đồng thuận của cộng đồng dân cư.

¹¹ Lê Thị Cẩm Hồng (2024), Hiệu quả bước đầu từ thí điểm phân loại rác tại nguồn ở khu vực nông thôn, cập nhật: 06/12/2024, website: stnmt.longan.gov.vn, <https://stnmt.longan.gov.vn/environment-75661/hieu-qua-buoc-dau-tu-thi-diem-phan-loai-rac-tai-nguon-o-khu-vuc-nong-thon-970983>

Hệ thống quy định trên có ý nghĩa rất lớn trong việc chuyển hóa hành vi, hình thành văn hóa phân loại rác trong cộng đồng dân cư nông thôn - nơi vốn dĩ việc phân loại vẫn còn xa lạ. Đồng thời, nó tạo cơ sở để các địa phương xây dựng mô hình thu gom - xử lý linh hoạt, hiệu quả và tiết kiệm chi phí xử lý cuối cùng. Tóm lại, cơ sở pháp lý hiện nay không chỉ đặt ra nghĩa vụ phân loại CTRSH ở nông thôn mà còn tạo hành lang pháp lý rõ ràng, chế tài đủ mạnh và hướng dẫn cụ thể, thể hiện quyết tâm cao của Nhà nước trong thúc đẩy quản lý chất thải theo hướng hiện đại, bền vững.

Tuy nhiên, kết quả thống kê năm 2023 cho thấy hiện có 77,69% lượng CTRSH nông thôn được xử lý, khoảng 22% lượng CTRSH còn lại bị xả thải trực tiếp ra môi trường. Trong số lượng CTRSH được xử lý, khoảng 60% được xử lý bằng phương pháp chôn lấp. Phần lớn bãi chôn lấp tiếp nhận CTRSH chưa được phân loại tại nguồn, có thành phần hữu cơ cao nên tính ổn định thấp, chiếm dụng diện tích đất lớn, gây ô nhiễm môi trường do mùi hôi, khí thải, nước rỉ rác, một số trường hợp gây ra sự cố phải xử lý phức tạp và tốn kém¹².

Tại nhiều địa phương của Tuyên Quang, Bắc Ninh, Nghệ An, Vĩnh Phúc và Sóc Trăng,... lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng trăm tấn mỗi ngày nhưng tỷ lệ thu gom chỉ đạt 20-70%. Rác không được phân loại tại nguồn, bị vứt bừa bãi ra kênh rạch, đường làng, hoặc chôn lấp không hợp vệ sinh, gây ô nhiễm không khí, đất và nguồn nước. Trong khi đó, nhiều bãi chôn lấp tiếp nhận rác hữu cơ chưa phân loại, chiếm diện tích lớn, phát sinh nước rỉ rác và khí độc¹³.

Như vậy, thực trạng phân loại CTRSH ở nông thôn còn nhiều bất cập và chính điều đó góp phần làm cho môi trường nông thôn nhiều nơi đang bị ô nhiễm.

¹² Bộ Tài Nguyên và Môi trường (2023), Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2023, tr.25

¹³ Thu Hải (2022), Rác thải sinh hoạt nông thôn - Bài 1: Chỗ nào cũng quá tải, Tạp chí điện tử Môi trường và Cuộc sống, cập nhật: 02/11/2022 16:00, <https://moitruong.net.vn/rac-thai-sinh-hoat-nong-thon-bai-1-cho-nao-cung-quai-56251.html>

Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng phân loại CTRSH ở nông thôn chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng là do:

Thứ nhất, quy định có nhưng thực hiện thiếu đồng bộ. Pháp luật đã yêu cầu phân loại CTRSH tại nguồn, nhưng phần lớn địa phương nông thôn chưa có hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý tương thích. Người dân có phân loại thì rác vẫn bị thu gom chung, làm giảm niềm tin và động lực thực hiện.

Thứ hai, ý thức cộng đồng và thói quen sinh hoạt còn hạn chế. Nhiều nơi, người dân chưa coi trọng việc phân loại. Thói quen vứt rác lẫn lộn, đốt rác tùy tiện vẫn phổ biến, gây cản trở nghiêm trọng cho chương trình phân loại rác tại nguồn.

Thứ ba, chính sách chưa tạo được động lực. Mô hình phân loại thành công còn rất ít, chưa được nhân rộng. Chính sách bao tiêu sản phẩm đầu ra chưa rõ ràng, đặc biệt với rác hữu cơ. Chế tài xử phạt tuy có, nhưng chưa đủ sức răn đe.

Thứ tư, cơ chế giám sát, kiểm tra còn lỏng lẻo. Việc giám sát thực hiện phân loại CTRSH tại nông thôn gần như bị bỏ ngỏ. Thiếu lực lượng kiểm tra, thiếu phối hợp liên ngành, không có hệ thống theo dõi thường xuyên. Điều này khiến các quy định về xử lý vi phạm khó đi vào thực tiễn.

Thứ năm, triển khai thiếu thống nhất và hướng dẫn khó tiếp cận. Pháp luật phân quyền cho cấp huyện, xã tuy linh hoạt, nhưng lại dẫn đến mỗi nơi một cách làm, thiếu liên kết, không hình thành được mạng lưới quản lý rác hiệu quả theo vùng. Trong khi đó, tài liệu kỹ thuật thì phức tạp, tài liệu truyền thông đơn giản lại chưa được phổ biến rộng.

2.3. Các quy định về tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn và thực tiễn thực hiện

Tái sử dụng và tái chế CTRSH là giai đoạn tiếp nối trong chu trình quản lý chất thải, sau khi chất thải đã được phân loại tại nguồn và thu gom đúng quy định. Luật BVMT 2020 nhấn mạnh yêu cầu này như một phần trong chiến lược thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 75 của Luật, người dân

nông thôn được khuyến khích tận dụng chất thải thực phẩm làm phân bón hoặc thức ăn chăn nuôi; chuyển giao các loại rác tái chế (nhựa, giấy, kim loại...) cho đơn vị có chức năng tái chế. Đồng thời, các cơ sở thu gom, vận chuyển có quyền từ chối nếu chất thải chưa được phân loại đúng cách - tạo sức ép ngược để thúc đẩy hoạt động tái sử dụng, tái chế hiệu quả hơn.

Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT hướng dẫn thêm về kỹ thuật thu gom rác phân loại và quy trình tổ chức vận chuyển sao cho không làm lẫn lộn các dòng rác đã được phân loại - điều kiện quan trọng để đảm bảo chất lượng đầu vào cho tái chế. Các địa phương cũng được giao nhiệm vụ xây dựng mạng lưới điểm thu gom rác tái chế, khuyến khích mô hình đổi rác lấy quà, tổ chức hợp tác xã thu mua rác tái sử dụng hoặc tái chế.

Quy định pháp luật hiện hành về tái sử dụng, tái chế CTRSH ở nông thôn chủ yếu mang tính khuyến khích, chưa có tính bắt buộc cao, nên việc triển khai trên thực tế phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ của Nhà nước và chính quyền địa phương. Trên thực tế, ở nhiều địa phương các mô hình về tái chế, tái sử dụng CTRSH ngày càng được nghiên cứu, ứng dụng và nhân rộng. Ví dụ:

(1) Mô hình ủ phân hữu cơ tại Lào Cai: Tại thôn Sáo Mỹ Tỷ (xã Tả Van, Sa Pa, Lào Cai), người dân sử dụng hố ủ phân hữu cơ biến rác hữu cơ và phân chuồng thành phân ủ đạt 1,5 tấn/m² sau khoảng 2 tháng. Mô hình do Vườn Quốc gia Hoàng Liên hướng dẫn, giúp giảm phát thải rác hữu cơ, cải thiện chất đất trồng và được nhân rộng trong cộng đồng¹⁴.

(2) Mô hình phân loại & ủ phân tại Đồng Tháp: Ở xã An Nhơn (huyện Châu Thành, Đồng Tháp), Hội Nông dân tổ chức tập huấn cho nông dân áp dụng men vi sinh (IMO) để phân hủy phế phẩm như lục bình, rơm rạ, thức ăn thừa thành

¹⁴ Lê Nam (2013), BVMT từ mô hình ủ phân hữu cơ, Báo Lào Cai, cập nhật: 21/10/2023 15:25, https://baolaocai.vn/bao-ve-moi-truong-tu-mo-hinh-u-phan-huu-co-post375015.html?utm_source=chatgpt.com

phân hữu cơ. Hơn 420 hội viên đã tham gia, thu gom được hơn 40 tấn rác thải gia đình và ủ thành phân bón hiệu quả cho cây trồng, giúp giảm 70% phân vô cơ¹⁵.

(3) Phong trào tái sử dụng chất thải nhựa: Chai nhựa có thể được dùng để đựng nước, trồng cây, làm đồ trang trí; lọ nhựa nhỏ có thể tận dụng để chứa các vật dụng nhỏ trong gia đình; Các túi nilon sạch có thể tái sử dụng để đựng đồ, lót thùng rác hoặc thậm chí đan, móc thành các sản phẩm thủ công đơn giản, tiện ích; Vỏ hộp nhựa, ống nhựa... có thể được biến tấu thành đồ chơi cho trẻ em, vật dụng trang trí sân vườn¹⁶.

(4) Phong trào “Ngôi nhà tái chế” được Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xây dựng để thu gom rác thải nhựa không chỉ mang ý nghĩa BVMT mà còn là hình thức gây quỹ giúp đỡ hội viên phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn¹⁷.

Thực tiễn nêu trên cho thấy có sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành vi của chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và người dân tại nhiều địa phương về tái chế, tái sử dụng CTRSH nông thôn. Chính các quy định về tái chế, tái sử dụng CTRSH ở nông thôn đã góp phần rất lớn hình thành thói quen phân loại và tận dụng rác hữu cơ trong cộng đồng. Nhiều mô hình ủ phân, tái chế nhựa, đổi rác lấy quà được triển khai hiệu quả ở cơ sở. Pháp luật đã bước đầu định hướng được trách nhiệm hộ gia đình trong việc tái sử dụng, tái chế.

Bên cạnh những thành tựu kể trên, quy định về tái chế, tái sử dụng CTRSH ở nông thôn và thực tiễn thực hiện vẫn còn nhiều bất cập. Cụ thể:

¹⁵ Mạnh Cường (2024), Tái chế rác thải nông nghiệp, BVMT nông thôn, Tạp chí điện tử Thiên nhiên và Môi trường, cập nhật: 30/05/2024 08:05, https://thiennhienmoitruong.vn/tai-che-rac-thai-nong-nghiep-bao-ve-moi-truong-nong-thon.html?utm_source=chatgpt.com

¹⁶ Phi Long (2025), Tiết giảm, tái sử dụng, tái chế: Bộ giải pháp "3T" cho rác thải nhựa nông thôn, website: danviet.vn, cập nhật: 29/04/2025 14:09, https://danviet.vn/tiet-giam-tai-su-dung-tai-che-bo-giai-phap-3t-cho-rac-thai-nhua-nong-thon-d1328181.html?utm_source=chatgpt.com

¹⁷ Ngọc Thư (2024), Phụ nữ phong phú với mô hình “Ngôi nhà tái chế”, website: mttq.travinh.gov.vn, cập nhật: 07/06/2024, https://mttq.travinh.gov.vn/mo-hinh-totviiec-lam-hay/phu-nu-phong-phu-voi-mo-hinh-ngoi-nha-tai-che-715227?utm_source=chatgpt.com

Thứ nhất, tính chất quy định còn mang tính khuyến khích, thiếu ràng buộc: Các quy định trong Luật BVMT 2020 và các văn bản dưới luật chủ yếu dừng lại ở mức khuyến khích tái sử dụng, tái chế CTRSH mà chưa đặt ra yêu cầu mang tính bắt buộc hoặc tiêu chí đánh giá cụ thể. Điều này dẫn đến tình trạng việc thực hiện trong thực tiễn phụ thuộc phần lớn vào nhận thức và thiện chí của người dân và chính quyền địa phương.

Thứ hai, thiếu chính sách hỗ trợ cụ thể để thúc đẩy tái chế ở nông thôn: Mặc dù luật pháp có định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn, song chưa có chính sách ưu đãi tài chính, kỹ thuật hay hỗ trợ đầu ra đối với các sản phẩm sau tái chế ở nông thôn. Việc tái chế ở quy mô hộ gia đình hoặc hợp tác xã gặp khó khăn do chi phí cao, thiếu thiết bị và không có thị trường tiêu thụ ổn định.

Thứ ba, chưa có quy định chi tiết về hệ thống thu gom rác phân loại phục vụ tái chế: Trong khi Luật yêu cầu phân loại và khuyến khích tái chế thì hệ thống thu gom, vận chuyển lại chưa được thiết kế phù hợp để giữ nguyên dòng rác tái chế. Pháp luật chưa quy định rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương hoặc đơn vị thu gom trong việc thiết lập tuyến thu gom riêng biệt cho rác tái chế ở nông thôn.

Thứ tư, thiếu tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật cho mô hình tái chế nhỏ lẻ: Nhiều mô hình tái chế, ủ phân quy mô hộ gia đình hoặc tổ hợp tác đang triển khai ở nông thôn không có hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh môi trường, khiến hiệu quả và tính bền vững chưa cao.

2.4. Các quy định về thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn và thực tiễn thực hiện

Sau quá trình phân loại tại nguồn, CTRSH được thu gom, vận chuyển đúng quy trình để đảm bảo hiệu quả trong khâu xử lý. Pháp luật hiện hành đã có những quy định cụ thể về trách nhiệm, phương thức và quy chuẩn kỹ thuật trong công tác thu gom, vận chuyển CTRSH ở khu vực nông thôn. Nội dung cụ thể chủ yếu tập

trung trong Luật BVMT 2020, Nghị định 45/2022/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT như sau:

- Phân loại và chuyển giao CTRSH từ hộ gia đình: Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn có trách nhiệm phân loại CTRSH tại nguồn thành: tái chế, thực phẩm, chất thải còn lại (Khoản 1 Điều 75, Luật BVMT 2020). Pháp luật khuyến khích người dân tận dụng chất thải thực phẩm (như rau, vỏ trái cây, cơm thừa...) để ủ làm phân hữu cơ hoặc làm thức ăn cho vật nuôi nhằm giảm khối lượng rác thải phải xử lý. Đối với những loại rác có khả năng tái sử dụng hoặc tái chế (như giấy, chai nhựa, kim loại...), người dân cần chuyển giao cho tổ chức, cá nhân chuyên thu gom, tái chế hoặc đơn vị có chức năng xử lý. Nếu chất thải thực phẩm không được tận dụng theo hướng dẫn ở trên thì phải được giao lại cho đơn vị thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt theo quy định. Các loại rác khác như vỏ hộp, đồ dùng hư hỏng, vật liệu xây dựng nhỏ lẻ... phải được đựng đúng cách trong bao bì đạt chuẩn, sau đó chuyển giao cho đơn vị thu gom có chức năng theo quy định (Khoản 4 Điều 75, Luật BVMT 2020).

Cơ sở thu gom, vận chuyển CTRSH có quyền từ chối thu gom, vận chuyển CTRSH của hộ gia đình, cá nhân không phân loại, không sử dụng bao bì đúng quy định và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật (Khoản 2 Điều 77, Luật BVMT 2020).

- Trách nhiệm tổ chức thu gom, vận chuyển CTRSH thuộc về UBND cấp huyện. Nội dung cụ thể được quy định tại Điều 77 LBVMT 2020 và được hướng dẫn chi tiết tại Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT. Theo đó, UBND các cấp có trách nhiệm cụ thể như sau:

+ Ủy ban nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, xã): Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH thông qua hình thức đấu thầu theo quy định pháp luật về đấu thầu. Trường hợp không thể đấu thầu, UBND có thể đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định pháp luật hiện hành.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Quy định tuyến đường và thời gian vận chuyển CTRSH trên địa bàn tỉnh, làm căn cứ để các đơn vị thu gom thực hiện đúng kế hoạch và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về BVMT.

- Ủy ban nhân dân cấp xã (có ba nhóm nhiệm vụ chính):

(1) Kiểm tra - xử lý vi phạm: Kiểm tra việc thu gom, vận chuyển CTRSH tại địa bàn; Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT liên quan đến CTRSH; Giải quyết các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, hộ dân, cộng đồng liên quan đến thu gom, vận chuyển rác.

(2) Phối hợp tổ chức thu gom: Chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư để xác định thời gian, địa điểm, tần suất, tuyến thu gom CTRSH; Đảm bảo thông tin được công khai rộng rãi cho người dân.

(3) Hướng dẫn người dân và giám sát cộng đồng: Hướng dẫn hộ dân chuyển giao CTRSH đúng quy định hoặc mang đến đúng điểm tập kết; Hướng dẫn cộng đồng tham gia giám sát và công khai các trường hợp không thực hiện đúng quy định về phân loại, thu gom rác sinh hoạt.

- Yêu cầu kỹ thuật đối với phương tiện vận chuyển CTRSH được quy định tại Điều 27 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT như sau:

+ Đối với xe cơ giới (xe chở rác): Phải là xe chuyên dụng đảm bảo không rò rỉ nước rỉ rác, không làm rơi vãi chất thải, không phát tán mùi trong quá trình vận chuyển; có trang bị thiết bị lưu giữ nước rỉ rác; trước và sau khi vận hành từ trạm trung chuyển hoặc cơ sở xử lý, xe phải được vệ sinh và phun khử mùi

+ Đối với xe thu gom rác từ hộ gia đình đến điểm tập kết: Phương tiện cần đảm bảo không làm rơi vãi, không rò rỉ nước, và đảm bảo chất thải phân loại được thu gom riêng đúng loại.

- Chế tài xử phạt hành vi vi phạm hành chính:

+ Đối với hộ gia đình, cá nhân là chủ nguồn CTRSH nếu không đựng đúng bao bì thì bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng (Khoản 1 Điều 26, Nghị định 45/2022/NĐ-CP).

+ Đối với đơn vị thu gom, vận chuyển: Áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định 45/2022/NĐ-CP. Theo quy định tại Điều 26, Khoản 5 Nghị định 45/2022/NĐ-CP, các đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH có thể bị xử phạt vi phạm hành chính đối với nhiều hành vi khác nhau, với mức xử phạt dao động từ 5.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng¹⁸, tùy theo tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm. Cụ thể:

(1) Hành vi vi phạm điều kiện hoạt động như: thiếu nhân lực, thiết bị chuyên dụng; không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của phương tiện vận chuyển; sử dụng phương tiện gây rò rỉ, phát tán mùi hoặc không vệ sinh đúng quy định... có thể bị xử phạt từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng (theo điểm c, d, đ).

(2) Hành vi tổ chức không đúng quy trình như: vận chuyển sai tuyến, sai thời gian; không phối hợp với chính quyền địa phương, không công bố kế hoạch thu gom; hoặc không báo cáo các thông tin môi trường theo quy định... bị xử phạt từ 10 đến 20.000.000 đồng (điểm b).

(3) Một số hành vi khác như: không đào tạo nhân sự, không ký hợp đồng dịch vụ, không thông báo từ chối thu gom rác vi phạm... cũng bị xử phạt từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng (điểm a).

(4) Các vi phạm liên quan đến xử lý, chôn lấp và hậu kiểm môi trường tại bãi rác có mức xử phạt cao nhất, từ 50.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng (điểm e, g), mặc dù nội dung này không trực tiếp áp dụng cho tất cả đơn vị thu gom.

Hệ thống chế tài nêu trên thể hiện rõ tính phân tầng và răn đe, góp phần tạo áp lực tuân thủ pháp luật trong quá trình thu gom, vận chuyển CTRSH - đặc biệt trong bối cảnh địa phương nông thôn còn nhiều khó khăn về hạ tầng và giám sát thực thi.

¹⁸ Chúng ta cần lưu ý rằng: Mức phạt tiền này áp dụng đối với cá nhân, đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân (khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP)

Như vậy, các quy định pháp luật hiện hành về thu gom, vận chuyển CTRSH ở nông thôn thể hiện nhiều ưu điểm quan trọng, tạo nền tảng pháp lý rõ ràng cho việc tổ chức thực hiện. Trước hết, hệ thống văn bản đã phân định cụ thể trách nhiệm giữa các chủ thể liên quan, từ hộ gia đình đến chính quyền địa phương và đơn vị thu gom, qua đó đảm bảo tính minh bạch, nhất quán. Đồng thời, các quy định khuyến khích việc phân loại, tái sử dụng, tận dụng chất thải hữu cơ giúp giảm gánh nặng cho khâu thu gom và góp phần BVMT. Về mặt kỹ thuật, yêu cầu đối với phương tiện và quy trình vận chuyển được quy định chi tiết, góp phần kiểm soát phát tán mùi, nước rỉ rác và các nguy cơ ô nhiễm trong quá trình thực hiện. Cùng với đó, chế tài xử phạt hành vi vi phạm được xây dựng theo cấp độ từ nhẹ đến nghiêm trọng, mang tính răn đe rõ ràng. Đặc biệt, quy định về công khai lịch trình, tuyển thu gom góp phần tăng cường sự phối hợp giữa người dân và đơn vị thực hiện, hướng tới một mô hình quản lý chất thải hiệu quả, bền vững tại khu vực nông thôn.

Thực tiễn thu gom CTRSH ở khu vực nông thôn hiện nay đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Theo số liệu thống kê năm 2023, cả nước phát sinh khoảng 29.734 tấn CTRSH mỗi ngày, trong đó đã có tới 23.289 tấn được thu gom, đạt tỉ lệ 78%. Đây là dấu hiệu tích cực, thể hiện nỗ lực lớn từ phía chính quyền các cấp và cộng đồng dân cư trong việc nâng cao hiệu quả quản lý chất thải. Đáng chú ý, vùng Đồng bằng sông Hồng là khu vực có tỉ lệ thu gom cao nhất, đạt tới 92%, nhờ hạ tầng phát triển và sự phối hợp tốt giữa các tổ chức thu gom và người dân. Ngược lại, Tây Nguyên hiện là khu vực có tỉ lệ thu gom thấp nhất, chỉ đạt 48%, do điều kiện địa hình phức tạp, mật độ dân cư phân tán và hạ tầng thu gom còn nhiều hạn chế (Xem Bảng 2.2)

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng phần CTRSH chưa được thu gom hoàn toàn không đồng nghĩa với việc bị xả thải tự do ra môi trường. Trên thực tế, một tỉ lệ không nhỏ trong số đó đã được người dân tái sử dụng tại chỗ dưới nhiều hình thức: như

phân loại rác hữu cơ để ủ làm phân bón, tận dụng rác thải có thể đốt được làm chất đốt trong sinh hoạt, hoặc sử dụng phế liệu để tái chế thủ công. Đây là đặc điểm phổ biến trong sinh hoạt của người dân nông thôn Việt Nam - vừa tiết kiệm, vừa thân thiện với môi trường. Chính vì vậy, khi đánh giá hiệu quả thu gom CTRSH, cần có cái nhìn toàn diện, kết hợp giữa số liệu thu gom chính thức với thực tiễn tái sử dụng, nhằm phản ánh đúng bản chất của mô hình quản lý chất thải ở khu vực nông thôn hiện nay.

Bảng 2.2. Lượng chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom năm 2023¹⁹

TT	VÙNG	KHỐI LƯỢNG PHÁT SINH (Tấn/ngày)	KHỐI LƯỢNG THU GOM (Tấn/ngày)	TỈ LỆ THU GOM (%)
I	Đồng bằng sông Hồng	8.712,0	7.995,0	92
II	Trung du và miền núi phía Bắc	3.553,8	2.408,0	68
III	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	7.137,5	5.604,5	79
IV	Tây Nguyên	1.933,0	933,5	48
V	Đông Nam Bộ	2.262,0	2.067,0	91
VI	Đồng bằng Sông Cửu Long	6.134,7	4.281,0	70
Cả nước		29.734	23.289	78

Bên cạnh những thành tựu nhất định về mặt pháp lý và tổ chức, quá trình thu gom, vận chuyển CTRSH ở khu vực nông thôn hiện vẫn tồn tại nhiều bất cập đáng lưu ý. Nhiều địa phương chưa xây dựng được hệ thống thu gom đồng bộ, thiếu phương tiện chuyên dụng và điểm tập kết tạm thời đạt chuẩn, dẫn đến tình trạng rác thải bị ứ đọng hoặc đổ thải tự phát. Việc phân loại tại nguồn dù được quy định rõ nhưng chưa được thực thi nghiêm túc, khiến công đoạn thu gom gặp khó khăn trong phân luồng, xử lý. Bên cạnh đó, công tác phối hợp giữa chính quyền cấp xã với đơn vị thu gom còn lỏng lẻo, thiếu kiểm tra, giám sát thường xuyên. Hạ tầng phục vụ thu gom tại nhiều vùng nông thôn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa còn yếu kém, trong khi lực lượng thu gom không ổn định, thu nhập thấp, điều kiện lao động thiếu an toàn. Những yếu tố này khiến hiệu quả quản lý chất thải sinh hoạt

¹⁹ Bộ Tài Nguyên và Môi trường (2023), Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2023, tr.24

tại nông thôn còn thấp, kéo theo nguy cơ ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng tới chất lượng sống của người dân. Một số ví dụ điển hình như sau:

Ví dụ 1: xã Thanh Chấn (thuộc tỉnh Điện Biên) tuy đã bố trí 7 điểm thu gom và thu gom mỗi ngày hai lần, nhưng do một số điểm bị san lấp phục vụ thi công, đơn vị thu gom tạm dừng hoạt động. Người dân buộc phải vứt rác ra lòng đường, gây mất mỹ quan và tiềm ẩn ô nhiễm môi trường. Theo thống kê của huyện Điện Biên, tổng khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 52,4 tấn/ngày. Huyện đã bố trí hơn 80 điểm thu gom tại những nơi tập trung đông dân cư và thuận tiện cho việc thu gom để vận chuyển, xử lý 20,67 tấn rác thải sinh hoạt/ngày trên địa bàn 19/21 xã khu vực lòng chảo và một số xã vùng ngoài²⁰.

Ví dụ 2: Tỉnh Sóc Trăng

Trong những năm gần đây, tình trạng gia tăng chất thải rắn thải sinh hoạt (CTRSH) đang gây ra những tác hại nghiêm trọng đối với môi trường tỉnh Sóc Trăng. Thêm vào đó, việc sử dụng túi ni lông, đồ dùng nhựa một lần đã trở nên phổ biến trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của người dân nơi đây. Theo Báo cáo của Sở TN&MT tỉnh Sóc Trăng, tổng khối lượng CTRSH phát sinh trên toàn tỉnh hiện khoảng 916,5 tấn/ngày; trong đó, CTRSH phát sinh tại khu vực đô thị, khu dân cư tập trung là 312 tấn/ngày, tại khu vực nông thôn khoảng 604,5 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom CTRSH tại khu vực đô thị đạt trên 80%, tại khu vực nông thôn trên 50%²¹.

²⁰ Thu Hằng (2025), Khó thu gom, xử lý rác thải nông thôn, Báo Điện Biên Phủ, cập nhật: 10:57 13/05/2025, https://baodienbienphu.vn/bai-thuong/xa-hoi/kho-thu-gom-xu-ly-rac-thai-nong-thon?utm_source=chatgpt.com

²¹ Vũ Văn Doanh - Châu Loan (2021), Sóc Trăng: Tháo gỡ khó khăn trong công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, Tạp chí Môi trường, cập nhật: 26/03/2021, https://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/soc-trang-thao-go-kho-khan-trong-cong-tac-thu-gom-xu-ly-rac-thai-sinh-hoat-23125?utm_source=chatgpt.com

Khoảng 16.576 tấn rác đã tồn đọng tại bãi rác huyện Mỹ Xuyên (Sóc Trăng) tính đến tháng 8/2023, tạo áp lực lớn và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân²².

Ví dụ 3: Xã Cao Đức, nông thôn Bắc Ninh

Theo báo cáo, dù Bắc Ninh đã đầu tư lắp đặt 550 điểm tập kết CTRSH và 836 tổ đội vệ sinh ở nông thôn, nhưng vẫn còn xảy ra tình trạng (ở một số điểm): (1) CTRSH phân loại tại nguồn nhưng bị thu gom chung bằng cùng một phương tiện, làm mất hiệu quả phân loại; Các tổ, đội tự quản tại địa phương vận chuyển đến điểm tập kết, nhưng sau đó rác được gom chung, làm lãng phí công sức phân loại của người dân²³.

Từ những ví dụ trên cho thấy, tình trạng thu gom, vận chuyển CTRSH nông thôn không ổn định do điều kiện hạ tầng và tiến độ thi công. Tỷ lệ thu gom CTRSH nông thôn thấp (so với đô thị), phần lớn CTRSH nông thôn chưa được xử lý đúng quy trình. Tình trạng ô nhiễm địa điểm lưu trữ do rác tồn đọng, gây ảnh hưởng đến môi trường và đời sống người dân.

2.5. Các quy định về xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn và thực tiễn thực hiện

Xử lý CTRSH là công đoạn cuối cùng nhưng đóng vai trò quyết định trong việc BVMT nông thôn một cách bền vững. Sau quá trình phân loại, thu gom và vận chuyển, chất thải cần được xử lý đúng quy chuẩn để hạn chế ô nhiễm thứ cấp và giảm thiểu tác động tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng. Hệ thống pháp luật hiện hành đã quy định tương đối đầy đủ về hoạt động xử lý CTRSH, từ nguyên tắc, quy chuẩn kỹ thuật đến tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện nông thôn.

²² Tuấn Phi (2023), Sóc Trăng tập trung khắc phục ô nhiễm môi trường, Báo ảnh Dân tộc và Miền núi, cập nhật: 16/08/2023 09:18, https://dantocmiennui.baotintuc.vn/soc-trang-tap-trung-khac-phuc-o-nhiem-moi-truong-post340888.html?utm_source=chatgpt.com

²³ Thu Vân (2020), Thực trạng công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Tạp chí Công nghiệp Môi trường, cập nhật: 24/01/2020 14:00, https://congnghiepmoitruong.vn/thuc-trang-cong-tac-thu-gom-van-chuyen-xu-ly-chat-thai-ran-sinh-hoat-tren-dia-ban-tinh-bac-ninh-5362.html?utm_source=chatgpt.com

Thứ nhất, về yêu cầu chung trong xử lý CTRSH nông thôn: Điều 58 LBVMT 2020 đặt ra yêu cầu về xử lý CTRSH (cùng với các loại chất thải khác) ở nông thôn như sau: “Chất thải phát sinh trên địa bàn nông thôn phải được quản lý theo quy định của pháp luật; chất thải sinh hoạt hữu cơ, chất thải từ chăn nuôi, chế biến và phụ phẩm nông nghiệp phải được thu hồi, tái sử dụng hoặc làm nguyên liệu sản xuất” (điểm d khoản 1 Điều 58).

Thứ hai, khoản 2 Điều 58 quy định trách nhiệm quản lý trực tiếp vấn đề xử lý CTRSH ở nông thôn chủ yếu được trao cho UBND cấp xã và UBND cấp huyện, với vai trò và nhiệm vụ được xác lập rõ ràng trong Luật BVMT 2020:

- UBND cấp xã là đơn vị gần dân, có trách nhiệm thống kê, quản lý các nguồn phát sinh CTRSH trên địa bàn; tổ chức hoạt động thu gom, giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn; đồng thời hướng dẫn, giám sát việc thực hiện phân loại, xử lý rác tại nguồn theo quy định.

- UBND cấp huyện đảm nhiệm vai trò quản lý quy mô lớn hơn, bao gồm: chỉ đạo, tổ chức thu gom và xử lý CTRSH toàn huyện; đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật như hệ thống thoát nước, bãi xử lý rác; theo dõi, đánh giá chất lượng môi trường và xử lý các điểm ô nhiễm môi trường tại khu vực nông thôn.

Thứ ba, về trách nhiệm của cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH (khoản 5 Điều 58 Nghị định 08/2022/NĐ-CP):

- Ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH với hộ gia đình, tổ chức hoặc cơ sở có phát sinh CTRSH;

- Thu gom, vận chuyển CTRSH đến điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển hoặc cơ sở xử lý CTRSH bằng phương tiện, thiết bị bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về BVMT theo quy định;

- Thanh toán chi phí vận chuyển và xử lý CTRSH theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ phần CTRSH đã được phân loại, tái sử dụng hoặc tái chế đúng quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật BVMT.”

Quy định này thể hiện rõ vai trò trung gian và trách nhiệm tài chính của đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH. Họ không chỉ là người trực tiếp thu gom rác mà còn có nghĩa vụ quản lý dòng chất thải từ đầu nguồn đến cơ sở xử lý cuối cùng. Việc buộc cơ sở thu gom phải ký hợp đồng với hộ dân, dùng phương tiện đạt chuẩn kỹ thuật, và trả chi phí xử lý giúp tạo ra một chu trình vận hành khép kín, chuyên nghiệp và minh bạch. Đồng thời, việc trừ phần chất thải đã được tái sử dụng hoặc tái chế phản ánh đúng nguyên tắc “người gây ô nhiễm trả tiền” và khuyến khích phân loại tại nguồn.

Thứ tư, yêu cầu kỹ thuật trong xử lý CTRSH nói chung, CTRSH ở nông thôn nói riêng được quy định tập trung trong Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 35/2024/TT-BTNMT. Các quy định tại hai văn bản này hướng dẫn chi tiết về điều kiện thiết kế điểm tập kết, trạm trung chuyển, bãi chôn lấp hợp vệ sinh cũng như tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý phù hợp. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng giúp bảo đảm công tác xử lý chất thải đạt hiệu quả và không gây ô nhiễm thứ cấp tại khu vực nông thôn.

Bảng 2.3. Một số yêu cầu kỹ thuật trong xử lý chất thải rắn sinh hoạt

TT	Văn bản	Điều/Khoản	Nội dung chính
1	Thông tư 02/2022/TT-BTNMT	Điều 26	Yêu cầu kỹ thuật về BVMT đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt
		Điều 28	Tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt
		Điều 4	Yêu cầu về BVMT trong thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH
2	Thông tư 35/2024/TT-BTNMT	Điều 16	Quy trình kỹ thuật vận hành cơ sở chôn lấp CTRSH hợp vệ sinh
		Điều 17	Quy trình kỹ thuật vận hành cơ sở đốt CTRSH thu hồi năng lượng để phát điện

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Thứ năm, đơn vị, tổ chức, cơ sở xử lý CTRSH nếu vi phạm nghĩa vụ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP. Theo đó, chủ thể này thường có hành vi vi phạm chủ yếu như sau và mức phạt tiền tương ứng là:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không ký hợp đồng dịch vụ xử lý đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở có phát sinh CTRSH;

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo tới cơ quan chuyên môn về BVMT cấp tỉnh trên địa bàn về thời gian đóng bãi chôn lấp CTRSH để giám sát theo quy định; không báo cáo cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường về hiện trạng của bãi chôn lấp CTRSH trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày đóng bãi chôn lấp CTRSH theo quy định;

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không có các biển báo, chỉ dẫn an toàn trong bãi chôn lấp sau khi đóng bãi chôn lấp CTRSH; không lập hồ sơ và bàn giao mặt bằng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi kết thúc hoạt động xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường bãi chôn lấp CTRSH theo quy định; không thành lập lại bản đồ địa hình của khu vực bãi chôn lấp CTRSH theo quy định;

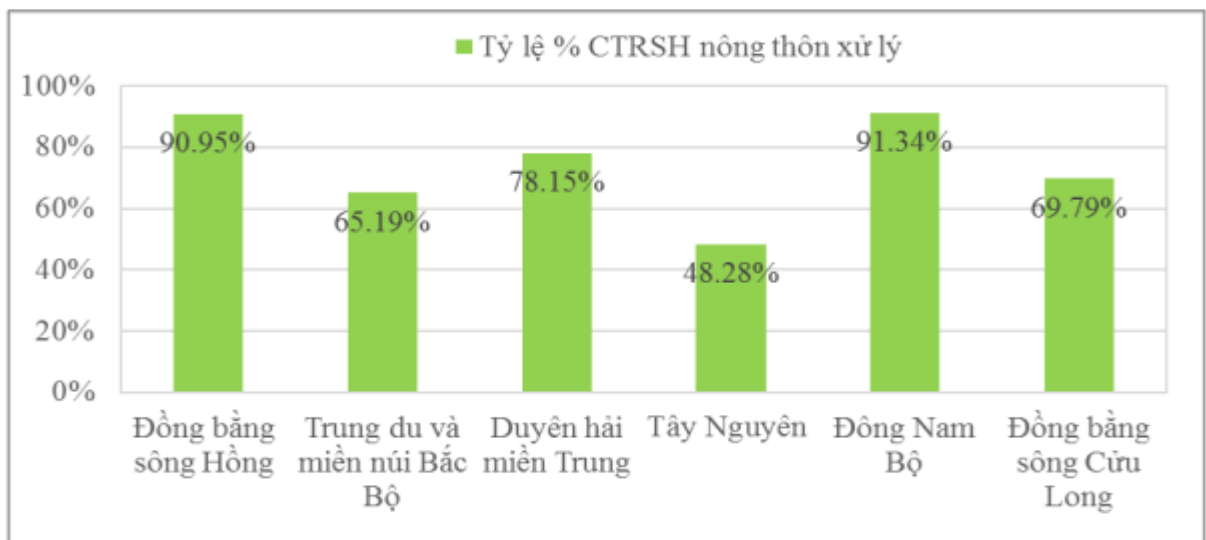
- Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không tiến hành cải tạo cảnh quan, không có biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường ngay sau khi đóng bãi chôn lấp CTRSH; không tổ chức quan trắc, theo dõi diễn biến môi trường tại bãi chôn lấp CTRSH kể từ ngày kết thúc việc đóng bãi chôn lấp và báo cáo cơ quan chuyên môn về BVMT cấp tỉnh theo quy định.

***Lưu ý:** *Mức phạt tiền này áp dụng đối với cá nhân, đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân (khoản 2 Điều 6 Nghị định 45/2022/NĐ-CP)*

Trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành, nhiều địa phương đã triển khai công tác xử lý CTRSH ở nông thôn một cách bài bản và hiệu quả. Một số nơi đã xây dựng được các điểm tập kết, trạm trung chuyển và bãi chôn lấp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Nhiều mô hình xử lý như ủ phân hữu cơ, đốt rác quy mô nhỏ hoặc hợp tác xã thu gom - xử lý được triển khai phù hợp với điều kiện địa phương. Những kết quả này cho thấy vai trò định hướng tích cực của pháp luật trong cải thiện công tác xử lý chất thải tại khu vực nông thôn.

Theo thống kê sơ bộ, tỷ lệ thu gom CTRSH nông thôn trung bình toàn quốc năm 2023 đạt khoảng 77,69% và có sự chênh lệch lớn giữa các địa phương và các vùng miền. Một số địa phương có tỷ lệ thu gom CTRSH nông thôn cao như Thành phố Hồ Chí Minh (98,5%), Hà Nam, Hải Phòng, Bình Dương (98,0%), Bắc Ninh (96,0%), Hà Nội (95,0%), Thái Bình (92,0%), Cà Mau (91,5%) và Hậu Giang (90%); trong khi đó, một số tỉnh có tỷ lệ thu gom thấp như Điện Biên (22,0%), Cao Bằng (29,2%), Gia Lai (29,1%) và Đắk Lắk (24,2%). Nếu xét theo vùng, Đông Nam Bộ có tỷ lệ xử lý cao nhất (91,34%), kế tiếp là đồng bằng sông Hồng (90,95%), thấp nhất là Tây Nguyên (48,28%) (Xem Biểu đồ 2.1).

Biểu đồ 2.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được xử lý năm 2023²⁴



²⁴ Bộ Tài Nguyên và Môi trường (2023), Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2023, tr.111, tr.112

Mặc dù pháp luật hiện hành đã có nhiều quy định liên quan đến xử lý CTRSH, nhưng quá trình áp dụng vào thực tiễn nông thôn vẫn còn tồn tại không ít hạn chế:

Thứ nhất, quy định pháp luật còn mang tính khái quát, thiếu tính đặc thù đối với khu vực nông thôn. Các văn bản pháp luật hiện nay, đặc biệt là Luật BVMT 2020 và các nghị định, thông tư hướng dẫn chủ yếu tập trung vào quy định chung, áp dụng cả cho đô thị và nông thôn. Trong khi đó, điều kiện hạ tầng, nguồn lực và đặc điểm phát sinh chất thải ở nông thôn rất khác biệt, dẫn đến khó khăn trong việc thực thi. Ví dụ như ở Lai Châu, do đặc thù là tỉnh miền núi, các bản, xã cách xa nhau nếu yêu cầu mỗi xã có bãi rác thì không thể thực hiện được do không có quỹ đất phù hợp, nguồn lực đầu tư hạn chế. Việc bố trí đầu tư bãi rác cho khu vực xã cũng khó do yêu cầu phải cách xa nguồn nước, khu vực ít ảnh hưởng, không có dân cư; kinh phí đầu tư bãi rác lớn. Trong khi đó, ý thức người dân ở vùng sâu, vùng xa trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường chưa cao, các tổ thu gom rác thải của bản không có kinh phí duy trì hoạt động²⁵.

Thứ hai, pháp luật vẫn chưa có hệ thống quy định chi tiết về công nghệ xử lý CTRSH phù hợp với quy mô cấp xã hoặc liên xã. Dù có khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, nhưng lại thiếu danh mục công nghệ cụ thể áp dụng cho từng vùng miền. Điều này gây lúng túng cho nhiều địa phương trong việc lựa chọn mô hình xử lý phù hợp. Một số nơi không đủ nguồn lực để đầu tư công nghệ hiện đại, trong khi mô hình đơn giản lại không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật. Tình trạng này khiến việc xử lý CTRSH ở nông thôn vừa kém hiệu quả vừa khó bền vững. Từng có ý kiến phát biểu rằng nhiều địa phương nông thôn tự đầu tư lò đốt CTRSH quy mô nhỏ (<300 kg/h). Các lò này không có hệ thống xử lý khí thải

²⁵ Phương Ly (2021), Gỡ khó tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, Báo Lai Châu, cập nhật: 16/6/2021 11:19, https://baolaichau.vn/nong-thon-moi/go-kho-tieu-chi-moi-truong-trong-xay-dung-nong-thon-moi?utm_source=chatgpt.com

đạt chuẩn, do công nhân vận hành thiếu kỹ thuật, dẫn đến nguy cơ phát thải dioxin/Furan, không đảm bảo BVMT²⁶.

Thứ ba, quy định về tiêu chí kỹ thuật tại điểm tập kết, trạm trung chuyển, cơ sở xử lý vẫn còn thiếu thống nhất và khó áp dụng tại các địa phương có điều kiện kinh tế thấp. Ví dụ như yêu cầu về xử lý nước rỉ rác, che chắn, khử mùi, diệt côn trùng... là rất cần thiết, nhưng thực tế nhiều nơi không có đủ ngân sách hay hướng dẫn cụ thể để triển khai. Ví dụ: (1) Bãi rác thôn Làng My (xã Xuân Quang, Bảo Thắng, Lào Cai) không có hệ thống chống thấm, rào chắn, hoặc thu gom nước rỉ rác. Mùa mưa, nước thải đen kịt tràn xuống khu dân cư, gây ngập úng và ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt của hàng chục hộ dân²⁷; (2) Toàn bộ các bãi rác đang hoạt động tại Lâm Đồng hiện nay đều chôn lấp không hợp vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường trước mắt và về lâu dài²⁸.

Thứ tư, hiện nay, công tác giám sát và đánh giá hiệu quả xử lý CTRSH ở nông thôn còn nhiều hạn chế. Pháp luật chưa ban hành bộ tiêu chí cụ thể để đánh giá mức độ tuân thủ quy định về xử lý CTRSH tại cấp xã. Điều này dẫn đến việc kiểm tra, giám sát ở nhiều địa phương chỉ mang tính hình thức, thiếu căn cứ đánh giá rõ ràng. Các địa phương cũng thiếu sự đồng bộ trong cách thức thực hiện, gây khó khăn cho việc tổng hợp và so sánh hiệu quả. Việc không có tiêu chí đánh giá chuẩn cũng làm giảm tính minh bạch và trách nhiệm trong công tác xử lý CTRSH ở nông thôn. Ví dụ: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An khi giám sát tại các

²⁶ VEA (2020), Những bất cập trong việc xử lý rác thải nông thôn hiện nay, website: tainguyenmoitruong.gov.vn, cập nhật: 09:15, 13/04/2020, https://tainguyenmoitruong.gov.vn/tin-tuc-su-kien/202004/nhung-bat-cap-trong-viec-xu-ly-rac-thai-nong-thon-hien-nay-3679314/?utm_source=chatgpt.com

²⁷ An Nhiên (2024), Nguyên nhân tình trạng ô nhiễm kéo dài tại bãi rác thôn Làng My, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, website: daibieunhandan.vn, cập nhật: 11/12/2024 16:16, https://daibieunhandan.vn/nguyen-nhan-tinh-trang-o-nhiem-keo-dai-tai-bai-rac-thon-lang-my-xa-xuan-quang-huyen-bao-thang-10354393.html?utm_source=chatgpt.com

²⁸ Viết Trọng (2025), Cần giải pháp đồng bộ trong thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt (Bài 2), website: baolamdong.vn, cập nhật: 06:35, 27/05/2025, <https://baolamdong.vn/toa-soan-ban-doc/202505/can-giai-phap-dong-bo-trong-thu-gom-xu-ly-rac-thai-sinh-hoat-bai-2-a1042a7/>

điểm tập kết rác xã Ngọc Bích (Diễn Châu) đã ghi nhận phản ánh từ người dân về tình trạng điểm tập kết tự phát ngay gần nghĩa trang, rác thải tràn lan nhưng không bị xử lý kịp thời, cho thấy chính quyền địa phương chưa thực hiện giám sát thường xuyên và có hiệu quả²⁹.

Thứ năm, Chính sách khuyến khích xã hội hóa trong hoạt động xử lý CTRSH ở nông thôn hiện vẫn còn thiếu rõ ràng và chưa mang tính đột phá. Các văn bản pháp luật chủ yếu dừng lại ở quy định mang tính định hướng chung, thiếu cơ chế cụ thể để hỗ trợ các đơn vị tư nhân tham gia vào lĩnh vực này. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn khi tiếp cận đất đai do chưa có quỹ đất phù hợp hoặc vướng thủ tục phê duyệt. Bên cạnh đó, việc tiếp cận nguồn vốn ưu đãi và các công nghệ xử lý hiện đại cũng còn hạn chế. Thủ tục hành chính phức tạp, thiếu minh bạch cũng là rào cản lớn đối với các nhà đầu tư. Điều này khiến cho nguồn lực xã hội chưa được huy động hiệu quả, phần lớn công tác xử lý rác thải vẫn phụ thuộc vào ngân sách và lực lượng công. Nếu không có chính sách hỗ trợ cụ thể và linh hoạt hơn, mục tiêu xã hội hóa trong xử lý CTRSH ở nông thôn sẽ khó đạt hiệu quả như kỳ vọng³⁰.

²⁹ Tiến Đông (2025), Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An giám sát việc BVMT tại Diễn Châu và Nghi Lộc, Báo Nghệ An, cập nhật: 18/03/2025 13:55, https://baonghean.vn/doan-dai-bieu-quoc-hoi-tinh-nghe-an-giam-sat-viec-bao-ve-moi-truong-tai-dien-chau-va-nghi-loc-10293293.html?utm_source=chatgpt.com

³⁰ Xuân Hà (2023), Khó khăn trong việc kêu gọi xã hội hóa để xây dựng các nhà máy xử lý rác, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, cập nhật: 07/11/2023 15:06, https://tapchitoaan.vn/kho-khan-trong-viec-keu-goi-xa-hoi-hoa-de-xu-ly-xay-dung-cac-nha-may-xu-ly-dot-phat-dien-va-phan-loai-xu-ly-rac9641.html?utm_source=chatgpt.com

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 đã đi sâu phân tích thực tiễn và pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn, tập trung vào các nội dung từ phòng ngừa, thu gom, vận chuyển, đến tái chế, xử lý. Qua đó cho thấy, hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay đã có nhiều bước tiến quan trọng trong việc xây dựng nền tảng pháp lý cho công tác quản lý CTRSH, đặc biệt là Luật BVMT 2020 cùng các văn bản hướng dẫn như Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 45/2022/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 35/2024/TT-BTNMT.

Những quy định này thể hiện rõ tư duy tiếp cận hiện đại, lấy phân loại tại nguồn làm trọng tâm, kết hợp với nguyên tắc phát triển kinh tế tuần hoàn và huy động sự tham gia của cộng đồng. Đặc biệt, pháp luật đã xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể cụ thể: từ hộ gia đình, cá nhân đến chính quyền các cấp, tổ chức thu gom và cơ sở xử lý. Trên thực tế, ở nhiều địa phương, các mô hình như phân loại rác tại nguồn, ủ phân hữu cơ, thu gom rác tái chế và xử lý tại chỗ đã bước đầu mang lại hiệu quả.

Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế: quy định còn thiếu tính đặc thù cho nông thôn; thiếu hướng dẫn cụ thể về công nghệ và tiêu chí kỹ thuật phù hợp từng cấp hành chính; còn khoảng trống trong cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả xử lý; chính sách khuyến khích xã hội hóa chưa đủ mạnh để thu hút nguồn lực tư nhân. Ngoài ra, sự chênh lệch về năng lực giữa các địa phương cũng là rào cản lớn trong tổ chức thực hiện.

Như vậy, để nâng cao hiệu quả quản lý CTRSH ở nông thôn, cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý theo hướng đặc thù, khả thi, minh bạch và tăng tính thực thi. Đây sẽ là nền tảng quan trọng để xây dựng môi trường nông thôn sạch - đẹp - bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển nông thôn mới giai đoạn tiếp theo.

Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Ở NÔNG THÔN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn và nâng cao hiệu quả thực hiện tại Việt Nam hiện nay

3.1.1. Thể chế hóa quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về BVMT, xây dựng nông thôn mới

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về BVMT và xây dựng nông thôn mới được xác định là một trong những trụ cột chiến lược trong tiến trình phát triển bền vững đất nước. Trong đó, BVMT được xem là yếu tố sống còn, là điều kiện tiên quyết để bảo đảm chất lượng cuộc sống cho hiện tại và các thế hệ tương lai. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định rõ vai trò trung tâm của môi trường trong mô hình phát triển bền vững. Nghị quyết số 24-NQ/TW năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương nhấn mạnh chủ trương phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, tăng cường quản lý tài nguyên và siết chặt chế tài xử lý vi phạm pháp luật về môi trường. Tư tưởng chủ đạo là không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng, phát huy vai trò của toàn xã hội trong công tác BVMT, với Nhà nước đóng vai trò định hướng và kiến tạo.

Song song với đó, xây dựng nông thôn mới được Đảng xác định không chỉ là chương trình mục tiêu quốc gia, mà còn là định hướng lâu dài nhằm tái cấu trúc không gian sống và sản xuất tại khu vực nông thôn. Nghị quyết số 26-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW (2022) khẳng định: nông nghiệp, nông dân, nông thôn là trụ đỡ chiến lược, là yếu tố nền tảng của sự ổn định và phát triển đất nước. Việc xây dựng nông thôn mới phải được thực hiện toàn diện, hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và BVMT sinh thái, nâng cao chất lượng sống, hình thành nếp sống văn minh, sạch đẹp, bền vững. Quan điểm của Đảng còn nhấn mạnh vai trò

chủ thể của người dân nông thôn, khuyến khích cộng đồng tham gia trực tiếp vào các hoạt động gìn giữ môi trường, bảo vệ cảnh quan và xây dựng các mô hình tự quản hiệu quả.

Từ những quan điểm xuyên suốt và nhất quán của Đảng về BVMT và xây dựng nông thôn mới, hệ thống pháp luật cần được xây dựng dựa trên nền tảng tư tưởng đó. Việc hoàn thiện pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn phải bảo đảm phản ánh đầy đủ định hướng và mục tiêu do Đảng đề ra. Điều này đòi hỏi pháp luật không chỉ mang tính kỹ thuật, mà còn thể hiện rõ các giá trị chính trị, xã hội, và nhân văn mà Đảng đã xác lập. Đồng thời, quá trình tổ chức thực thi pháp luật cũng cần bám sát các quan điểm chỉ đạo để đảm bảo hiệu quả và tính khả thi trên thực tế.

3.1.2. Khẳng định vai trò trung tâm của pháp luật trong chu trình quản lý CTRSH ở nông thôn

Pháp luật đóng vai trò trung tâm trong chu trình quản lý CTRSH ở nông thôn, được xem là trụ cột để thiết lập trật tự xã hội, BVMT và đảm bảo phát triển bền vững. Trong lý luận nhà nước và pháp luật, pháp luật không chỉ mang tính chất cưỡng chế mà còn là thiết chế thể chế xây dựng, định hướng hành vi và tổ chức đối với các chủ thể trong xã hội. Trong chu trình quản lý CTRSH, vai trò trung tâm của pháp luật thể hiện trên nhiều bình diện.

Thứ nhất, pháp luật xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động quản lý CTRSH, bao gồm cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Quy định này không chỉ thiết lập trách nhiệm cá nhân mà còn làm rõ vai trò giám sát, hỗ trợ của nhà nước đối với toàn bộ chu trình quản lý.

Thứ hai, pháp luật thiết lập khuôn khổ khả thi vốn là điều kiện tiên quyết để đảm bảo hoạt động quản lý CTRSH được triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả. Từ việc phân loại, thu gom, vận chuyển, tới xử lý và tái chế, pháp luật đều đặt ra các chuẩn mực kỹ thuật, trình tự thực hiện, cũng như chế tài xử phạt khi vi

phạm. Điều này giúp giảm thiểu sự tùy nghiêp trong tổ chức thực hiện, tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Thứ ba, pháp luật đóng vai trò làm động lực chuyển hóa nhận thức và hành vi của cộng đồng dân cư. Các quy định về nghĩa vụ phân loại rác tại nguồn, các chế tài đối với hành vi đổ rác không đúng quy định hoặc xử lý rác sai cách giúp hình thành ý thức tuân thủ pháp luật và xây dựng chuẩn mực mới trong đối xử với môi trường.

Thứ tư, vai trò trung gian của pháp luật được thể hiện qua việc thiết lập cơ chế phối hợp đa cấp trong tổ chức thực hiện: từ trung ương đến địa phương, giữa các bộ, ngành, đối tượng nhà nước và xã hội. Các quy định phân công trách nhiệm, thẩm quyền đã được lập thành văn bản pháp quy, giúp hạn chế tình trạng chồng chéo hoặc buông lỏng trách nhiệm trong quá trình quản lý.

Cuối cùng, pháp luật còn là đòn bẩy huy động xã hội hóa trong quản lý CTRSH bằng việc thiết lập các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư và tổ chức chính trị - xã hội. Từ đó, không chỉ nhà nước mà cả xã hội cùng tham gia điều hành và giám sát quá trình quản lý CTRSH.

Tổng thể lại, pháp luật giữ vai trò trung tâm về mặt thể chế, điều hành và xây dựng thể chế trong toàn bộ chu trình quản lý CTRSH ở nông thôn. Việc nhận thức và phát huy đầy đủ vai trò này sẽ đóng góp thiết thực cho việc nâng cao hiệu quả điều hành, đảm bảo an sinh môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững ở khu vực nông thôn Việt Nam.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật quản lý CTRSH và nâng cao hiệu quả thực hiện phải gắn với đặc thù của nông thôn

Định hướng “Hoàn thiện pháp luật quản lý CTRSH và nâng cao hiệu quả thực hiện phải gắn với đặc thù của nông thôn” phản ánh một yêu cầu thực tiễn và lý luận rất quan trọng trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách pháp luật. Khu vực nông thôn Việt Nam có những đặc điểm khác biệt căn bản so với đô thị

về mặt địa lý, kinh tế, xã hội và tổ chức quản lý. Do đó, nếu pháp luật được xây dựng mà không tính đến những đặc thù này, thì hiệu quả thực hiện sẽ bị hạn chế, thậm chí tạo ra những bất cập mới.

Thứ nhất, nông thôn có mật độ dân cư thấp, cư trú phân tán, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ môi trường còn yếu kém. Tình trạng thiếu điểm tập kết rác, thiếu phương tiện thu gom, vận chuyển chuyên dụng... là khá phổ biến. Việc quản lý CTRSH theo mô hình tập trung, hiện đại như ở đô thị là không khả thi. Vì vậy, pháp luật phải quy định mở, linh hoạt, tạo điều kiện cho các mô hình quản lý cộng đồng, xử lý tại nguồn như ủ phân compost, sử dụng hầm biogas, tổ tự quản, hợp tác xã môi trường.

Thứ hai, trình độ nhận thức pháp luật và ý thức môi trường của người dân nông thôn nhìn chung còn hạn chế, bị ảnh hưởng bởi tập quán truyền thống và thói quen sinh hoạt lâu đời. Do đó, pháp luật không thể chỉ đặt ra quy định cứng nhắc, mà cần đi kèm với cơ chế khuyến khích, tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật. Việc thiết kế quy định pháp luật vì thế cần dễ hiểu, gần gũi với đời sống cộng đồng, có thể lồng ghép trong các hương ước, quy ước thôn xóm để phát huy hiệu quả tự quản.

Thứ ba, hoạt động quản lý môi trường ở nông thôn chủ yếu dựa vào chính quyền cấp xã - nơi vừa thiếu nhân lực chuyên môn, vừa chịu nhiều áp lực từ các nhiệm vụ hành chính khác. Pháp luật cần quy định rõ trách nhiệm, tăng cường phân cấp cho địa phương, nhưng đồng thời cũng phải kèm theo cơ chế hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật và đào tạo nhân lực để bảo đảm thực thi hiệu quả.

Tóm lại, việc hoàn thiện pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn phải dựa trên nguyên tắc “thiết kế phù hợp với điều kiện thực tế” và lấy tính khả thi làm trung tâm. Đây chính là điều kiện tiên quyết để chuyển hóa các quy định pháp luật từ văn bản thành hành động cụ thể trong đời sống cộng đồng.

3.1.4. Hoàn thiện pháp luật quản lý CTRSH và nâng cao hiệu quả thực hiện phải phát huy được vai trò của chính quyền tại địa phương

Định hướng “Hoàn thiện pháp luật quản lý CTRSH và nâng cao hiệu quả thực hiện phải phát huy được vai trò của chính quyền tại địa phương” là một yêu cầu có tính chiến lược nhằm bảo đảm hiệu lực thực thi và sự bền vững của hệ thống pháp luật trong quản lý môi trường nông thôn. Trong bối cảnh tổ chức bộ máy hành chính phân cấp theo hướng tăng cường tự chủ và tự chịu trách nhiệm, việc phát huy vai trò của chính quyền cấp cơ sở - đặc biệt là cấp xã, phường, thị trấn - có ý nghĩa then chốt đối với hiệu quả quản lý CTRSH.

Thứ nhất, chính quyền địa phương là cấp gần dân nhất, hiểu rõ đặc điểm dân cư, điều kiện địa lý, tập quán sinh hoạt và mô hình kinh tế tại địa phương. Vì vậy, họ có khả năng đề xuất và triển khai các giải pháp quản lý phù hợp với thực tiễn như phân loại rác tại nguồn, mô hình tổ tự quản, các điểm thu gom phân tán hay hình thức xử lý tại chỗ bằng công nghệ đơn giản. Pháp luật cần tạo hành lang pháp lý rõ ràng, phân định chức năng, quyền hạn cho chính quyền địa phương trong việc tổ chức, giám sát và xử phạt các hành vi vi phạm liên quan đến CTRSH.

Thứ hai, thực tiễn cho thấy nhiều mô hình quản lý CTRSH hiệu quả ở nông thôn đều bắt nguồn từ sáng kiến và sự chủ động của chính quyền cấp xã như mô hình “xã không rác”, tổ môi trường tự quản, phong trào xây dựng “thôn xanh, sạch, đẹp”, hay các chiến dịch phân loại rác gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới. Những mô hình này chỉ có thể nhân rộng nếu có sự công nhận, hỗ trợ và thể chế hóa từ hệ thống pháp luật.

Thứ ba, chính quyền địa phương còn là đầu mối tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động, đào tạo và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác nâng cao ý thức cộng đồng về BVMT. Pháp luật cần trao quyền, song hành với trách nhiệm và cơ chế hỗ trợ để họ thực hiện tốt vai trò này, đặc biệt

trong việc tiếp cận các nguồn lực tài chính, kỹ thuật và hỗ trợ của Nhà nước cũng như khu vực tư nhân.

Tóm lại, muốn nâng cao hiệu quả quản lý CTRSH ở nông thôn, pháp luật phải coi chính quyền địa phương không chỉ là đơn vị thụ động thực hiện, mà là chủ thể tích cực, năng động và quyết định trong tổ chức thực hiện pháp luật. Khi pháp luật “trao quyền” đúng và “giám sát” hiệu quả, thì chính quyền địa phương sẽ là lực lượng trung tâm trong việc hiện thực hóa các mục tiêu môi trường bền vững từ cơ sở.

3.1.5. Hoàn thiện pháp luật quản lý CTRSH và nâng cao hiệu quả thực hiện phải đảm bảo tính tổng thể của công tác BVMT trong phạm vi cả nước

Định hướng “Hoàn thiện pháp luật quản lý CTRSH và nâng cao hiệu quả thực hiện phải đảm bảo tính tổng thể của công tác BVMT trong phạm vi cả nước” phản ánh một nguyên tắc cơ bản trong lý luận quản lý môi trường - đó là tính hệ thống, liên kết và đồng bộ giữa các cấp, các lĩnh vực và các địa phương. Trong bối cảnh môi trường là một chỉnh thể thống nhất, nơi các yếu tố sinh thái, dòng chảy chất thải và tác động môi trường không phân biệt ranh giới hành chính, thì mọi chính sách và quy định pháp luật đều cần được thiết kế và triển khai trong một cấu trúc tổng thể và tích hợp.

Thứ nhất, quản lý CTRSH ở nông thôn không thể tách rời khỏi tổng thể chính sách và pháp luật BVMT quốc gia. Điều này xuất phát từ thực tế là chất thải không “dừng lại” ở phạm vi địa phương mà có thể lan truyền, gây ô nhiễm xuyên biên giới hành chính. Do đó, nếu chỉ chú trọng vào quy định riêng biệt cho từng vùng mà thiếu tính liên kết với định hướng chung về BVMT, thì nguy cơ phân mảnh pháp lý và xung đột chính sách là rất lớn. Việc hoàn thiện pháp luật phải đặt trong tổng thể của hệ thống pháp luật về môi trường quốc gia, bảo đảm sự thống nhất từ trung ương đến địa phương, từ khung pháp lý chung đến các quy định kỹ thuật cụ thể.

Thứ hai, pháp luật quản lý CTRSH cần bảo đảm sự phối hợp giữa các lĩnh vực liên quan như tài nguyên, y tế, giáo dục, nông nghiệp, xây dựng và khoa học công nghệ. Chẳng hạn, việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải không thể tách rời khỏi quy hoạch xây dựng nông thôn, quản lý tài nguyên nước, an toàn thực phẩm và y tế cộng đồng. Pháp luật cần có quy định ràng buộc liên ngành, xác lập cơ chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu, cùng thực hiện nhiệm vụ BVMT trên nền tảng liên thông chính sách.

Thứ ba, để bảo đảm tính tổng thể, pháp luật cũng cần có hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn thống nhất toàn quốc về thu gom, phân loại, xử lý CTRSH, đi kèm với các công cụ giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện. Đây là cơ sở để bảo đảm công bằng môi trường giữa các vùng miền - nơi mọi người dân, dù sống ở thành thị hay nông thôn, miền núi hay đồng bằng - đều được thụ hưởng quyền sống trong môi trường trong lành theo tiêu chuẩn chung.

Tóm lại, việc hoàn thiện pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn không thể thực hiện rời rạc, cục bộ hay đơn ngành, mà phải đặt trong cấu trúc tổng thể của chiến lược BVMT quốc gia. Có như vậy, pháp luật mới thực sự trở thành công cụ điều phối hiệu quả, thúc đẩy đồng bộ các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường vì sự phát triển bền vững đất nước.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

3.2.1. Hoàn thiện quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt đặc thù cho nông thôn

Một trong những hạn chế lớn của hệ thống pháp luật hiện hành là thiếu các quy định riêng mang tính đặc thù cho khu vực nông thôn trong quản lý CTRSH. Hiện tại, các quy định trong Luật BVMT 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành như Nghị định số 08/2022/NĐ-CP hay Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT chủ yếu tập trung vào quy định chung, áp dụng đồng nhất cho cả khu vực đô thị và nông

thôn. Tuy nhiên, trên thực tế, điều kiện hạ tầng, mật độ dân cư, đặc điểm địa hình và nguồn lực tài chính tại nông thôn rất khác biệt, nhất là tại các vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo.

Để khắc phục bất cập này, cần thiết xây dựng một Nghị định mới hoặc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, theo đó quy định riêng cho khu vực nông thôn về quy hoạch và tổ chức mạng lưới các điểm xử lý CTRSH phù hợp. Trong đó, cần quy định cụ thể mô hình bãi chôn lấp chất thải theo cụm xã, các trạm trung chuyển linh hoạt, phù hợp bán kính phục vụ thực tế, năng lực vận chuyển và đặc điểm địa hình từng vùng. Việc xây dựng hệ thống bãi xử lý không thể áp dụng máy móc quy mô đơn vị hành chính xã như ở đô thị, mà nên cho phép triển khai theo mô hình liên xã để tận dụng mặt bằng và tiết kiệm chi phí.

Bên cạnh đó, cần bổ sung một khoản mới vào Điều 58 của Luật BVMT 2020, nhằm định danh rõ vùng nông thôn, vùng miền núi, hải đảo là khu vực có đặc điểm riêng biệt, cần được ưu tiên tiếp cận các cơ chế đặc thù trong xử lý chất thải. Khoản này nên nêu rõ các nguyên tắc như: quy mô bãi chôn lấp nhỏ, khoảng cách linh hoạt, ưu tiên vị trí gần đường giao thông nông thôn, cho phép sử dụng các quỹ đất công hoặc đất xen kẽ dân cư có thể cải tạo, đồng thời đơn giản hóa một số thủ tục đánh giá môi trường phù hợp với quy mô nhỏ.

Việc ban hành hoặc sửa đổi như trên sẽ tạo ra khung pháp lý riêng, rõ ràng và phù hợp hơn với thực tiễn quản lý CTRSH ở khu vực nông thôn, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện và giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường kéo dài như hiện nay.

3.2.2. Hoàn thiện quy định về khuyến khích giảm thiểu, tái tế chất thải rắn sinh hoạt

Thứ nhất, để tạo động lực mạnh mẽ hơn cho hộ gia đình và cộng đồng ở nông thôn tham gia giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế CTRSH, Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Bộ Tài chính cần ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết việc hỗ

trợ tài chính đối với các mô hình xử lý chất thải tại nguồn, đặc biệt là: (1) Hỗ trợ 50-70% vốn đầu tư cho hộ gia đình, tổ hợp tác hoặc hợp tác xã đầu tư mô hình ủ phân compost tại nguồn, lắp đặt hầm biogas, hoặc xưởng sơ chế rác tái chế quy mô nhỏ; (2) Miễn, giảm phí môi trường tại bãi chôn lấp cho các hộ/tổ chức có chứng nhận phân loại rác đạt chuẩn hoặc thực hiện xử lý tại nguồn; (3) Ưu tiên bố trí nguồn vốn sự nghiệp môi trường và nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước cho các địa phương có đề án xử lý CTRSH nông thôn gắn với tái chế, tái sử dụng.

Thứ hai, đề xuất bổ sung một khoản mới vào Điều 75 Luật BVMT 2020, quy định về chính sách khuyến khích đối với khu dân cư, cộng đồng tham gia tích cực vào giảm thiểu, tái chế rác: “Cộng đồng dân cư, tổ chức, hộ gia đình thực hiện đầy đủ và đạt tiêu chuẩn về phân loại, tái chế, tái sử dụng CTRSH theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ được công nhận là ‘khu dân cư xanh, sạch’ và được hưởng chính sách ưu đãi về truyền thông, hỗ trợ kỹ thuật, tài chính.”

Từ khoản này, Chính phủ có thể ban hành Nghị định riêng hoặc bổ sung vào Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, trong đó hướng dẫn rõ: Tiêu chí công nhận “khu dân cư xanh, sạch”; Chính sách hỗ trợ tài chính tương ứng (như: cấp thùng phân loại, máy cắt nhựa, tài liệu tập huấn...).

3.2.3. Hoàn thiện quy định về hệ thống thu gom rác tái chế riêng biệt

Thứ nhất, cần sửa đổi, bổ sung Điều 77 Luật BVMT 2020 theo hướng chi tiết hóa quy định về thu gom rác thải phân loại, đặc biệt là rác tái chế. Cụ thể, đề xuất bổ sung một khoản mới như sau: *“Việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại phải bảo đảm không trộn lẫn giữa các dòng rác. Đối với nhóm chất thải có khả năng tái chế, phải tổ chức hệ thống thu gom riêng biệt, với phương tiện, tuyến đường và điểm tập kết khác với nhóm chất thải hữu cơ và khó tái chế.”*

Quy định này sẽ giúp bảo đảm tính toàn vẹn của dòng rác tái chế, làm tăng hiệu quả tái chế và giảm lượng chất thải bị chôn lấp.

Thứ hai, trên cơ sở quy định mới của Luật BVMT 2020, cần ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về yêu cầu kỹ thuật trong quản lý CTRSH, trong đó:

- Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật cụ thể về việc tổ chức tuyển thu gom riêng cho từng loại rác đã phân loại, đặc biệt: (1) Quy trình và phương tiện thu gom riêng đối với rác nhựa, giấy, kim loại...; (2) Quy định bắt buộc về màu sắc thùng, nhãn nhận diện dòng rác, quy định rõ trách nhiệm của đơn vị thu gom; (3) Yêu cầu về thiết bị lưu chứa tạm thời tại xã/phường, bảo đảm giữ nguyên dòng rác phân loại trước khi vận chuyển.

- Ban hành phụ lục kỹ thuật kèm theo về sơ đồ mẫu tổ chức hệ thống thu gom rác tái chế cấp xã - liên xã phù hợp với điều kiện nông thôn.

Thứ ba, cần bổ sung quy định cụ thể trong Luật BVMT 2020 hoặc Nghị định 08/2022/NĐ-CP về trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong việc giám sát toàn bộ quá trình thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt, đặc biệt là ngăn ngừa tình trạng trộn lẫn rác sau khi đã phân loại tại nguồn. Đây là một hiện tượng phổ biến hiện nay, làm mất tác dụng của chính sách phân loại và gây tâm lý chán nản cho người dân khi thấy nỗ lực phân loại của mình không có ý nghĩa thực tiễn.

Chính quyền cấp xã cần được giao nhiệm vụ kiểm tra định kỳ hoạt động của các tổ chức thu gom, có thể thông qua hình thức ký hợp đồng ràng buộc trách nhiệm hoặc phê duyệt tuyến đường, thời gian, phương tiện thu gom. Đồng thời, các tổ chức chính trị - xã hội địa phương như Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội nông dân... nên được lồng ghép nhiệm vụ giám sát cộng đồng vào chương trình hành động môi trường cấp xã.

Bên cạnh đó, cần có cơ chế khuyến khích các hợp tác xã môi trường, tổ tự quản, nhóm cộng đồng tham gia thu gom riêng biệt các dòng rác có giá trị tái chế như nhựa, giấy, kim loại... Thông qua đó, không chỉ tạo việc làm và thu nhập cho người dân địa phương, mà còn giảm chi phí xử lý rác thải chung, đồng thời góp

phần xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn tại nông thôn. Việc giao quyền và hỗ trợ tài chính - kỹ thuật cho các nhóm này nên được cụ thể hóa bằng các văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời gian tới.

3.2.4. Hoàn thiện quy định kỹ thuật trạm trung chuyển và điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phù hợp điều kiện nông thôn

Ở nông thôn, nhất là vùng miền núi hay nơi dân cư thưa thớt, điều kiện đất đai và ngân sách rất hạn chế. Việc xây dựng nhà máy xử lý rác lớn như ở đô thị là không khả thi. Khoảng cách địa lý xa và hạ tầng yếu càng khiến việc thu gom, xử lý tập trung gặp nhiều khó khăn. Do đó, cần mô hình phù hợp quy mô nhỏ, tiết kiệm và dễ triển khai. Do đó cần:

Thứ nhất, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật đơn giản cho trạm trung chuyển và điểm tập kết rác. Theo đó, sửa đổi Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 35/2024/TT-BTNMT, để bổ sung quy định cụ thể về “trạm trung chuyển rác quy mô xã hoặc liên xã” với yêu cầu kỹ thuật tối thiểu như: (1) Có nền chống thấm đơn giản để tránh thấm rỉ rác xuống đất; (2) Có hố nhỏ để chứa nước rỉ rác, không để nước chảy tràn ra môi trường; (3) Dùng bạt che, tôn vẩy tạm thời, và phun khử mùi cơ bản; (4) Có đèn chiếu sáng, biển cảnh báo nếu gần khu dân cư.

Khi đặt ra yêu cầu đơn giản nhưng phù hợp thực tiễn, các trạm trung chuyển và điểm tập kết rác sẽ dễ dàng triển khai tại các vùng khó khăn. Điều này giúp tiết kiệm chi phí đầu tư, vận hành. Đồng thời, vẫn bảo đảm vệ sinh môi trường và giảm thiểu ô nhiễm hiệu quả.

Thứ hai, ban hành danh mục công nghệ phù hợp với quy mô cấp xã

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, xây dựng và ban hành phụ lục kỹ thuật đi kèm Thông tư hướng dẫn về quản lý CTRSH, trong đó cần liệt kê chi tiết các loại công nghệ xử lý phù hợp với điều kiện thực tiễn khu vực nông thôn. Phụ lục này cần xác định rõ các mô hình công nghệ đơn giản, dễ vận hành, chi phí thấp nhưng vẫn đảm bảo các yêu cầu cơ bản về BVMT. Chẳng hạn, có thể

bao gồm: lò đốt chất thải sinh hoạt quy mô nhỏ (công suất dưới 300kg/giờ) đạt chuẩn khí thải theo quy định; mô hình ủ phân compost từ rác hữu cơ tại hộ gia đình hoặc cộng đồng; các bãi chôn lấp quy mô nhỏ được thiết kế có mái che, nền chống thấm sơ cấp nhằm hạn chế rò rỉ nước thải. Việc công bố công khai danh mục này sẽ giúp các địa phương dễ dàng tiếp cận, lựa chọn và triển khai mô hình xử lý CTRSH phù hợp với năng lực tài chính, địa hình và điều kiện kỹ thuật tại chỗ, đồng thời tránh được việc đầu tư không đúng công nghệ hoặc không đạt hiệu quả môi trường.

3.2.5. Hoàn thiện các quy định về cơ chế giám sát, đánh giá

Để tăng cường hiệu lực quản lý và giám sát trong công tác xử lý CTRSH tại nông thôn, cần bổ sung một Phụ lục kỹ thuật về bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý CTRSH cấp xã vào Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Bộ tiêu chí này sẽ là căn cứ thống nhất để theo dõi, so sánh, và đánh giá việc thực hiện quy định tại các địa phương, đặc biệt trong các lĩnh vực đã phân tích tại Mục 2.2 đến 2.5 của Chương 2. Một số tiêu chí đề xuất bao gồm:

- Tỷ lệ hộ dân thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn đạt tối thiểu 60%, thể hiện bằng số lượng hộ đã ký cam kết và có biên bản kiểm tra thực tế.
- Điểm tập kết, trạm trung chuyển, bãi chôn lấp CTRSH phải đạt tiêu chuẩn tối thiểu về kỹ thuật môi trường (có chống thấm, hồ thu gom nước rỉ rác, phun khử mùi), đồng thời phải có nhật ký vận hành hoặc sổ ghi chép kiểm tra định kỳ.
- Tỷ lệ chất thải được xử lý tại chỗ (ủ phân compost, đốt lò nhỏ, tái chế hộ gia đình) đạt ít nhất 30% khối lượng CTRSH phát sinh, nhằm giảm tải cho hệ thống xử lý tập trung.

Ngoài ra, cần yêu cầu chính quyền cấp xã lập báo cáo định kỳ về kết quả thực hiện các tiêu chí này, công khai trên Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh hoặc Cổng quốc gia về môi trường. Việc công bố công khai sẽ tạo điều kiện cho các cơ quan cấp trên, các địa phương khác và người

dân có thể kiểm tra, đối chiếu và tạo áp lực thực thi khách quan, minh bạch. Giải pháp này không chỉ giúp phát hiện kịp thời các vấn đề phát sinh, mà còn là căn cứ để xét thi đua, phân bổ ngân sách môi trường theo kết quả thực hiện thực chất ở cơ sở.

3.2.6. Hoàn thiện một số quy định nhằm xã hội hóa quản lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn

Thứ nhất, thành lập cơ chế “đặt hàng - hợp đồng dịch vụ môi trường”: Đề xuất bổ sung điều khoản (khoản mới) vào Luật BVMT hoặc Nghị định 08/2022 nhằm cho phép chính quyền xã ký “hợp đồng dịch vụ môi trường” với doanh nghiệp trong thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH nông thôn. Hợp đồng này quy định rõ chỉ tiêu chất lượng, tần suất dịch vụ và phí dịch vụ, bao gồm cả phần hợp đồng ngược chiều nút rác tái chế (chia sẻ lợi ích từ bán phế liệu).

Thứ hai, ưu tiên quỹ đất công cho đơn vị tư nhân: Luật/Nghị định cần quy định ưu tiên tạo quỹ đất công (ví dụ: góc vườn ươm cây, đất nông nghiệp chưa sử dụng) cho các doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc hợp tác xã môi trường được cấp phép để xây dựng trạm trung chuyển hoặc bãi xử lý quy mô cấp xã-liên xã. Điều này giúp giảm rào cản về địa điểm và nhanh chóng triển khai các mô hình xử lý hợp vệ sinh môi trường.

Thứ ba, giảm chi phí thủ tục và hỗ trợ tài chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường, phối hợp Bộ Tài chính, cần ban hành hướng dẫn cụ thể để áp dụng miễn 50% phí hành chính (giấy phép đầu tư, thủ tục xây dựng, đấu thầu dịch vụ môi trường) dành cho các dự án xử lý CTRSH nông thôn quy mô nhỏ. Đồng thời, hỗ trợ vốn vay ưu đãi (lãi suất thấp, cho vay theo gói tín dụng xanh) để doanh nghiệp dễ tiếp cận nguồn vốn, giảm áp lực tài chính khi tham gia thị trường này.

Thứ tư, hỗ trợ kỹ thuật và kết nối thị trường: Cần có các văn bản hướng dẫn từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường, hướng dẫn doanh nghiệp mô hình hóa việc xử lý rác tại chỗ, ví dụ như: mô hình đốt sạch phát điện mini, trạm xử lý phân hữu

cơ, tái chế nhựa; đồng thời mở kênh kết nối với thị trường phân bón hoặc phế liệu, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm hậu xử lý. Những hướng dẫn này cần phù hợp với điều kiện vùng nông thôn, chi phí thấp và dễ triển khai. Song song, cần có chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực tái chế gắn với phát triển kinh tế tuần hoàn.

3.2.7. Rà soát và hoàn thiện chức năng quản lý chất thải rắn sinh hoạt của Ủy ban nhân dân cấp xã theo mô hình chính quyền hai cấp

Việc triển khai Nghị quyết 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 về tổ chức lại chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh – xã) yêu cầu phải điều chỉnh lại hệ thống quản lý CTRSH. Trong mô hình mới, UBND cấp xã là cơ quan đầu mối ở địa phương quản lý CTRSH (nhiều trách nhiệm quyền hạn trước đây của UBND cấp huyện được chuyển cho UBND cấp xã). Do vậy, cần sớm rà soát và sửa đổi các văn bản pháp luật như Luật BVMT 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và các Thông tư liên quan để đảm bảo quyền hạn và trách nhiệm của UBND cấp xã được xác định rõ ràng trong bối cảnh mới.

Trước hết, tại Điều 77 Luật BVMT 2020, cần thêm nội dung: “UBND cấp xã là cơ quan tổ chức kế hoạch, triển khai, kiểm tra, giám sát việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn; chịu trách nhiệm cấp phép và giám sát các cơ sở xử lý quy mô xã.” Điều này đảm bảo pháp luật phản ánh đúng thực tế phân cấp, phân quyền.

Tiếp đó, sửa đổi Nghị định 08/2022/NĐ-CP nhằm xác định các trách nhiệm của UBND cấp xã: được giao lập phương án trạm trung chuyển, ký hợp đồng dịch vụ môi trường công cộng, và công khai số liệu thu gom -// xử lý hàng tháng. Việc đánh giá hiệu quả sẽ dựa trên các tiêu chí cụ thể như tỷ lệ thu gom $\geq 60\%$, tỷ lệ xử lý tại chỗ đạt $\geq 30\%$.

Về mặt xử phạt vi phạm, cần chỉnh sửa Nghị định 45/2022/NĐ-CP theo hướng cho phép UBND xã lập biên bản và ra quyết định xử phạt hành chính với

các vi phạm CTRSH như: không phân loại tại nguồn, vận chuyển không đúng quy định, xử lý tại trạm trung chuyển không đảm bảo vệ sinh. Đồng thời bổ sung hướng dẫn mẫu biểu biên bản, quy trình xác minh vi phạm, và quy định thời hạn khắc phục hậu quả.

Tập trung chức năng và quyền hạn quản lý CTRSH ở UBND cấp xã phù hợp với mô hình hai cấp cấp, đảm bảo không đùn đẩy lên cấp trên, đồng thời nâng cao trách nhiệm và tính chủ động thực thi CTRSH ở địa phương. Khi pháp luật được cập nhật rõ ràng, đồng bộ và có cơ chế hỗ trợ, mô hình mới sẽ phát huy hiệu quả trong quản lý chất thải nông thôn sạch – xanh – bền vững.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

3.3.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về CTRSH ở nông thôn không chỉ là giải pháp hỗ trợ, mà là điều kiện nền tảng để thực thi pháp luật hiệu quả và bền vững. Trong lý luận pháp luật hiện đại, nhận thức pháp lý được xem là yếu tố cốt lõi quyết định đến hành vi tuân thủ. Đặc biệt ở nông thôn - nơi người dân thường tiếp cận pháp luật thông qua kinh nghiệm truyền miệng, hương ước, tập quán - thì vai trò của tuyên truyền càng trở nên thiết yếu.

Thứ nhất, tuyên truyền pháp luật giúp nâng cao hiểu biết, từ đó hình thành ý thức tự giác tuân thủ. Phần lớn người dân nông thôn vẫn chưa nắm được đầy đủ quy định pháp luật về phân loại, thu gom, xử lý CTRSH. Thậm chí nhiều hành vi vi phạm như đốt rác ngoài trời, xả rác ra kênh rạch... vẫn được xem là "bình thường". Tuyên truyền đúng cách sẽ góp phần chuyển hóa nhận thức này, biến nghĩa vụ pháp lý thành hành vi văn hóa.

Thứ hai, tuyên truyền hiệu quả phải dựa trên đặc điểm xã hội - văn hóa của nông thôn. Hình thức tuyên truyền cần giản dị, trực quan, dễ hiểu, có thể thông

qua: loa truyền thanh xã, pa-nô, áp phích tại chợ, nhà văn hóa thôn, hoặc thông qua các buổi sinh hoạt hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội nông dân... Nội dung cần gắn liền với lợi ích thiết thực: giảm chi phí thu gom, tăng thu nhập từ rác tái chế, cải thiện vệ sinh môi trường xóm làng...

Thứ ba, công tác tuyên truyền không chỉ là việc của một cơ quan mà cần huy động sự tham gia đồng bộ của cả hệ thống chính trị. Chính quyền địa phương, mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, trường học, cơ sở tôn giáo đều có thể trở thành "kênh lan tỏa" pháp luật về CTRSH. Sự phối hợp liên ngành này giúp mở rộng phạm vi tiếp cận và tăng tính thuyết phục của thông điệp truyền thông.

Thứ tư, cần đổi mới phương pháp tuyên truyền theo hướng đa chiều và liên tục. Việc chỉ phát động theo kiểu “phong trào” một lần thường không tạo được sự thay đổi hành vi lâu dài. Thay vào đó, cần xây dựng kế hoạch truyền thông theo từng quý, từng năm; kết hợp giữa truyền thông đại chúng và truyền thông cộng đồng; giữa trực tiếp và gián tiếp (mạng xã hội, cảm nang pháp luật, video, clip hướng dẫn...).

Cuối cùng, công tác tuyên truyền cần gắn với đánh giá hiệu quả. Việc đo lường sự thay đổi nhận thức và hành vi của người dân thông qua khảo sát, phỏng vấn, phản ánh từ cơ sở sẽ giúp điều chỉnh chiến lược truyền thông hợp lý. Cơ chế khuyến khích các địa phương có sáng kiến tuyên truyền hiệu quả cũng nên được thiết kế trong chính sách pháp luật về CTRSH.

Tóm lại, tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về CTRSH ở nông thôn không chỉ là nhiệm vụ truyền thống, mà là đòn bẩy chiến lược để luật pháp đi vào đời sống và thay đổi hành vi xã hội theo hướng bền vững. Đây là giải pháp “mềm” nhưng mang lại hiệu quả “cứng” trong quản lý môi trường nông thôn hiện nay. Giải pháp tuy không mang lại hiệu quả ngay lập tức nhưng với những ưu điểm như phân tích ở trên thì giải pháp này vẫn cần được lựa chọn và chú trọng.

3.3.2. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật cho chính quyền cơ sở và cán bộ môi trường

Một trong những yếu tố quyết định sự thành công trong việc thực hiện pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn chính là năng lực thực thi của chính quyền cơ sở và đội ngũ cán bộ môi trường. Trong bối cảnh thực tiễn hiện nay, phần lớn các địa phương nông thôn đang đối mặt với tình trạng thiếu nhân lực chuyên môn, hạn chế về kỹ năng quản lý, lúng túng trong áp dụng pháp luật và thiếu các công cụ hỗ trợ phù hợp. Do đó, nâng cao năng lực thực thi pháp luật là một định hướng cấp thiết và cần được thực hiện một cách đồng bộ, bền vững.

Thứ nhất, cần nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng pháp lý cho đội ngũ cán bộ môi trường cấp xã. Theo thống kê không chính thức, phần lớn cán bộ môi trường ở cấp cơ sở hiện nay không được đào tạo chuyên ngành về môi trường hoặc luật môi trường, mà kiêm nhiệm từ các vị trí khác như địa chính, văn hóa - xã hội. Điều này khiến việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến CTRSH như hướng dẫn người dân phân loại rác, kiểm tra xử lý vi phạm, lập kế hoạch môi trường địa phương... gặp rất nhiều khó khăn. Việc tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên sâu, tập huấn định kỳ, cập nhật chính sách mới là giải pháp thiết thực nhằm bồi đắp tri thức và kỹ năng thực thi pháp luật cho đội ngũ này.

Thứ hai, cần xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành tại cấp xã để hỗ trợ chính quyền cấp xã trong công tác thực thi. Trong thực tế, các vấn đề về CTRSH không chỉ thuộc thẩm quyền của một cơ quan, mà cần có sự phối hợp giữa Phòng Tài nguyên - Môi trường, Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, các đoàn thể chính trị - xã hội... Tuy nhiên, cơ chế phối hợp hiện nay còn lỏng lẻo, thiếu quy định rõ ràng về trách nhiệm, dẫn đến tình trạng đùn đẩy, chồng chéo hoặc bỏ trống nhiệm vụ. Pháp luật cần quy định cụ thể trách nhiệm phối hợp, đồng thời yêu cầu thiết lập đầu mối điều phối công tác quản lý CTRSH tại cấp huyện.

Thứ ba, chính quyền cơ sở cần được tăng cường thẩm quyền và phương tiện để thực thi pháp luật một cách chủ động. Hiện nay, nhiều xã, thị trấn không có quyền xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm về CTRSH do không có cán bộ có thẩm quyền lập biên bản hoặc ban hành quyết định xử phạt. Việc giao thẩm quyền cho Chủ tịch UBND xã phải đi kèm với việc đào tạo nghiệp vụ, cấp phát mẫu biểu, ban hành quy trình xử lý chuẩn và đặc biệt là hỗ trợ pháp lý từ cơ quan cấp trên. Đồng thời, các xã cần được trang bị công cụ kỹ thuật như máy ảnh, máy in biên bản, phần mềm quản lý để tăng tính chuyên nghiệp và minh bạch trong quá trình xử lý vi phạm.

Thứ tư, cần có cơ chế khuyến khích, động viên và ghi nhận những cá nhân, địa phương có thành tích tốt trong công tác thực thi pháp luật về CTRSH. Việc này không chỉ tạo động lực tinh thần cho cán bộ cơ sở vốn đã chịu nhiều áp lực từ công việc kiêm nhiệm, mà còn góp phần hình thành văn hóa thi đua, chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương. Các giải pháp như khen thưởng, nhân rộng mô hình tốt, đưa tiêu chí môi trường vào đánh giá thi đua hằng năm là các hướng đi cần được thể chế hóa và thực hiện nghiêm túc.

Thứ năm, việc tăng cường năng lực thực thi cần được gắn với đổi mới cơ chế tài chính cho cấp cơ sở. Trong điều kiện ngân sách nhà nước hạn hẹp, cần thúc đẩy xã hội hóa, thiết lập các quỹ BVMT cấp xã hoặc cho phép giữ lại một phần phí thu gom rác để chi trả cho hoạt động giám sát, xử phạt, tuyên truyền và nâng cấp năng lực. Cần đặc biệt ưu tiên các địa phương vùng sâu, vùng xa, nơi thiếu nguồn thu và gặp khó khăn trong việc triển khai các nhiệm vụ về CTRSH.

Tóm lại, nâng cao năng lực thực thi pháp luật cho chính quyền cơ sở và cán bộ môi trường là một giải pháp không thể thiếu trong nỗ lực hiện thực hóa các quy định pháp luật về CTRSH ở nông thôn. Đây không chỉ là vấn đề chuyên môn, mà còn là yêu cầu về thể chế, tài chính và tổ chức bộ máy. Khi cấp cơ sở đủ năng lực,

đủ thẩm quyền và được hỗ trợ đúng mức, thì luật pháp mới có thể đi vào cuộc sống một cách thực chất, bền vững và hiệu quả.

3.3.3. Hoàn thiện cơ chế giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn

Trong quản lý CTRSH ở nông thôn, giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm là ba trụ cột thiết yếu giúp pháp luật không chỉ tồn tại trên giấy mà thực sự phát huy hiệu lực, hiệu quả trong thực tiễn. Theo lý luận pháp luật, mọi quy phạm pháp luật chỉ trở nên sống động và có giá trị khi được thực thi nghiêm túc, gắn với cơ chế kiểm soát và ràng buộc trách nhiệm rõ ràng. Tuy nhiên, tại khu vực nông thôn, đây lại là mắt xích yếu nhất trong chuỗi thực hiện pháp luật về BVMT nói chung và CTRSH nói riêng.

Thứ nhất, hoạt động giám sát hiện nay ở nông thôn còn mang tính hình thức, thiếu hệ thống và chủ yếu dựa vào cảm tính. Trong nhiều xã, việc giám sát quản lý chất thải rắn mới dừng lại ở các cuộc kiểm tra đột xuất hoặc theo chiến dịch, thiếu tính định kỳ, thiếu công cụ và chưa có cơ chế báo cáo rõ ràng. Cán bộ phụ trách môi trường xã thường kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản, thiếu thiết bị kỹ thuật (máy đo, máy ảnh, thiết bị kiểm tra rác thải...) và không có sổ theo dõi riêng cho CTRSH. Do đó, để hoàn thiện cơ chế giám sát, cần luật hóa yêu cầu giám sát định kỳ việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; đồng thời thiết kế các biểu mẫu thống nhất và số hóa quy trình giám sát nhằm tăng tính minh bạch và khả năng tổng hợp.

Thứ hai, cơ chế thanh tra chuyên ngành môi trường chưa thực sự đến được cấp xã, nơi trực tiếp tiếp xúc với các hành vi vi phạm. Thanh tra môi trường chủ yếu tập trung ở cấp tỉnh, cấp huyện, trong khi khu vực nông thôn lại là nơi vi phạm diễn ra thường xuyên, khó kiểm soát nhất. Do vậy, cần thiết lập cơ chế “thanh tra mềm” tại cơ sở - thông qua các tổ giám sát cộng đồng, tổ tự quản về môi trường hoặc lực lượng nòng cốt tại thôn bản như hội phụ nữ, đoàn thanh niên. Pháp luật

cần công nhận vai trò pháp lý của các chủ thể giám sát xã hội này, đồng thời quy định cụ thể về quyền báo cáo, đề xuất xử lý và bảo vệ người tố cáo vi phạm.

Thứ ba, xử lý vi phạm hành chính về CTRSH ở nông thôn vẫn còn nhiều bất cập. Trong thực tế, rất ít địa phương tiến hành xử phạt hành chính nghiêm túc đối với hành vi đổ rác bừa bãi, đốt rác gây ô nhiễm, không phân loại rác... Lý do là: (i) cán bộ xã không đủ thẩm quyền xử phạt hoặc không được tập huấn kỹ năng xử phạt; (ii) người dân thiếu hiểu biết pháp luật, dễ phản ứng tiêu cực; (iii) thiếu các chứng cứ khách quan để xác lập hành vi vi phạm. Để khắc phục, cần (1) tăng cường phân quyền cho Chủ tịch UBND xã về xử phạt hành chính trong lĩnh vực CTRSH; (2) chuẩn hóa quy trình xử phạt, từ lập biên bản đến ra quyết định; (3) xây dựng hệ thống camera, ảnh chụp vi phạm tại các điểm đen xả rác để làm căn cứ chứng minh; (4) lồng ghép xử phạt với tuyên truyền nhằm nâng cao tính răn đe nhưng không tạo áp lực tiêu cực trong cộng đồng.

Thứ tư, pháp luật cần mở rộng cơ chế trách nhiệm liên đới và truy cứu trách nhiệm hành chính, dân sự, thậm chí hình sự trong trường hợp có hành vi vi phạm nghiêm trọng hoặc gây hậu quả lớn. Hiện nay, hành vi vi phạm chủ yếu bị xử phạt bằng tiền, nhưng rất ít trường hợp phải khắc phục hậu quả môi trường, công khai xin lỗi cộng đồng hoặc bị tước quyền khai thác tài nguyên (nước, đất...) do gây ô nhiễm. Cần luật hóa các biện pháp xử lý bổ sung, mang tính giáo dục cộng đồng cao, như buộc người vi phạm tham gia lao động công ích làm sạch môi trường, công khai vi phạm trên bảng thông báo thôn/xã...

Thứ năm, cần gắn giám sát - thanh tra - xử lý vi phạm với các cơ chế khen thưởng, đánh giá thi đua trong quản lý CTRSH. Thực tế cho thấy, địa phương nào làm tốt công tác xử lý vi phạm thì hiệu quả quản lý môi trường được cải thiện rõ rệt. Do đó, pháp luật nên khuyến khích các xã có mô hình xử lý vi phạm sáng tạo, hiệu quả bằng cách: (i) nhân rộng mô hình trong toàn huyện; (ii) đưa tiêu chí thực

thi pháp luật môi trường vào đánh giá xã nông thôn mới; (iii) bố trí ngân sách ưu tiên cho xã làm tốt nhiệm vụ này.

Tóm lại, hoàn thiện cơ chế giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về CTRSH ở nông thôn là một yêu cầu cấp thiết nhằm đảm bảo sự nghiêm minh, công bằng và hiệu lực của hệ thống pháp luật. Giám sát chặt, thanh tra đúng và xử lý nghiêm không chỉ BVMT mà còn củng cố lòng tin của người dân vào pháp luật, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và văn minh từ cơ sở.

3.3.4. Thúc đẩy xã hội hóa và huy động sự tham gia của cộng đồng vào thực hiện pháp luật

Trong bối cảnh hiện nay, khi ngân sách nhà nước còn hạn chế, hệ thống quản lý CTRSH ở nông thôn còn nhiều bất cập, thì việc đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp tư nhân là một hướng đi tất yếu và hiệu quả. Theo lý luận quản trị công hiện đại, xã hội hóa không chỉ là giải pháp bổ sung nguồn lực cho Nhà nước, mà còn là cách nâng cao hiệu quả quản lý thông qua việc chia sẻ trách nhiệm, tăng tính tự chủ, minh bạch và bền vững trong cung ứng dịch vụ công.

Thứ nhất, xã hội hóa góp phần giảm áp lực cho ngân sách nhà nước và nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý CTRSH. Tại nông thôn, ngân sách dành cho công tác môi trường rất hạn chế, chủ yếu trông vào nguồn thu phí dịch vụ hoặc hỗ trợ từ trên xuống. Điều này khiến cho hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải hoạt động cầm chừng, thiếu chuyên nghiệp, dẫn đến tình trạng rác ùn ứ, đốt rác tự phát, đổ tràn lan ra môi trường. Việc xã hội hóa cho phép huy động các doanh nghiệp môi trường, hợp tác xã dịch vụ, tổ dân phố, tổ phụ nữ, đoàn thanh niên... tham gia cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo cơ chế tự chủ, có tính linh hoạt cao và bám sát thực tiễn địa phương. Nhờ đó, chi phí được kiểm soát tốt hơn, chất lượng dịch vụ được nâng cao mà không tạo thêm gánh nặng cho ngân sách công.

Thứ hai, sự tham gia của khu vực tư nhân giúp đa dạng hóa mô hình quản lý và ứng dụng công nghệ trong xử lý CTRSH. Thực tế cho thấy, nhiều mô hình thu gom rác tại nông thôn hiện nay do các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ thực hiện có tính chủ động cao và sát thực tiễn. Một số doanh nghiệp đã đầu tư công nghệ xử lý rác thân thiện với môi trường, như lò đốt không khói, thiết bị ủ compost tại hộ gia đình, hệ thống thu gom thông minh... Khi có hành lang pháp lý thuận lợi, các mô hình như “rác đổi quà”, “rác hữu cơ đổi lấy phân bón”, “thu gom rác theo tần suất linh hoạt” được triển khai hiệu quả và được người dân đón nhận. Pháp luật cần kịp thời công nhận và chuẩn hóa những mô hình này, tạo điều kiện cho khu vực tư nhân đầu tư sâu hơn vào lĩnh vực quản lý chất thải.

Thứ ba, phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong quản lý CTRSH giúp nâng cao hiệu quả giám sát và tính bền vững của các chính sách pháp luật. Người dân nông thôn có ưu điểm lớn là tinh thần gắn kết cộng đồng cao, dễ vận động nếu được tuyên truyền đúng cách. Khi cộng đồng dân cư được trao quyền tham gia xây dựng kế hoạch quản lý rác, giám sát hoạt động thu gom - xử lý và đề xuất biện pháp xử lý vi phạm, thì ý thức BVMT sẽ được nâng cao rõ rệt. Bên cạnh đó, các tổ tự quản về môi trường, hương ước BVMT, quy ước thôn xóm về giữ gìn vệ sinh chung là công cụ mềm giúp luật pháp dễ dàng đi vào cuộc sống. Pháp luật cần quy định rõ vai trò của cộng đồng trong giám sát, phối hợp, phản ánh và tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý CTRSH ở địa phương.

Thứ tư, pháp luật cần có cơ chế khuyến khích xã hội hóa bằng ưu đãi và hỗ trợ cụ thể. Doanh nghiệp môi trường, hợp tác xã dịch vụ môi trường ở nông thôn thường gặp khó khăn về vốn, công nghệ và đầu ra sản phẩm tái chế. Pháp luật cần quy định: (i) Miễn, giảm thuế cho các doanh nghiệp đầu tư vào thu gom, xử lý CTRSH ở nông thôn; (ii) Hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng đặt trạm trung chuyển, xử lý rác; (iii) Hỗ trợ vay vốn ưu đãi từ các chương trình phát triển xanh, nông

thôn mới hoặc kinh tế tuần hoàn; (iv) Ưu tiên các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp xã hội có dự án xử lý chất thải trong phân bổ nguồn lực công.

Thứ năm, cần xây dựng khung pháp lý linh hoạt, phù hợp với đặc thù nông thôn để thúc đẩy xã hội hóa. Không thể áp dụng một mô hình xã hội hóa cứng nhắc giống nhau ở mọi vùng miền. Tại các xã miền núi, ven biển, nơi điều kiện giao thông khó khăn, cần khuyến khích mô hình tổ thu gom thôn bản; trong khi ở các xã ven đô hoặc có làng nghề, nên hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư hệ thống phân loại, xử lý tập trung. Pháp luật phải mở không gian cho các địa phương lựa chọn mô hình phù hợp, đồng thời đưa ra khung hướng dẫn và các tiêu chí tối thiểu để đảm bảo tính đồng bộ, công bằng và hiệu quả chung.

Tóm lại, đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút sự tham gia của cộng đồng, khu vực tư nhân là một trong những giải pháp trọng tâm để nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật quản lý CTRSH ở nông thôn. Đây không chỉ là sự phân bổ lại vai trò, trách nhiệm giữa nhà nước - nhân dân - doanh nghiệp, mà còn là cách tiếp cận bền vững, gắn kết quyền lợi - nghĩa vụ - trách nhiệm trong một hệ thống quản lý môi trường hiện đại, toàn diện và thực tiễn.

3.3.5. Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong thực hiện pháp luật về chất thải rắn sinh hoạt

Quản lý CTRSH ở nông thôn là một lĩnh vực mang tính chất đa ngành, đa cấp, liên quan đến nhiều chủ thể khác nhau. Trong bối cảnh đặc thù của nông thôn Việt Nam - nơi hệ thống hạ tầng môi trường còn yếu, nhận thức cộng đồng chưa cao, và vai trò của chính quyền địa phương đặc biệt quan trọng - thì việc nâng cao năng lực cho chính quyền cấp cơ sở và xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cấp quản lý là điều kiện tiên quyết để thực thi pháp luật một cách thực chất và hiệu quả.

Thứ nhất, chính quyền cơ sở là tuyến đầu trong thực thi pháp luật về môi trường nói chung và quản lý CTRSH nói riêng. Chính quyền xã, phường, thị trấn

không chỉ là nơi gần dân nhất, hiểu rõ tình hình dân cư, đặc điểm địa lý và tập quán sinh hoạt, mà còn là nơi trực tiếp ban hành kế hoạch, tổ chức thu gom, tuyên truyền và xử phạt các vi phạm pháp luật về CTRSH. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, nhiều địa phương chưa có bộ phận chuyên trách về môi trường; cán bộ địa phương thường kiêm nhiệm nhiều việc, thiếu kiến thức chuyên môn, thiếu năng lực quản lý và kỹ năng giám sát. Điều này dẫn đến tình trạng “có luật mà không thực thi”, hoặc thực thi không hiệu quả, hình thức.

Do đó, pháp luật cần có quy định cụ thể về việc tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho cán bộ cấp xã về quản lý CTRSH. Cần thiết kế các chương trình tập huấn thường xuyên, có sự phối hợp giữa các Sở Tài nguyên và Môi trường, trường chính trị tỉnh, các tổ chức quốc tế và cơ quan chuyên môn, nhằm trang bị cho chính quyền cơ sở kiến thức pháp lý, kỹ thuật quản lý rác, kỹ năng vận động người dân và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật một cách linh hoạt và phù hợp với địa phương.

Thứ hai, xây dựng cơ chế phối hợp đa cấp giữa trung ương - tỉnh - xã là yêu cầu khách quan để nâng cao hiệu quả quản lý. Bản chất của quản lý môi trường là vấn đề xuyên cấp, xuyên ngành, trong khi hệ thống tổ chức hành chính của nước ta vẫn còn thiên về phân tán, chia cắt theo chức năng quản lý. Điều này dẫn đến tình trạng chồng chéo, trùng lắp, hoặc bỏ trống trách nhiệm giữa các cấp, các ngành. Để khắc phục, pháp luật cần thiết lập rõ ràng cơ chế phối hợp theo hướng: xác định đầu mối chủ trì, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp chính quyền, đồng thời quy định cơ chế thông tin, giám sát và điều phối trong thực thi.

Ví dụ: cấp tỉnh là cơ quan chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổng thể, quy hoạch bãi rác, phê duyệt dự án; cấp xã là đơn vị tổ chức đấu thầu, giám sát đơn vị thu gom và thực hiện tuyên truyền, tổ chức thu gom ban đầu và giám sát cộng đồng. Pháp luật cần quy định rõ mối quan hệ này, tránh tình trạng “khoán trắng” cho cấp xã, trong khi họ không có đủ nguồn lực để thực hiện. Ngoài ra, cần có cơ chế điều

phối ngân sách, phân bổ tài chính rõ ràng giữa các cấp chính quyền để bảo đảm hiệu quả vận hành.

Thứ ba, chính quyền cơ sở cần được trao quyền đi đôi với trách nhiệm, cùng với cơ chế giám sát minh bạch. Việc trao quyền cho cấp xã không chỉ là giao nhiệm vụ, mà phải kèm theo quyền quyết định về tổ chức bộ máy, phê duyệt kế hoạch, huy động nguồn lực xã hội hóa, xử lý vi phạm hành chính và theo dõi hiệu quả triển khai pháp luật. Luật cần quy định cụ thể cơ chế giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ BVMT của chính quyền cấp xã để tạo áp lực thúc đẩy thực thi và khắc phục tâm lý thụ động, ỷ lại vào cấp trên.

Thứ tư, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong phối hợp đa cấp và quản lý chất thải. Với sự phát triển của công nghệ, việc quản lý CTRSH có thể áp dụng các phần mềm giám sát thu gom, theo dõi điểm tập kết rác, phản ánh hiện trường thông qua nền tảng số. Các dữ liệu này cần được kết nối giữa các cấp - từ xã, huyện, tỉnh đến bộ ngành trung ương - để theo dõi, đánh giá và điều chỉnh chính sách kịp thời. Cơ sở pháp lý cho hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu quốc gia về CTRSH và trách nhiệm cập nhật, chia sẻ thông tin cần được quy định rõ trong luật và các văn bản hướng dẫn.

Tóm lại, nâng cao năng lực chính quyền cơ sở và xây dựng cơ chế phối hợp đa cấp là một mắt xích chiến lược trong hệ thống giải pháp thực thi pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn. Chỉ khi cấp xã đủ mạnh, cấp trên hỗ trợ hiệu quả, và sự phối hợp được thiết lập chặt chẽ - thì toàn bộ hệ thống pháp luật mới vận hành thông suốt, hiệu quả, góp phần xây dựng nông thôn xanh - sạch - bền vững trong giai đoạn mới.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Chương 3 đã xác định định hướng hoàn thiện pháp luật Việc hoàn thiện pháp luật cần gắn với đặc thù nông thôn – nơi điều kiện hạ tầng còn yếu, dân cư phân tán và tập quán sinh hoạt khác biệt so với đô thị. Pháp luật không chỉ xác lập chuẩn mực kỹ thuật và hành vi, mà còn cần tạo động lực, quy định rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương, đặc biệt là cấp xã. Mỗi quy định đưa ra phải dễ hiểu, linh hoạt và có thể triển khai trên thực tế. Đồng thời, pháp luật cần có tính liên kết đa ngành và đa cấp, bảo đảm đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở, tránh tình trạng phân mảnh trong quản lý. Đặc biệt, cần đẩy mạnh phân quyền đi đôi với giám sát, hỗ trợ kỹ thuật và nguồn lực, tạo điều kiện để địa phương chủ động, sáng tạo trong công tác quản lý CTRSH. Như vậy, pháp luật trở thành công cụ điều tiết trung tâm, dẫn dắt các nguồn lực hướng đến mục tiêu phát triển bền vững nông thôn.

Về giải pháp hoàn thiện pháp luật, Chương 3 khẳng định cần xây dựng một hành lang pháp lý mang tính đặc thù riêng cho khu vực nông thôn trong quản lý CTRSH. Đồng thời, việc khuyến khích tái chế, tái sử dụng cần đi kèm chính sách hỗ trợ thực chất là hỗ trợ tài chính, kỹ thuật. Hệ thống pháp luật cũng cần quy định rõ ràng về việc thiết lập các tuyến thu gom riêng biệt cho rác tái chế, tránh tình trạng phân loại tại nguồn nhưng gom chung. Việc bổ sung bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả xử lý CTRSH cấp xã vào Nghị định 08/2022 là cần thiết. Cuối cùng, pháp luật cần xác lập cơ chế “đặt hàng – hợp đồng dịch vụ môi trường” rõ ràng, hỗ trợ tiếp cận đất đai, vốn và thủ tục hành chính. Trong bối cảnh một số địa phương áp dụng mô hình chính quyền hai cấp, cũng cần rà soát lại các quy định về thẩm quyền quản lý CTRSH của UBND cấp huyện nhằm bảo đảm thống nhất và phù hợp thực tiễn.

Để thúc đẩy hoạt động tái chế, tái sử dụng CTRSH ở nông thôn đi vào thực tiễn, cần có chính sách khuyến khích thực chất, mang tính khả thi và phù hợp với điều kiện địa phương. Các ưu đãi tài chính như hỗ trợ đầu tư mô hình ủ phân tại

hộ, miễn giảm phí xử lý, hay ưu đãi thuế cho cơ sở tái chế nhỏ là những biện pháp thiết thực. Bên cạnh đó, cần xây dựng tiêu chí "khu dân cư xanh, sạch" gắn với các chính sách khuyến khích cụ thể để tạo động lực cho người dân và cộng đồng. Chính sách không nên chỉ mang tính khẩu hiệu, mà phải có quy định rõ ràng về thủ tục, đối tượng, điều kiện được hưởng. Đây là bước chuyển quan trọng từ khuyến khích chung chung sang hành động cụ thể, góp phần tạo ra cơ chế hỗ trợ rõ ràng cho quá trình tuần hoàn chất thải tại khu vực nông thôn.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hiện nay, khi môi trường sống ngày càng chịu áp lực bởi sự phát triển kinh tế - xã hội và gia tăng dân số, vấn đề quản lý CTRSH, đặc biệt tại khu vực nông thôn, trở thành một yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam. Đề tài “Pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam hiện nay” đã được thực hiện nhằm góp phần làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực này. Sau quá trình nghiên cứu nghiêm túc và toàn diện, đề tài đã đạt được một số kết quả quan trọng như sau:

Thứ nhất, đề tài đã hệ thống hóa và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về CTRSH ở nông thôn và pháp luật về quản lý CTRSH. Trên cơ sở phân tích, đề tài đã xác lập và đề xuất khái niệm "quản lý CTRSH ở nông thôn" và "pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn", nhấn mạnh đến đặc điểm pháp lý, kỹ thuật, xã hội và văn hóa đặc thù của khu vực nông thôn. Cách tiếp cận này giúp hình thành nền tảng khoa học cho việc xây dựng khung pháp luật phù hợp với bối cảnh phát triển nông thôn ở Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, đề tài đã khảo sát, đánh giá một cách toàn diện thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn Việt Nam. Qua đó, đề tài chỉ ra các kết quả tích cực như sự hiện diện tương đối đầy đủ của hệ thống pháp luật (tiêu biểu là Luật BVMT 2020 và các văn bản hướng dẫn), sự quan tâm ngày càng lớn của Nhà nước và xã hội đối với vấn đề môi trường nông thôn. Tuy nhiên, đề tài cũng thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, bất cập nổi bật: pháp luật hiện hành còn thiên về áp dụng chung, thiếu quy định riêng phù hợp với đặc thù nông thôn; cơ chế thực thi pháp luật chưa hiệu quả, thiếu nguồn lực, cơ chế tài chính và mô hình tổ chức phù hợp.

Thứ ba, trên cơ sở lý luận và thực tiễn, đề tài đã đề xuất hệ thống giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn. Các giải pháp này mang tính

khả thi, đồng bộ, gắn với điều kiện cụ thể của nông thôn Việt Nam. Trong đó, nổi bật là các đề xuất về việc xây dựng quy định riêng cho nông thôn trong hệ thống pháp luật môi trường; nâng cao hiệu quả phân loại rác tại nguồn; thiết kế cơ chế tài chính bền vững và khuyến khích xã hội hóa; phát huy mô hình quản lý tự quản cộng đồng; tăng cường truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức pháp luật trong dân cư nông thôn.

Có thể nói, đề tài đã đóng góp một cách thiết thực cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học để tham khảo trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện quản lý CTRSH tại nông thôn. Đồng thời, đây cũng là tài liệu hữu ích phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực pháp luật môi trường.

Từ những nội dung phân tích phía trên, đề tài khẳng định rằng việc hoàn thiện pháp luật về quản lý CTRSH ở nông thôn không chỉ là một yêu cầu cấp bách trong BVMT mà còn là bước đi chiến lược để đảm bảo quyền được sống trong môi trường trong lành của người dân, góp phần xây dựng nông thôn mới, văn minh và phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu Tiếng Việt

1. Quốc hội (1992), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
2. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
3. Quốc hội (1993), Luật Bảo vệ môi trường
4. Quốc hội (2005), Luật Bảo vệ môi trường
5. Quốc hội (2014), Luật Bảo vệ môi trường
6. Quốc hội (2013), Luật Bảo vệ môi trường
7. Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự
8. Quốc hội (2015), Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017)
9. Quốc hội (2024), Luật Đất đai
10. Quốc hội (2024), Luật Quy hoạch Đô thị và Nông thôn
11. Chính phủ (2018), Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
12. Chính phủ (2022), Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
13. Chính phủ (2025), Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 Ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp
14. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
15. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2024), Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2024 ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

16. Ủy ban nhân dân quận Thanh Xuân (2024), Kế hoạch số 320/KH-UBND ngày 27/12/2024 về triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quận Thanh Xuân.
17. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2025), Quyết định số 58/2025/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 quy định về việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt khác quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật BVMT 2020 và chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
18. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (2024), Công văn số 2288/UBND-CN ngày 26/3/2024 chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu và áp dụng các nội dung kỹ thuật theo Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 2/11/2023.
19. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (2024), ngày 09/9/2024 về triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/06/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường
21. Ngô Thu Uyên (2020), “Pháp luật quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam hiện nay”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội
22. Trịnh Thị Thùy, Đặng Thị Nhung (2023), Pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Tạp chí Khoa học Tây Nguyên, Số 62 (tháng 10), tr.135-tr142
23. Nguyễn Trung Thắng, Nguyễn Thị Ngọc Ánh (2024), Quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam hiện nay và khuyến nghị giải pháp hoàn thiện, Tạp chí Lãnh đạo và Chính sách, Số 7 (tháng 11), tr.66-tr.75

24. TS. Lê Kim Nguyệt & Học viên cao học Chữ Trọng Nghĩa (2024), Quản lý chất thải rắn sinh hoạt từ thực tiễn tại Thành phố Hà Nội và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật điện tử, cập nhật: 12/12/2022, <https://danchuphapluat.vn/quan-ly-chat-thai-ran-sinh-hoat-tu-thuc-tien-tai-thanh-pho-ha-noi-va-de-xuat-huong-hoan-thien-phap-luat>
25. Nguyễn Mai Hoa (2019), Đánh giá hiện trạng phát sinh, thu gom, xử lý và dự báo lượng chất thải rắn sinh hoạt nông thôn tại một số tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất Tập 60, Kỳ 5, tr.50-tr.59
26. Nguyễn Đức Toàn, Trần Quang Trung, Nguyễn Thị Vân Anh (2024), Nghiên cứu, ứng dụng mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại trường học và hộ gia đình phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, Tạp chí Khí tượng thủy văn, Số 767, tr.45-tr.55
27. Mai Quang Tuấn (2022), Nghiên cứu mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn tại xã Cẩm Lạc - tỉnh Hà Tĩnh, xã Hải Minh - tỉnh Nam Định và xã Tống Trân - tỉnh Hưng Yên, Tạp chí Môi trường, cập nhật: 07/01/2022, <https://tapchimoitruong.vn/nghien-cuu-23/nghien-cuu-mo-hinh-quan-ly-chat-thai-ran-sinh-hoat-nong-thon-tai-xa-cam-lac--tinh-ha-tinh-xa-hai-minh--tinh-nam-dinh-va-xa-tong-tran--tinh-hung-yen-26255>
28. Nguyễn Thị Thúy Hằng, Nguyễn Thị Hoa, Khuất Thị Hồng (2024), Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Tạp chí Môi trường, cập nhật: 27/12/2024, <https://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/thuc-trang-va-giai-phap-nang-cao-hieu-qua-quan-ly-chat-thai-ran-sinh-hoat-nong-thon-tren-dia-ban-huyen-ba-vi-thanh-pho-ha-noi-31670>

29. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2023), Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02 tháng 11 năm 2023 V/v hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt
30. Chính phủ (2025), Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT
31. Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2025), Thông cáo báo chí Kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024, website: www.nso.gov.vn, cập nhật: 06/01/2025, <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-ket-qua-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-giua-ky-nam-2024/>
32. Viện ngôn ngữ học (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng
33. Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), Giáo trình luật môi trường, Nxb. Công an nhân dân
34. Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật, Nxb. Tư pháp
35. Bộ Tài Nguyên và Môi trường (2023), Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2023: Môi trường nông thôn – Thực trạng và giải pháp.
36. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022), Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2021: Môi trường không khí - Thực trạng và giải pháp.
37. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2021, Nxb Dân trí.
38. Lê Nam (2023), Bảo vệ môi trường từ mô hình ủ phân hữu cơ, website: baolaocai.vn, cập nhật: 21/10/2023 15:25, <https://baolaocai.vn/bao-ve-moi-truong-tu-mo-hinh-u-phan-huu-co-post375015.html>
39. Kim Oanh (2024), Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân phù hợp, đúng quy

định,website: nghean.gov.vn, cập nhật: 27/03/2024 16:52,
https://nghean.gov.vn/thong-tin-chi-dao-dieu-hanh/xay-dung-ke-hoach-va-trien-khai-hoat-dong-phan-loai-chat-thai-ran-sinh-hoat-phat-sinh-tu-ho-gia--628516?utm_source=chatgpt.com

40. Phòng Văn hóa và Thông tin (2025), Kế hoạch triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân, cập nhật: 01/01/2025 07:30, https://thanhxuan.hanoi.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/qTXFQGHFvNHd/content/ke-hoach-trien-khai-phan-loai-chat-thai-ran-sinh-hoat-tai-nguon-phat-sinh-tu-ho-gia-inh-ca-nhan?utm_source=chatgpt.com
41. Hà Thu (2024), Phân loại rác tại nguồn - Bài 3: Bài học từ các mô hình hiệu quả, cập nhật: 12/04/2024 18:27, cập nhật: moitruong.net.vn, <https://moitruong.net.vn/phan-loai-rac-tai-nguon-bai-3-bai-hoc-tu-cac-mo-hinh-hieu-qua-73862.html>
42. Lê Thị Cẩm Hồng (2024), Hiệu quả bước đầu từ thí điểm phân loại rác tại nguồn ở khu vực nông thôn, cập nhật: 06/12/2024, website:stnmt.longan.gov.vn, <https://stnmt.longan.gov.vn/environment-75661/hieu-qua-buoc-dau-tu-thi-diem-phan-loai-rac-tai-nguon-o-khu-vuc-nong-thon-970983>
43. Thu Hải (2022), Rác thải sinh hoạt nông thôn - Bài 1: Chỗ nào cũng quá tải, Tạp chí điện tử Môi trường và Cuộc sống, cập nhật: 02/11/2022 16:00, <https://moitruong.net.vn/rac-thai-sinh-hoat-nong-thon-bai-1-cho-nao-cung-qua-tai-56251.html>
44. Lê Nam (2013), Bảo vệ môi trường từ mô hình ủ phân hữu cơ, Báo Lào Cai, cập nhật: 21/10/2023 15:25, https://baolaocai.vn/bao-ve-moi-truong-tu-mo-hinh-u-phan-huu-co-post375015.html?utm_source=chatgpt.com

45. Mạnh Cường (2024), Tái chế rác thải nông nghiệp, BVMT nông thôn, Tạp chí điện tử Thiên nhiên và Môi trường, cập nhật: 30/05/2024 08:05, https://thiennhienmoitruong.vn/tai-che-rac-thai-nong-nghiep-bao-ve-moi-truong-nong-thon.html?utm_source=chatgpt.com
46. Phi Long (2025), Tiết giảm, tái sử dụng, tái chế: Bộ giải pháp "3T" cho rác thải nhựa nông thôn, website: danviet.vn, cập nhật: 29/04/2025 14:09, https://danviet.vn/tiet-giam-tai-su-dung-tai-che-bo-giai-phap-3t-cho-rac-thai-nhua-nong-thon-d1328181.html?utm_source=chatgpt.com
47. Ngọc Thư (2024), Phụ nữ phong phú với mô hình “Ngôi nhà tái chế”, website: mttq.travinh.gov.vn, cập nhật: 07/06/2024, https://mttq.travinh.gov.vn/mo-hinh-totviec-lam-hay/phu-nu-phong-phu-voi-mo-hinh-ngoi-nha-tai-che-715227?utm_source=chatgpt.com
48. Thu Hằng (2025), Khó thu gom, xử lý rác thải nông thôn, Báo Điện Biên Phủ, cập nhật: 10:57 13/05/2025, https://baodienbienphu.vn/bai-thuong/xa-hoi/kho-thu-gom-xu-ly-rac-thai-nong-thon?utm_source=chatgpt.com
49. Vũ Văn Doanh - Châu Loan (2021), Sóc Trăng: Tháo gỡ khó khăn trong công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, Tạp chí Môi trường, cập nhật: 26/03/2021, https://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/soc-trang-thao-go-kho-khan-trong-cong-tac-thu-gom-xu-ly-rac-thai-sinh-hoat-23125?utm_source=chatgpt.com
50. Tuấn Phi (2023), Sóc Trăng tập trung khắc phục ô nhiễm môi trường, Báo ảnh Dân tộc và Miền núi, cập nhật: 16/08/2023 09:18, https://dantocmiennui.baotintuc.vn/soc-trang-tap-trung-khac-phuc-o-nhiem-moi-truong-post340888.html?utm_source=chatgpt.com
51. Thu Vân (2020), Thực trạng công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Tạp chí Công nghiệp Môi trường, cập nhật: 24/01/2020 14:00, https://congnghiempoitruong.vn/thuc-trang-cong-tac-thu-gom-van-chuyen-xu-ly-chat-thai-ran-sinh-hoat-tren-dia-ban-tinh-bac-ninh-5362.html?utm_source=chatgpt.com

52. Phương Ly (2021), Gỡ khó tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, Báo Lai Châu, cập nhật: 16/6/2021 11:19, https://baolaichau.vn/nong-thon-moi/go-kho-tieu-chi-moi-truong-trong-xay-dung-nong-thon-moi?utm_source=chatgpt.com
53. VEA (2020), Những bất cập trong việc xử lý rác thải nông thôn hiện nay, website: tainguyenmoitruong.gov.vn, cập nhật: 09:15, 13/04/2020, https://tainguyenmoitruong.gov.vn/tin-tuc-su-kien/202004/nhung-bat-cap-trong-viec-xu-ly-rac-thai-nong-thon-hien-nay-3679314/?utm_source=chatgpt.com
54. An Nhiên (2024), Nguyên nhân tình trạng ô nhiễm kéo dài tại bãi rác thôn Làng My, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, website: daibieunhandan.vn, cập nhật: 11/12/2024 16:16, https://daibieunhandan.vn/nguyen-nhan-tinh-trang-o-nhiem-keo-dai-tai-bai-rac-thon-lang-my-xa-xuan-quang-huyen-bao-thang-10354393.html?utm_source=chatgpt.com
55. Viết Trọng (2025), Cần giải pháp đồng bộ trong thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt (Bài 2), website: baolamdong.vn, cập nhật: 06:35, 27/05/2025, <https://baolamdong.vn/toa-soan-ban-doc/202505/can-giai-phap-dong-bo-trong-thu-gom-xu-ly-rac-thai-sinh-hoat-bai-2-a1042a7/>
56. Tiến Đông (2025), Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An giám sát việc BVMT tại Diễn Châu và Nghi Lộc, Báo Nghệ An, cập nhật: 18/03/2025 13:55, https://baonghean.vn/doan-dai-bieu-quoc-hoi-tinh-nghe-an-giam-sat-viec-bao-ve-moi-truong-tai-dien-chau-va-nghi-loc-10293293.html?utm_source=chatgpt.com
57. Xuân Hà (2023), Khó khăn trong việc kêu gọi xã hội hóa để xây dựng các nhà máy xử lý rác, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, cập nhật: 07/11/2023 15:06, https://tapchitooaan.vn/kho-khan-trong-viec-keu-goi-xa-hoi-hoa-de-xu-ly-xay-dung-cac-nha-may-xu-ly-dot-phat-dien-va-phan-loai-xu-ly-rac9641.html?utm_source=chatgpt.com

II. Tài liệu Tiếng Anh

58. Wang, Hua; He, Jie; Kim, Yoonhee; Kamata, Takuya (2011) - “*Municipal Solid Waste Management in Small Towns: An Economic Analysis Conducted in Yunnan, China*”, Policy Research Working Paper No. WPS5767, World Bank, <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/3529>
59. Vinti, Giovanni; Vaccari, Mentore (2022) - “*Solid Waste Management in Rural Communities of Developing Countries: An Overview of Challenges and Opportunities*”, MDPI, https://www.mdpi.com/2571-8797/4/4/69?utm_source=chatgpt.com
60. Akinwale, A. A. (2023) - “*An Examination of Legal Framework for Solid Waste Disposal and Management in the United Kingdom and South Africa: Lessons for Nigeria*”, Indian Journal of Law and Justice, Vol.14, No.1, <https://www.researchgate.net/publication/371935630>
61. Ahmed El Masry, Fatema El Ghonemy, Ibrahim AbuGazia và Raghda El Khater (dưới sự hướng dẫn của Tiến sĩ Noura Wahby) (2022), Reforming the Solid Waste Management System: The Case of Rural Areas in Egypt , The Public Policy Hub, School of Global Governance and Policy (GAPP), American University in Cairo (AUC), <https://fount.aucegypt.edu/studenttxt/102/>

PHỤ LỤC I

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9368/BTNMT-KSONMT
V/v hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn
sinh hoạt

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt đã được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). Theo đó, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Bộ Tài nguyên và Môi trường được phân công như sau:

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm: Quyết định việc phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt khác theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Khoản 2 Điều 75); bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Khoản 2 Điều 76); lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (Khoản 1 Điều 77); lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt (Khoản 2 Điều 78); quy hoạch, bố trí quỹ đất cho khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, thực hiện việc giao đất kịp thời để triển khai xây dựng và vận hành khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; bố trí kinh phí cho việc đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hệ thống các công trình, biện pháp, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn (Khoản 6 Điều 78); quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại (khoản 6 Điều 79).

Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Quy định yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt (khoản 2 Điều 76); quy định yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; ban hành tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường (khoản 5 Điều 79); hướng dẫn đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt (khoản 4 Điều 80).

Triển khai hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trong đó đã quy định: (1) Nội dung về yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; (2) Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; (3) Tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; (4) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; (5) Hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

theo khối lượng hoặc thể tích chất thải; (6) Phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với nhà đầu tư và cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; (7) Đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động.

Để tiếp tục hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 5 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành “Hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt”. Hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt đưa ra nhận diện tối đa chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân và phân loại thành 3 nhóm chất thải chính theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường gồm: (1) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) Chất thải thực phẩm; (3) Chất thải rắn sinh hoạt khác (Hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt kèm theo).

Triển khai quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện một số nội dung sau:

1. Nghiên cứu, áp dụng Hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt (ban hành kèm theo Văn bản này) để xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn bảo đảm phù hợp với các quy định tại Luật BVMT và các Văn bản hướng dẫn thực hiện; trong đó lưu ý một số nội dung sau:

a) Việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt nhằm thúc đẩy tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải, sản phẩm thải bỏ, tận dụng tối đa giá trị, kéo dài vòng đời của sản phẩm, vật liệu; khuyến khích cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân tham gia chương trình tái chế, xử lý chất thải của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các Văn bản hướng dẫn thực hiện; giảm tối đa lượng chất thải phải xử lý.

b) Việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt cần phù hợp với hạ tầng kỹ thuật Bảo vệ môi trường, công nghệ xử lý chất thải hiện có; điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; phù hợp với nội dung quản lý chất thải trong các quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; nguồn lực tài chính của địa phương.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân; triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị quý Ủy ban phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường (thông qua Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường) để được hướng dẫn kịp thời hoặc xem xét, điều chỉnh trong trường hợp cần thiết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Bộ TN&MT;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công thông tin điện tử của Bộ TN&MT;
- Lưu VT, KSONMT, Th₁₃₆

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT VỀ PHÂN LOẠI CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

(Kèm theo Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) được nhận diện và phân loại chi tiết như sau:

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
Nhóm 1. Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế			
1.1	Giấy thải		
1.1.1	Hộp, túi, lọ, ly, cốc bằng giấy.		- Loại bỏ nước, dung dịch chứa bên trong. - Thu gọn, ép dẹt, giảm kích thước, thể tích.
1.1.2	Sách, truyện, vở, báo cũ, giấy viết,...; Thùng, bìa carton; Lõi giấy vệ sinh, giấy bọc gói, bì thư, biên lai, khay đựng trứng bằng giấy,...; Các loại bao bì giấy khác không nhiễm bẩn.		- Loại bỏ thực phẩm, sản phẩm chứa đựng ban đầu. - Thu gọn, ép dẹt, giảm kích thước, thể tích.
1.2	Nhựa thải		
1.2.1	Bao bì nhựa đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,...(không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Tháo nắp, loại bỏ nước, dung dịch hoặc sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.
1.2.2	Các loại ghế nhựa, thau, chậu nhựa; Ly, cốc nhựa.		Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong.
1.3	Kim loại thải		
1.3.1	Bao bì nhôm, sắt hoặc kim loại khác đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,...(không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.

1.3.2	Đồ dùng nhà bếp bằng kim loại: xoong, nồi, niêu, ấm nước, bếp gas, vật dụng nhỏ như bát, đĩa, thìa, đĩa,...; Các loại vật dụng kim loại khác.		- Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu, xếp gọn các vật sắc nhọn để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.
1.4.	Thủy tinh thái		
1.4.1	Chai, lọ thủy tinh đựng bia, rượu, thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế... (không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Tháo nắp, loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu, xếp gọn, hạn chế va đập, gây vỡ.
1.4.2	Bình hoa, đồ trang trí bằng thủy tinh, pha lê.		Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong; tái sử dụng với đồ vật còn nguyên vẹn.
1.4.3	Thủy tinh thái khác.		Thu, xếp gọn các vật sắc nhọn để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.
1.5	Vải, đồ da		
1.5.1	Quần áo, phụ kiện; giày, dép, vali; chăn, màn, rèm cửa bằng vải,...(không dính thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Tái sử dụng đối với các đồ vật sạch. - Thu gọn.
1.6	Đồ gỗ		
1.6.1	Đồ chơi; vật trang trí, đồ gia dụng, hộp, khay,...bằng gỗ.		- Tái sử dụng đối với vật dụng còn nguyên vẹn. - Thu gọn, giảm kích thước, thể tích đối với các vật dụng đã bị hư hỏng để tái chế.
1.7.	Cao su		
1.7.1	Đồ chơi bằng cao su.		- Tái sử dụng đối với đồ chơi còn nguyên vẹn. - Thu gọn, giảm kích thước, thể tích đối với đồ chơi đã bị hư hỏng để tái chế.
1.7.2	Săm, lốp, vật dụng bằng cao su các loại.		Bó gọn.

1.8	Thiết bị điện, điện tử thải bỏ		
1.8.1	Các thiết bị điện, điện tử nhỏ như: máy ảnh và máy ghi hình; điện thoại di động và điện thoại để bàn; dây cáp và phụ kiện máy tính; bảng điều khiển trò chơi; đồ chơi điện tử; máy tính toán cầm tay; bàn phím; máy tính xách tay và máy tính bảng; máy nhắn tin; bộ đàm, đèn led, đèn halogen,...		Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.
1.8.2	Các thiết bị điện, điện tử lớn như: máy tính để bàn và màn hình; máy fax; máy in và máy quét; dàn âm thanh và loa; tivi; máy đánh chữ; đầu đĩa VCR/DVD, tấm quang năng,... Tủ lạnh, tủ đông, máy điều hòa, máy rửa bát, máy giặt, quạt điện, quạt sưởi, bếp điện, bếp từ, lò nướng, nồi cơm điện,...		Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.
Nhóm 2: Chất thải thực phẩm			
2.1	Thức ăn thừa; Thực phẩm hết hạn sử dụng.		Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì,... kín, không rò rỉ, ngăn ngừa mùi phát tán.
2.2	Các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn,...; Các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm; thủy, hải sản.		Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì,... kín, không rò rỉ, ngăn ngừa mùi phát tán.
Nhóm 3. Chất thải rắn sinh hoạt khác			
3.1	Chất thải nguy hại		
3.1.1	Bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit thải, dung môi thải, kiềm thải, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại, bình gas mini,... từ hoạt động sinh hoạt; Sơn, mực, chất kết dính (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất); Găng tay, giẻ lau dính dầu, hóa chất; Kim tiêm, khâu trang, bông băng bị nhiễm khuẩn từ người bệnh.		- Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì... để an toàn, tránh phát tán CTNH ra ngoài môi trường. - Thu, xếp gọn các vật sắc nhọn (như kim tiêm) để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.

3.1.2	Các loại bóng đèn huỳnh quang thải; thủy tinh hoạt tính thải; nhiệt kế chứa thủy ngân thải.		- Không đập vỡ. - Trường hợp bị vỡ thì lưu giữ bảo đảm an toàn tránh gây thương tích, ngăn ngừa phát tán thủy ngân trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.
3.1.3	Các loại pin, ắc quy thải.		Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.
3.2.	Chất thải công kênh		
3.2.1	Tủ, bàn ghế, sofa, giường, nệm, cũ hỏng,...		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích. Trường hợp tháo dỡ thì chất thải sau đó được phân loại vào các nhóm chất thải tương ứng.
3.2.2	Tủ sắt, khung cửa, cánh cửa,...		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích. Trường hợp tháo dỡ thì chất thải sau đó được phân loại vào các nhóm chất thải tương ứng.
3.2.3	Cành cây, gốc cây,...		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.

3.3	Chất thải khác còn lại		
3.3.1	Vỏ các loại hạt như macca, óc chó, hạt điều, dừa, vỏ trứng, xơ dừa, rơm, trấu,...từ hoạt động sinh hoạt. Chiều cói; chiều tre, trúc; gói mây, tre,...; Lông gia súc, gia cầm,...; Bã các loại: cà phê, trà (túi trà), bã mía, xác mía, lõi ngô (cùi bắp),...; Chất thải từ làm vườn từ hộ gia đình như lá, rễ, cành cây nhỏ, cỏ, hoa,...		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.
3.3.2	Phân động vật cảnh; xác động vật cảnh chết không do dịch bệnh,...		Chứa trong vật đựng kín, không rò rỉ, ngăn ngừa phát tán mùi.
3.3.3	Tã, bỉm, băng, giấy vệ sinh, giấy ăn đã sử dụng; giấy ướt đã sử dụng; bông tẩy trang, khăn trang,...; Các loại hộp xốp; các loại sản phẩm nhựa sử dụng một lần; Bã kẹo cao su, đầu lọc thuốc lá,...; Bóng bay, băng keo dán, tấm bông tai, tăm chỉ kê răng; Vỏ thuốc,...		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích, bảo đảm tránh rơi vãi.
3.3.4	Giày, dép nhựa, thước kẻ, muối (vã), thìa (muỗng) bằng nhựa; Bút, bật lửa đã hết gas, bàn chải đánh răng, vỏ tuýp, hộp kem đánh răng,...; Các loại nhựa thải khác.		Bó gọn.
3.3.5	Vỏ cứng các loài thủy hải sản; Xi than từ hoạt động sinh hoạt,...; Gốm, sành, sứ thải...		Thu gọn, giảm thể tích, bảo đảm tránh rơi vãi.
3.3.6	Các loại chất thải còn lại.		Bó gọn.